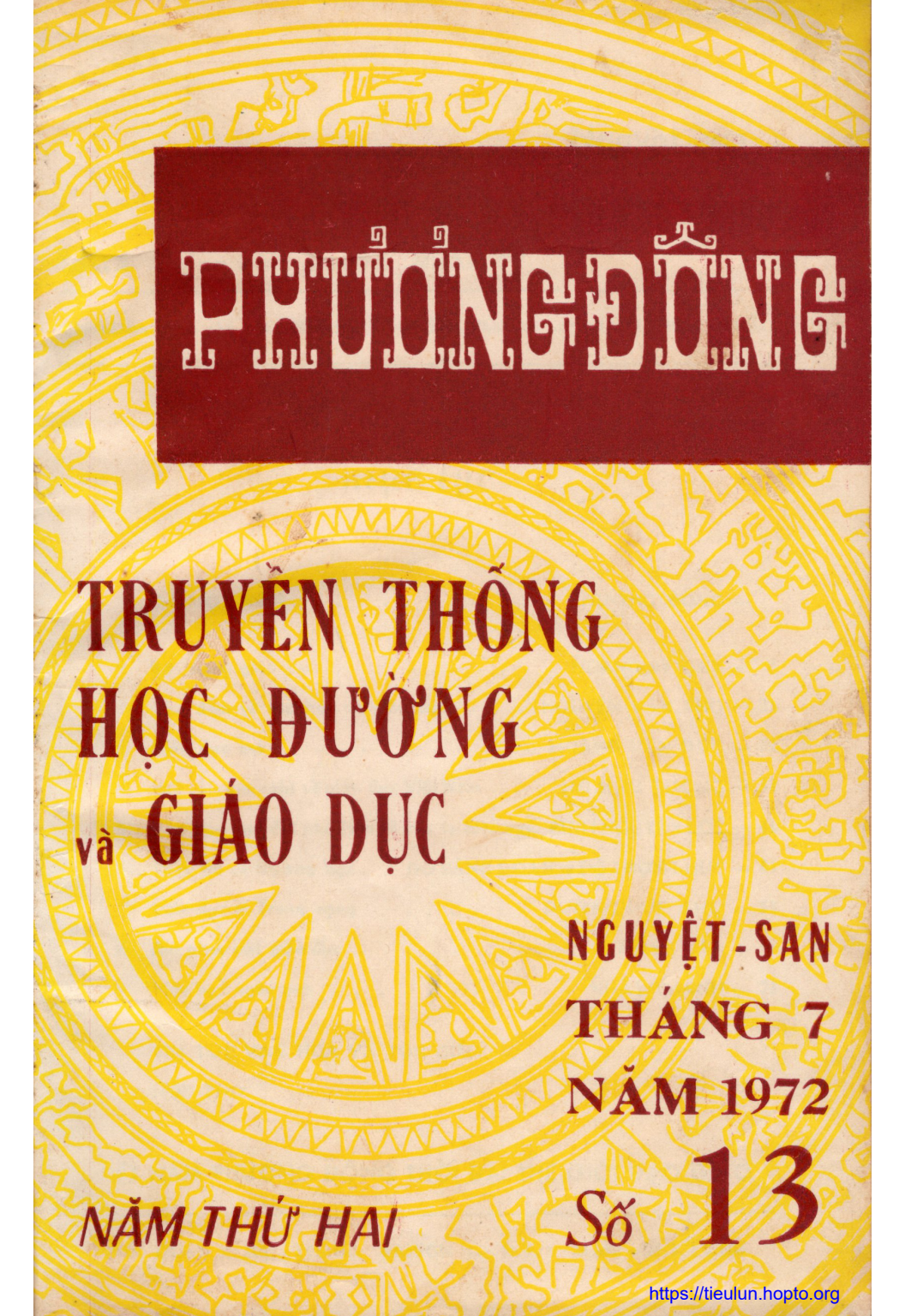




PHƯƠNG ĐÔNG

TRUYỀN THÔNG HỌC ĐƯƠNG và GIÁO DỤC

NGUYỆT-SAN
THÁNG 7
NĂM 1972

NĂM THỨ HAI

Số 13

Nguyệt san

PHƯƠNG ĐÔNG

Số 13—Tháng 7 năm 1972—NHÂM-TÝ

Chủ-nhiệm kiêm chủ bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phó chủ bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

mục lục

ĐÃ MỘT NĂM PHƯƠNG ĐÔNG —

1. Kỹ nghệ giáo dục HOÀNG SỸ QUÝ — 6
2. Mạn đàm về văn hóa và giáo dục NGUYỄN VĂN THỌ — 21
3. Giáo dục mới HOÀNG VĂN ĐỨC — 34
4. Một vài cảm nghĩ về giáo dục Việt Nam HỒ HỮU TƯỜNG — 38
5. Nền giáo dục đời nhà Hán và của ta hiện nay. BÌNH NGUYỄN LỘC — 44
6. Thầy đồ và trường học . . ĐỖ BẰNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỆ — 51
7. Giáo dục ở Trung cộng DƯƠNG ĐỨC NHỰ — 58
8. Âm nhạc với giáo dục HÙNG LÂN — 68
9. Việc học ngày xưa NHẤT THANH — 78

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO
HỢP THƠ

VIỆT NAM PHƯƠNG ĐÔNG THỜI ĐẠI THẾ GIỚI ĐẠO GIÁO

BÁO QUÁN : 161, Yên-Bồ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2.094

Nguyệt San **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đờ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BÁO

Mỗi số	90đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Caô nguyên và miền Trung : thêm 100đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 300đ cước phí đường thủy một năm.

Ai tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm báo.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, Tòa báo **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đờ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, gửi vào Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đờ, Saigon
rồi báo cho Tòa báo biết chi tiết

3) Công sỏ, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N. :

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đờ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.000 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.000 đ
	6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

ĐỖ THỊ PHƯƠNG

Thư ký TS... phát hành :

LÊ THÀNH CHUNG

Trị sự, ấn loát :

PHẠM KHẮC PHỤNG

Độc ủy viên :

NGUYỄN NGỌC LÊ

ĐÃ MỘT NĂM

PHẢI, đã một năm trôi qua, và *Phương Đông* được một tuổi rồi. Hôm nay, nó bước sang năm thứ hai, nhìn về phía *Hừng đông* đang mướt ánh, và nó đánh dấu Sinh nhật bằng một **CHỦ ĐỀ QUAN TRỌNG : GIÁO DỤC !**

Tuy còn nhiều thiếu sót, *Phương Đông* đã hoàn thành giai đoạn đầu của sứ mạng, dù với biết bao cam go lúc khởi công, dù với những khó khăn hiện nay do tình thế gây nên.

Dẫu sao chẳng nữa, *Phương Đông* cứ vững tiến và càng ngày càng phong phú về nội dung, như ai rầy đều nhận thấy rõ. Sở dĩ được như thế là nhờ ở sự hợp tác quý hóa của phần lớn các học giả đồng phương học, sự nung đỡ tận tình của biết bao độc giả không ngại gởi thơ khích-lệ, mua báo với giá ân nhân và sốt sắng cổ động cho, cũng như sự yểm trợ bằng tiền tài hay bằng quảng cáo (gửi đăng) của một số hội, xí nghiệp và thân hữu.

Dù sao, bước đường *Phương Đông* còn dài, những khó khăn của một tạp chí cỡ này không phải là nhỏ, nhất là trong tình thế hiện nay. Vậy dám mong quý bạn hợp tác chặt chẽ gấp hai, nhất là bằng cách cổ động cho rất nhiều người biết đến và yêu đọc *Phương Đông*, để tất cả cùng với *Phương Đông* **XÂY DỰNG NGƯỜI VIỆT MỚI TRÊN CĂN BẢN VỮNG CHẮC CỦA CHÍNH MÌNH**. Và đó là cách yêu nước sâu xa nhất của chúng ta.

Chân thành tri ân quý bạn.

KỸ-NGHỆ GIÁO-DỤC

HIỆN-TRẠNG GIÁO-DỤC

TỪ mấy năm nay, nhà nước đương mưu cái tổ giáo dục. Và Hội đồng giáo dục thành hình từ đời ông Phó Kỳ cũng không ngớt đề nghị cái tổ giáo dục.

Phải công nhận rằng trong Hội đồng Văn hóa giáo dục cũng có lác đác mấy ông xứng đáng với cái tên «nhà giáo dục». Nhưng vai trò của Hội đồng chỉ là khuyến cáo mà thôi. Thế mà ở cái đất Việt nam này, nghề cổ vấn thì rẻ mặt, bởi để làm và không làm được gì cả. Người có quyền để làm thì dẫu họ có hiểu mà bảo làm với không. Và giả như có hiểu, họ cũng chẳng thiết đề cử mà làm.

Còn Bộ Giáo dục? Các báo thường gọi xách mé là «Vô giáo dục», có lẽ vì trong Bộ không thiếu những tro lem nhem như các Bộ khác, và có lẽ cũng tại Bộ không hề làm giáo dục.

Ngồi trên trốc Bộ đó, khi thì thấy một ông gồ gồ ăn tiền, ông bác-sỹ; lúc lại thấy một ông sắc mùi thuốc men, ông dược-sỹ. Và ở chính Viện Đại học Saigon cũng thế.

Thỉnh thoảng, thấy các ông họp nhau bàn cãi ầm ỹ. Ông này bảo Mỹ họ làm thế kia, bà kia nói Pháp họ làm thế này. Kết quả lại một giải pháp được đề ra : bỏ thi Tú tài I theo Pháp, thêm môn học này theo Tây, và thi kiểu này theo Mỹ. Chúng tôi không chối rằng có những cái là tấn bộ, hợp thời mà thiên hạ tìm ra trước, nên ta phải gắng mà đổi theo. Chúng tôi chỉ trách sự lười biếng tìm tòi, không thể tự mình tìm ra một cái gì là riêng

của mình cả. Chúng tôi cũng công nhận rằng tri dục là tối quan trọng. Nhưng chúng tôi chê ở chỗ người ta quá đề cao tri, coi như tri là tất cả con người rồi. Phải mà, tổ tiên Descartes đã bảo cái tôi là tư tưởng, và tư tưởng đây là của lý trí, của cái nhìn khách vật, chứ không phải ý thức về hiện sinh! Cái thứ Bộ giáo dục con đẻ của Descartes ấy phải đổi là Bộ Học chính, Bộ Khách-vật-học-chính mới đúng.

Nói một cách công minh, thì chương trình học ngày nay cũng bao gồm cả đạo đức học công dân giáo dục, thể thao và hoạt động thanh niên nữa. Nhưng những môn này không quyết định việc lên lớp và thi đậu, nên bị rẻ rúng và đứng gần như «bên lề» của lớp học. Vả lại, đạo đức học mà do những «chuyên viên» dạy, những ông tuy biết môn học nhưng không phải là những tấm gương sống về điều mình nói, thì thử hỏi sẽ thay đổi được gì trong con người bây giờ? Người ta học để biết, để trang trí cho trí khôn mà lại, chứ có phải để sống đâu. Đức Khổng nói : Biết đạo không bằng ham đạo, ham đạo không bằng làm đạo¹.

Nhưng tệ hơn cả là cái nguyên-tắc chỉ huy giáo dục, theo đó thì con người là một nguyên-liệu đồng đều, cần phải được chế luyện từng loạt và đồng đều. Gần đây, người ta nói nhiều đến «đầu tư giáo dục». Những danh từ kinh tế học như thế nghe có vẻ quá «bóng bẩy» trong địa hạt giáo dục, nhưng trở trêu thay! chúng lại nói đúng tình trạng

1. Luận ngữ thiên 6, ch. 18.

giáo dục ngày nay. Phải, theo quan niệm ngày nay, giáo dục đã trở thành một kỹ nghệ sản xuất đồng đều những bộ máy hiểu biết khách vật, tuân tụt từ lớp dưới lên lớp trên, như trong chiếc guồng của một xưởng làm cá hộp vậy. Bộ máy hiểu biết khách vật là lý-trí, và lý trí đây là hạ trí (manas), bộ máy ấy quen nhìn ra ngoài và nhìn vật chất. Nó suy luận tất cả từ vật chất, theo hình ảnh và phạm trù của vật chất. Phải, nếu nói lý trí thì nó chỉ khác nhau ở mức độ thông minh, và thứ thông minh này là thông biết khách vật, chứ không phải ý thức về lẽ sống. Thế mà, giữa người và người, sự khác biệt phải sâu xa hơn thế, và vô cùng sâu xa, vì đây là khác bản vị, do đó không thể xếp loại được.

Khốn nạn thay, cái bản sắc tâm linh của mỗi người ngày càng không được đếm xỉa tới, vì chúng ta đương sống trong thời đại của Đám đông. Tất cả công cuộc truyền thông đều hướng về đám đông, và các con buôn, con buôn theo nghĩa đen hay con buôn chính trị, hiện đang nắm giữ trọn các phương tiện ấy để nhồi sọ, để hướng dẫn dư luận và cảm nghĩ, để thiết định nhu cầu và nếp sống. Họ khơi động những bản năng thấp kém nhất của con người để dựa vào đấy mà biến chế họ thành đồng đều, thành một bầy trâu để sai khiến và vô bản sắc.



Đồng phương từ lâu đã theo Tây học. Đó là điều phải làm, vì cái trực văn minh hiện nằm bên Tây phương. Quả có rất nhiều cái chúng ta cần học hỏi ở Tây phương, về khoa học, kỹ thuật cũng như về phương pháp tìm tòi và phân tích. Khốn nỗi, theo Tây chúng ta đã theo hoàn toàn và mù quáng, khiến trở nên vọng ngoại và làm trò khỉ, nghĩa là chỉ biết bắt chước thôi.

Nhất là khi trong địa hạt giáo dục, Tây phương đã đi sai đường! Tây phương thiên về lý trí, mà con người hữu trí vô nhân là con người xảo. Tây phương coi giáo dục là «sản xuất từng loạt», mà đường lối này là do kỹ nghệ để ra.

Nói ta theo Tây hoàn toàn thì có, nhưng hoàn hảo thì không. Thực ra, ta chỉ bắt chước Tây ở bề mặt, ở những gì tồi bại, mà ở chỗ đó ta càng tệ hơn Tây nhiều nữa. Đúng thế, một lớp học bên Tây chỉ có ba bốn chục, còn bên ta thì quả là «đám đông», đông tới một trăm và hơn thế. Một giáo sư Trung học bên Tây dạy không quá mười mấy giờ một tuần, trong khi giáo sư Đại học bên Việt-Nam mà đã dạy tới ba chục giờ rồi. Hơn nữa, người ta còn dạy nhiều lớp khác nhau và nhiều trường khác nhau.

Trước mắt vị giáo sư có mấy ngàn trò đó, mỗi trò chỉ còn là một con số và toàn thể là một khối lượng không hơn không kém. Làm sao để biết được từng người, nói chi đến tình nghĩa thầy trò, sự tương quan thân mật! Món hàng mà ông sản xuất còn «đồng loạt» gấp mấy bên Tây, và cái phẩm vô cùng thấp kém cũng đồng loạt cho tất cả.



Giáo dục «theo Tây» đành thế rồi, nhưng giáo dục cổ truyền Đông phương hỏi có hơn gì hay không?

Phải nhìn nhận rằng giáo dục này cũng có nhiều nhược điểm. Ông thầy không để học trò tự mình tìm ra chân lý, để chân lý thành là của họ, nhưng bắt học trò phải nhai lại những tư tưởng gọi là của thánh hiền. Những tư

1. Những cái hay của Tây-phương như : óc phân tích, phương pháp tổ chức, nhất là ý thức xã hội và lòng nhân đạo do ảnh hưởng Ky-tô giáo.

tưởng ấy hay thì hay thật, nhưng sẽ hết hay khi nó trở thành giáo điều. Nhưng đây là giáo dục hủ nho, vào thời mà tư tưởng thánh hiền đã chai cứng lại rồi, không còn hồn sống nữa. Trái lại trong chính thời thánh hiền, giáo dục luôn luôn đi đến từng người một, tùy theo khả năng lĩnh hội hay ý thức của họ.

Dầu sao chăng nữa, giáo dục Đông phương thường dựa trên quan niệm con người như một chủ vị, một người sống thực, chứ không phải lý trí xuống. Do đó, đường lối của giáo dục ấy là Tâm truyền chứ không phải (Lý) Trí truyền.

Đây là tâm truyền vì đây là giáo dục để nên người, và cái nó làm nên con người là tâm linh, chứ không phải lý trí, tuy Tâm linh cũng bao gồm lý-trí.

GIÁO DỤC LÀM NGƯỜI

Giáo dục không phải chỉ là để biết. Giáo dục trước tiên phải là để nên người. Con người không phải hồn riêng và xác riêng. Triết học Platon đã khởi sự cho cuộc phân ly ấy. Thực ra, Platon-phái chỉ đối lập Lý và Chất thôi, nhưng Lý đây mới là Lý-trí, chứ chưa phải có gì cao hơn như người ta tưởng. Triết lý Đông phương cũng nhị nguyên một cách như đó, nhưng nhị nguyên của nó là ở biến dịch và Hằng tại. Trong thiên nhiên, đó là cái Đạo hằng tại và Bề ngoài biến dịch của nó. Trong con người, đó là cái Tâm hằng tại và cái Thân thay đổi. Tâm đây là Linh-tâm và Sinh-tâm, nên có gì linh động, và sự phân biệt Tâm-Thân hay Tâm-Vật cũng không có bờ ranh rõ rệt. Chính do đó mà nhị nguyên hơn cả như Yoga, đối chọi giữa Tinh thần Puruṣa và chất thể Prādhana cũng

rất chú trọng đến thân xác ngay cả trong việc tìm giải thoát.

Vậy, xét cho đến cùng, thì Đông phương vốn coi con người như một toàn bộ, đánh giá trị mỗi thành phần của nó trong tương quan với nền tảng, chiều sâu và Hằng tại. Trong thực tế, người Đông phương vẫn chấp nhận thể xác, nhưng chú ý đến Linh-tâm mà thể xác kia phải dựa vào. Vì con người là «cây sậy biết suy tư»¹, nên đánh giá nó theo tương quan với Linh-tâm là rất đúng vậy.

Vì đánh giá như trên, nên người ta chấp nhận việc tìm kiếm thể trần ở chỗ không bất chính, nhưng kính trọng những «chàng kỵ sĩ của Đức Tin»² hơn. Vì đánh giá như thế, nên nhà Yogin, trên con đường tìm chiều sâu, đã đồng hành với thân xác bằng những tọa-thế, phương pháp tức quán và thanh tẩy, v.v... Và cũng vì đánh giá như thế, nên người ta tránh được, tuy không hoàn toàn, những cực đoan của văn minh Hy-La, như khi tìm giải thoát thì không đếm xỉa đến thân thể, và khi tìm thân thể, thì lại sa lầy hoàn toàn ở đó mà quên mất linh-tâm. Vì đánh giá như thế nữa, nên tuy chuyên chăm khoa học, người ta vẫn coi Vedānta nhằm giải thoát phải là tận kết của khoa học, tức Veda.

Phải, khoa học và kỹ thuật rất cần để sống, nên không thể không trau dồi, nhất là trong lúc chúng ta chưa thỏa mãn nổi những nhu cầu cấp thiết của thân xác. Có điều không nên coi chúng là cứu cánh trong khi thực ra chúng chỉ là phương tiện thôi. Của con người, cứu cánh phải

1. Pascal

2. Tiếng của Kierkegaard chỉ những người không lấy thể trần làm thỏa mãn.

cao hơn cuộc đời, cao hơn xác chết, và cao hơn chính người. Không thể dừng lại ở vật chất, vì ở đấy, chúng ta mới chỉ bình đẳng với trâu bò thôi. Không thể dừng lại ở Lý trí, vì chỗ cao của Trí phải là Huệ vậy. Đã là giáo dục làm người thì phải chú ý đến toàn bộ con người, đồng thời phải đặt mỗi phần vào đúng bậc thang giá trị của nó.

Bậc thang giá trị ấy, có lẽ không mấy người là không biết. Nói theo nguyên tắc, thì ai chẳng nhìn nhận Đức dục phải đứng hàng đầu. Con người hữu trí vô đức sẽ thành xảo, và chỉ có thể tác hại cho xã hội mà thôi.

Chẳng những môn Đạo đức học ngày nay đã trở thành môn «đề học», và phụ thuộc, mà nhiều môn học khác, một cách gián tiếp, cũng phản lại đạo đức nữa.

Phân tích cuốn Số-học (Arithmetic) của Thorndike, Freeman cho thấy tất cả 643 bài toán của ông đều có tác dụng là khiến học sinh làm quen với quan niệm sống của thế giới tư bản, vì lý do bài toán nào cũng nói đến Lợi : mua đi bán lại để kiếm lời, cho vay để lấy lời, mượn nhân công sản xuất để sinh lời, v.v...¹ Thứ toán học kiểu ấy sẽ thấm dần đưa trẻ bằng ý tưởng Lợi. Một khi khá mạnh, ý tưởng Lợi này dễ dàng làm lu mờ ý tưởng Nghĩa, và con người sẽ trở nên bất nhân. Vậy cần phải đưa vào, dù trong số học, những ý tưởng đối lập về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, chẳng hạn như :

— Ông Minh mỗi tháng lãnh 30.000đ tiền lương. Gia đình ông chi tiêu về ăn, mặc và nhà ở hết 20.000đ. Nay muốn cho 2 con đi học mỗi đứa hết 1.500đ, gửi về quê giúp cha mẹ 8.000đ, trợ cấp cho gia đình người bạn nghèo 3.000đ và bỏ quỹ tiết kiệm

3.000đ, thì thử hỏi mỗi tháng ông Minh phải làm thêm bao nhiêu giờ phụ trội, mỗi giờ 200đ ?

Các môn học xưa kia chú trọng về lý thuyết. Các môn học ngày nay đương nghiêng dần về thực hành. Ở thực hành, người ta học cái nguyên tắc của thành công. Thành công là hay, nhưng cái tệ là, quá nhấn mạnh vào thành công, người ta đã biến thành công thành tiêu chuẩn để phán đoán về giá trị một việc làm, còn trách nhiệm luân lý thuộc nghề nghiệp thì hầu như bị bỏ quên.

Dù trong ngành học nào cũng thế, một cách ý thức hay vô ý thức, người ta vẫn có thể huấn luyện tinh thần đạo đức hay phản đạo đức trong tâm hồn người sinh-viên. Dù trong khi làm việc tâm trí, con người vẫn sống tất cả con người, nên không thể hoàn toàn khách quan được. Vậy vấn đề không thể chỉ là khoa học, vấn đề còn phải là giáo dục nữa.

Khoa học cũng đừng khép kín nơi mình bằng cách quy hướng hoàn toàn về vật chất cùng với những định luật máy móc của nó, khiến làm mất hết ý thức siêu thăng (sens de transcendence) ... Sự khiêm nhường khiến khoa học luôn nhìn ra giới hạn của mình, nhờ đó hướng mở tâm trí chúng ta về một khoảng trời mầu nhiệm.

Có như thế, sự học sẽ không thu hẹp không gian, không ngăn trở cái nhìn tổng hợp, và không phản lại Giáo dục làm người.

CON NGƯỜI CỦA ĐÁM ĐÔNG

Con người không phải chỉ là của riêng mình. Nó còn là của loài người nữa. Cho nên, chúng ta không thể

1. Xem David Krech, *Theory and problems of social psychology*, London 1948, tr. 331.

thành người nếu tách ra khỏi gia đình nhân loại. Vậy giáo dục cần phải phát triển khía cạnh «loài người» của mỗi người đó.

Nhưng loài người lớn lao quá, vì nó đông hằng mấy tỷ, trải rộng khắp năm châu, và khởi thủy từ một quá khứ rất xa xăm để vươn tới một tương lai cũng vô bờ vô bến. Vậy tuy mỗi người sống giữa loài người và thuộc về lịch sử, nhưng loài người ấy được đại diện bởi khu vực chúng ta sống, và lịch sử có mặt trong hiện tại của tiềm thức, phong tục và văn hoá mỗi miền.

Có điều khu vực có thể là đám đông hay cộng đồng. Là đám đông thì nó không có một bộ mặt, chỉ cộng đồng mới có linh hồn, do đó có phẩm giá, bản sắc. Cái cộng đồng mà bản sắc hiện rõ và vững vàng hơn cả là dân tộc.

Dân tộc là gì và đám đông là gì?

Chúng ta hãy bắt đầu với đám đông.

Như trên đã nói, đặc điểm của đám đông là không có gì đặc sắc hết. Giá trị của đám đông chỉ là ở tổng số, khối lượng, chứ cá vị trong đó không được đếm xỉa tới. Đám đông không suy tư, cân nhắc, không có quá khứ và tương lai. Một vài kẻ gian manh có thể làm sinh ra một đám đông và biến đổi nó tùy sở thích. Đó là những kẻ biết đánh trúng vào những bản năng hạ đẳng nơi con người: bản năng bạo động hướng về thù hận và giết chóc, bản năng ích kỷ và tham lam, v.v...

Theo triết gia Ortega y Gasset 1, «đám đông là tất cả cái gì không đề ra một giá trị nào nơi chính nó». Mỗi người trong đám đông bị biến mất đi như một con số, vì giá trị của đám đông, — nếu đây gọi là giá

trị — chỉ là ở khối lượng hay số lượng mà thôi. Như thế, đám đông khác với đoàn thể, vì «sự gặp gỡ thực sự của các thành phần trong đoàn thể, được dựa vào một ước muốn, ý tưởng hay lý tưởng, tự nó gạt số đông ra ngoài.» Những người trong đoàn thể, và các nhân vị cũng thế, đó là những người «đòi hỏi ở mình rất nhiều, chất chứa trên mình những khó khăn và bồn chồn», do đó làm nên một tinh thần, một bản sắc và tư cách, chứ không trở thành «đồng», thành thụ động như đám đông.

Ngày nay, con người càng ngày càng trở nên đám đông. Đám đông xưa kia lúc nhúc ở những chốn đen tối, nghèo hèn, nhưng đám đông ngày nay lại đầy ngập các phòng trà, khách sạn và rạp chiếu bóng. Đó là vì con người ngày nay truy hoan nhiều hơn, vì có chung phần lớn các đam mê và phương tiện để thỏa mãn các đam mê ấy.

Cả José Ortega y Gasset và Elias Canetti 2 đều công nhận thời nay là thời chuyên chế của đám đông. Cộng sản đã quan niệm con người là đám đông, và làm nổi lên khắp nơi những đám đông để phá phách, kiếm ché và nhồi sọ. Các phe nhóm chính trị khác cũng bắt chước gần như thế. Tất cả các hình thức thông tin và tuyên truyền đều nhằm đám đông và vun trồng tinh thần đám đông, khiến «những phát minh chính trị của thời nay chẳng có gì hơn là chuyên chế chính trị do

1. Tác giả cuốn *The Revolt of the Masses*, 1930, mà tư tưởng được tóm tắt trong chương *The Coming of the Masses* đăng trong tập *Culture and Crisis* của Frank J. Warnke và Janice D. Warnke, tr. 14-19.

2. Trong cùng cuốn *Culture and Crisis*, tr. 20-34, bài *The Crowd*.

đám đông»¹. Trong đám đông ấy, tất cả những gì là riêng tư, là không giống mọi người, đều bị tiêu diệt. Nhất là khi đám đông do bản tính lại hướng về đập phá. Theo Canetti, «sự thích đập phá của đám đông được ghi nhận là tính chất rõ rệt của nó»².

Canetti chia ra hai loại đám đông: đám đông mở rộng và đám đông khép kín, nhưng cho rằng chỉ «đám đông mở rộng mới đúng là đám đông». «Đám đông mở rộng», đó là đám đông tự mình vô định hướng và nay hợp mai tan. Nó chỉ tồn tại bao lâu nó đương lớn lên, và một trong những cái làm nó lớn và mạnh lên, đó là sự huyền ảo, nhất là do đập phá.³



Trong các nước tự do dân chủ, dường tưởng là đám đông không mạnh đâu, vì đám đông còn có thể là sản phẩm của tự do và của đời sống kỹ-nghệ nữa.

Kỹ nghệ cần thiết để nuôi một số đông, nhưng kỹ nghệ đã ảnh hưởng đến tâm lý con người cũng như cơ cấu xã hội, để biến chế tất cả thành một khối đồng đều và khổng lồ trong một guồng máy.

Herbert Marcuse, triết gia được giới trẻ tôn thờ một thời, trong cuốn «Onedimensional man» (Con người một chiều kích) đã đưa ra ánh sáng sự chuyển chế tối tân của thời đại, sự chuyển chế không còn do một người hay một nhóm người, nhưng do cả một bộ máy tổ-chức xã hội nó đè bẹp con người, bộ máy mang cái tên rất hấp dẫn là «Văn-minh kỹ-nghệ»⁴.

Buổi sơ khai của văn minh ấy được Marcuse coi là thời vàng son, đánh dấu bằng sự đòi hỏi những quyền lợi và tự do căn bản của con người. Nhưng

một khi những tự do ấy được ban bố và củng cố trong thứ xã hội chúng khai sáng nên, thì sự thành công kia đã xoá bỏ mất hứa hẹn. Xã hội mới ngày càng thỏa mãn nhu cầu, nhưng đồng thời cũng gia tăng nhu cầu làm cho con người bị rầy rứt và bị kiểm chế. Chúng tôi nghĩ rằng dù cho đó là xã hội dân chủ của tư bản hay đảng trị của Cộng sản, thì một khi nó đã nhắm mục tiêu chính yếu là sản xuất và thỏa mãn nhu cầu, thì nó sẽ để ra tâm tình «hữu cầu», dề dỏi bằng nhu cầu, nó thống trị con người từ bên trong, và bằng những then máy đầy đặc của tổ chức xã hội mô phỏng theo cơ khí và cơ xương, các thế lực chính trị và kinh tế của nó sẽ mặc sức thao túng, xô mũi con người lúi đi mà nó không còn cách nào chống cự được.

Tôi nhớ hồi xưa được coi một cuốn phim Charlot nói về cái máy ăn. Cái máy vừa được sáng chế liền trực trặc, và người ta bắt Charlot trối vô đề thử. Bắt đầu, những món ăn thơm ngon được chuyển tới, và muỗng đĩa xúc đưa tận miệng cho chàng hề xơi. Bất ngờ khi đến món ngô hấp thì gặp đúng chỗ trực trặc, và thay vì được phục vụ, Charlot đã bị hấp ngô kia và đến sưng mép, trong khi vì bị trối vào máy, anh không có cách nào né tránh cả.

Phải, cái tệ của máy không phải ở chỗ chúng giúp đỡ ta, nhưng ở chỗ chúng nuông chiều ta thái quá, khiến ta trở nên ẻo lả, nhu nhược, bị lệ thuộc vào những cái vuốt ve của chúng.

1. Trong *Culture and Crisis*, tr. 18.

2. Ibidem, tr. 24.

3. Ibidem, tr. 25.

4. Xem *One-dimensional man*, Beacon Press Boston, in lần thứ 13, tháng 12 năm 1970, nhất là tr. 1-18. Hoặc *L'homme unidimensionnel*, do Monique Wittig dịch, Editions de Minuit (Paris) xuất bản năm 1968, tr. 29-47.

Cho nên, vấn đề không phải chỉ là thoả mãn nhu cầu, mà còn là biết chọn nhu cầu thực và bỏ nhu cầu giả tạo. Đề có thể phân định về nhu cầu, còn người phải vượt trên nhu cầu bằng tinh thần siêu thoát, nhờ đó không bị nhu cầu chi phối.

Đó là chuyên chế bên trong, và nó đi đôi với một chuyên chế từ ngoài, chuyên chế do tổ chức. Sự chuyên chế này cũng là ép khuôn để biến tất cả thành đồng hình (uniforme) như những chuyên chế ngày trước. Có điều khác với ngày trước, là nó hiệu nghiệm hơn gấp hàng vạn, ức triệu lần. Sự chuyên chế thời mới cũng không phải là bạo động và bằng sức mạnh chính trị nữa¹, nhưng là bắt bạo động và bằng sức mạnh kinh tế. Nó thực hiện bằng cách « điều động nhu cầu nhân danh một quyền lợi chung giả tạo » và phát sinh từ một « hệ thống đặc biệt về sản xuất và phân phối »². Theo Marcuse, chính quyền trong các nước đại kỹ nghệ ngày nay nắm trọn quyền điều hành, tổ chức và khai thác việc sản xuất kỹ nghệ, và việc sản xuất ấy điều động tất cả xã hội như một khối, không đếm xỉa đến cá nhân và đoàn thể. Thiết tưởng cần phải thêm rằng chính các đầu não trong chính quyền cũng bị trói buộc vào cái guồng máy vĩ đại và tàn nhẫn mà tự tay họ kiến tạo nên. Chính thế, « trong cái xã hội được tổ chức và đặt nền tảng trên cơ giới chủ nghĩa đó, điều tàn nhẫn là quyền lực vật-lý của cái máy lớn hơn quyền lực của cá nhân hay các nhóm cá nhân ».

Hồi đầu, sự phát triển kỹ thuật và kỹ nghệ quả có mang một ý nghĩa giải phóng con người thực đấy, nhưng nay thì hết rồi. Đáng lẽ tự do kinh tế phải là giải thoát khỏi thế lực kinh tế, khỏi áp bức của những lực và tương quan kinh tế, khỏi sự vật lộn hàng ngày để

tranh sống! Đáng lẽ tự do chính trị phải là giải thoát khỏi thứ chính trị nó kiểm chế con người một cách máy móc và tàn nhẫn, trong khi người dân không thể kiểm soát nó một cách hữu hiệu như ta tưởng! Đáng lẽ tự do tri thức phải là phục hồi suy tư cá nhân hiện đang chết đuối dưới những phương tiện « truyền thông đám đông », đang là nạn nhân của sự nhồi sọ!

Làm thế nào để giải thoát bây giờ?

Vùng dậy một cách âm ỉ như sinh-viên chỉ nói lên sự nóng nôi và bất lực của con người sắp chết đuối³, có ăn thua gì trước guồng máy khủng khiếp nó chi phối một cách hiểm độc từ bên trong, bằng cách « củng cố những nhu cầu vật chất và tri thức »!

Sức mạnh khổng chế nằm ở trong ta, nên không thể thắng chúng từ ngoài ra. Vấn đề phải là giảm thiểu nhu cầu và giảm bớt ham muốn. Các phương tiện « truyền thông đại chúng » — chúng tôi không chấp nhận danh từ « đại chúng » này — phải được kiểm soát do một ủy ban nhân dân gồm những người đức hạnh và cởi mở⁴, tránh cho chúng khỏi bị những con buôn kinh tế và chính trị lợi dụng vào việc hướng dẫn dư luận và đầu độc xã hội. Tinh thần tự chủ và siêu thoát bằng Thiền và Yoga, tinh thần khắc khổ và phóng khoáng của vô hiệp đạo phải được vun trồng cho

1. Trừ phi trong một số nước, như các nước Cộng-sản.

2. *One-dimensional man*, tr. 3.

3. tr. 9.

4. Chúng tôi nhấn mạnh vào tiếng « cởi mở », vì rất nhiều người đạo đức mà lại thủ cựu và cứng nhắc trong những quy tắc và quan niệm sống chật hẹp. Những người này không thể có ảnh hưởng, mà trái lại, còn ngăn cản tiến bộ nữa.

thanh thiếu niên ngay từ ở học đường, giúp họ đủ bản lĩnh để đương đầu với sức cám dỗ của tiện nghi, để biết suy tư tự mình và tự tìm ra cho mình một lối sống tinh thần riêng, dù trước sức lôi kéo và dồn ép từ mọi phía do tổ chức xã hội ngày nay.

Giảm thiểu nhu cầu, người ta phải bãi bỏ trước tiên những nhu cầu giả tạo. Đó là sự xa xỉ, những khoái lạc và tiện nghi không cần, nhất là khi chúng được xây dựng trên bất công, trên sự khốn khổ của một đám người phải lao tác trong những điều kiện vô nhân đạo. Tôi có ý nói đến những người phải làm việc quá sức, hoặc làm đêm và làm dưới hầm. Tôi có ý nói đến những người phải dành nửa đời sống mình cho những động tác nhàm chán bên một guồng máy, v.v...

Nhu cầu giả tạo, tôi còn có ý nói đến sự ham thích và tiêu thụ tùy theo tác động của quảng cáo, sự yêu hay ghét tùy theo chung quanh mình người ta yêu ghét, nghĩa là việc theo mốt, theo phong trào, theo đám đông.

Những nhu cầu giả tạo này có một chức vụ xã hội và được thiết định do những sức mạnh bên ngoài, sức mạnh đánh vào vô thức mà cá nhân không thể kiểm soát, đến nỗi nhu cầu đám đông biến thành của mỗi người. Sự kiện mà giàu hay nghèo cùng ăn mặc theo một mốt, cùng theo dõi một chương trình truyền hình hay phát thanh, không có nghĩa là bình đẳng xã hội, mà chỉ nói lên sức mạnh khổng lồ chế ngự khiếp của cùng một nhu cầu, nó khiến cho kẻ bị bóc lột và đầu độc, cũng yêu hay ghét cùng một thứ với kẻ bóc lột và đầu độc họ.

Phải «bất cần» và có sức mạnh tinh thần mới có thể chống lại cám

đỗ của xe hơi nhà lầu, của ti-vi tủ lạnh, v.v..., nhờ đó hạ bớt những nhu cầu giả tưởng. Tôi đã gặp những gia đình ăn không đủ no, lại mắc nợ phải trả lãi 7, 8 phần trăm một tháng, thế mà vẫn muốn sắm tủ lạnh hoặc không thể bán ti vi để trả nợ. Nhu cầu thực đã phải nhường chỗ cho những nhu cầu không đâu. Nhu cầu thực, đó là ăn cho đủ sức, ở cho đủ thoáng, mặc cho đủ đoan trang, con cái được học hành và giáo dục, gia đình có những giây phút nhàn rỗi để đoàn tụ đầm ấm và nghỉ mát ở đồng quê, mỗi người có đủ điều kiện và phương tiện để trau dồi thêm kiến thức. Phải có can đảm để dám chọn những nhu cầu đó cho mình, cho gia đình và xã hội. Không nên tiếc rẻ con cái những thứ đó, nhưng cũng đừng nuông chiều chúng để chúng hút phải chất ma túy của những nhu cầu giả tạo. Vấn đề không phải chỉ là cấm đoán, mà còn là làm cho trẻ em thấy sự cấm đoán ấy là hợp lý và giúp chúng biết tự kiểm chế lấy mình.

Quốc gia và mọi giới cũng phải gắng tạo nên những điều kiện bên trong và bên ngoài để giúp mỗi người biết tự giác và dễ dàng «cai thuốc» đối với những nhu cầu giả tưởng. Do một hoàn cảnh đặc biệt của nước ta, những nhu cầu ấy đương tràn ngập để gây thêm đói rách và tội ác.

Thế nào rồi Việt-Nam cũng phải kỹ-nghệ-hóa, và nó đương trên con đường tiến tới đó. E rằng rồi đây, nếu tránh khỏi bị đè bẹp dưới sự chuyên chế của Cộng-sản, nó lại bị rơi vào vết xe của những nước tư bản. Những quốc gia đại kỹ nghệ và thịnh vượng ấy có nhiều cách kiểm

soát tập thể để làm nảy sinh những nhu cầu bất khả kháng, nhu cầu sản xuất và tiêu thụ những đồ thặng dư, nhu cầu của những công việc tối tăm và nhàm chán, nhu cầu giải trí theo sau công việc, nhu cầu duy trì những tự do thực ra chỉ là phóng túng và không cần, như tự do cạnh tranh quá trớn, tự do báo chí khiêu dâm và nói bậy, tự do ăn chơi đàng điếm và lựa chọn những mốt, những mẫu hàng đầy sức cám dỗ. Những tự do ấy gián tiếp đã phục vụ cho những sức mạnh khổng lồ bất khả kháng, vì đây là tự do theo bản năng hạ đẳng, tự do khơi động bản năng hạ đẳng để kiếm chế lẫn nhau...

Lòng tham thì không đáy và lòng dục thì mù quáng. Khêu gợi được ham muốn, xã hội ngày nay đã có thể biến cái không cần thành cần, và hóa những sản phẩm kỹ nghệ thành một chiều kích của thân thể và của chính con người, khiến cho mỗi người có thể được nhận diện nơi nhãn hiệu của áo quần và xe hơi, tủ lạnh, v.v...

Con người đã bị kiểm chế ở ngay chính tâm hồn mình, và sự kiểm chế kia có tính cách kỹ thuật. Chính cơ cấu kỹ thuật ngày nay đã dẫn tới sự phân công quá máy móc trong các cơ xưởng, và làm khuôn mẫu cho tổ chức xã hội. Và như thế, chúng ta đã có thể kiến tạo trong chúng ta một «tâm lý kỹ nghệ», một thói quen suy tư bằng từ ngữ của khoa học kinh tế. Chẳng thế mà khi nghĩ đến học đường và giáo dục, một địa hạt vô cùng thiêng liêng, người ta đã có thể quan niệm nó trong từ ngữ của «đầu tư», «sản xuất từng loạt» và «phân phối từng loạt». Người ta tính toán như thế này: bỏ ra bấy nhiêu tiền và bấy nhiêu

nhân viên, thì mỗi năm sẽ có được bấy nhiêu kỹ sư và cán bộ cần thiết cho phát triển kỹ nghệ và kỹ thuật. Giáo dục không còn phải là giáo dục vô vị lợi và giáo dục làm người trong tất cả ý nghĩa thiêng liêng của nó.

Con người, dù ở chỗ độc đáo nhất của nó, đã bị đồng hóa với xã hội, và xã hội này đâu phải là cộng đồng tinh thần và văn hóa nữa, mà trái lại, chỉ còn là một khối, một đám đông có tổ chức và những chức vụ trong một guồng máy mà thôi. Do sự tổ chức chu đáo và tinh tế của guồng máy này, sức phản kháng của con người đã bị hóa giải, và họ đành xuôi hai tay, mặc cho «thực tế của đời sống» cuốn đi.

Cũng trong xã hội kỹ nghệ này, tâm lý kỹ nghệ tạo nên một thói quen đánh giá theo tiêu chuẩn duy nhất. Đạo đức và lương tâm đã rút lui không kèn không trống. Hoàn cảnh càng hiết thêm, khi con người ở chỗ là người đương chết dần chết mòn mà không ai biết là mình chết cả.

Làm sao để dành quyền sống đây? Làm sao để cái máy khổng lồ đè bẹp con người và đục rỗng nó?

Kỹ nghệ cần thực đấy, nhất là đối với những nước còn đói rách như chúng ta. Nhưng song song với phát triển kỹ nghệ cần phải có một phát triển tinh thần cực mạnh. Đồng thời phải giới hạn những thứ tự do đồng nghĩa với phóng túng, hoặc gián tiếp đưa con người vào vòng nô lệ.

Một Bộ giáo-dục không thể làm công việc này. Phải có sự hợp tác của các Bộ thông-tin và văn-hóa, lao-động và phát-triển nữa. Sự kiểm soát của nhà nước không được dựa theo những tiêu chuẩn chính trị phe nhóm, mà

phải lấy đạo đức và tinh thần công dân làm căn bản. Việc tuyên truyền, ở ý nghĩa của Cộng-sản thường hiểu, phải được bãi bỏ. Quảng cáo có dụng ý nhồi sọ cũng thế. Quảng cáo thương mại nên giới hạn trong phạm vi báo chí, chứ đừng để tác quái trên màn ảnh, truyền hình, phát thanh và trên các vỉa hè thành phố, trừ phi một vài quảng cáo đường dẫn và quy về những nhu cầu không giả tạo.

Về mặt tích cực, để thay thế tâm lý kỹ nghệ, với sự hợp tác của các tổ chức tư nhân, chính phủ phải cố vun trồng một tâm lý nhân đạo, tâm lý của tình thương và nghĩa khí, của tinh thần hợp quần và ý thức xã hội rất cần thiết cho người Việt.

CON NGƯỜI CỦA DÂN TỘC

Đám đông thì đồng sắc, và sự đồng sắc này có tính chất vật lý, ngoại thể¹. Đó là một khối, và giá trị của khối là ở số lượng, y như đối với vật chất.

Đám đông hành động không tự mình mà do lôi kéo. Đám đông hành động không vì một mục đích đưa đây, mà vì nhu cầu hành động và do bản năng. Vậy xét cho đến cùng, thì đám đông bị động, chứ không hề hành động.

Xã hội ngày nay đang tiến dần đến một xã hội đám đông, được uốn nắn để tư tưởng một chiều, nghĩa là để khỏi tư tưởng, nếu hiểu tư tưởng như một hành vi tâm linh phát xuất tự mình và bằng những phạm trù của riêng mình, nhất là khi nó đi vào ý nghĩa và sự khắc khoải của cuộc sống.

Vì thế, xã hội ngày nay chỉ có thể được cứu vãn bằng một sức sống tập

thể nghịch lại với sức sống «loài vật» của đám đông. Tôi có ý nói đến một sức sống cộng đồng, vì sức sống ấy có tính chất tâm linh và gia tộc.

Đám đông không có bản sắc vì không có một linh hồn. Trái lại, cộng đồng sống do một hồn sống thiêng liêng, và người ta quen nói đến «hồn tổ quốc», «khí thiêng sông núi», «quê cha đất tổ», v.v...

Hồn là linh và vĩnh cửu, nên hồn trong thân xác sẽ căng thẳng về vĩnh cửu bằng sức sống tồn tại của nó trong thời gian, sự tồn tại được thể hiện bằng truyền thống.

Jaspers nói: «Cốt yếu của tinh thần là sinh ra từ chính quá khứ của mình», nên «tinh thần là lịch sử và nó là tinh thần do sức mạnh của truyền thống riêng của nó»². Hiểu cộng đồng như thế, thì gia tộc, nhất là dân tộc, quả là cộng đồng ở chỗ hoàn hảo rồi.

Chính thế, nguồn gốc và sức sống của dân tộc là ở lịch sử và truyền thống văn hóa. Từ đó mới có bản sắc độc đáo của mỗi quốc gia. Cũng từ đó mới có tinh thần ái quốc, lòng nhớ quê hương và tình đồng bào. Và cũng từ đó mới có liên quan và sự liên tục giữa các lớp người và thế hệ. Các chủ nghĩa và ý thức hệ, dù cho đó là xã hội hay liên bang, quần chủ hay dân chủ, cũng chỉ có một thời thôi, chứ dân tộc và tinh dân tộc thì sẽ tồn tại mãi mãi, vì chúng là tự nhiên.

1. Nói cho đúng hơn, đám đông tự nó là vô sắc, vì đối với một tác động nhất định, đám đông nào cũng phản ứng như nhau cả. Nếu có khác nhau đôi chút giữa cách phản ứng của đám đông Tây phương và đám đông Việt-Nam, thì đó là vì bản sắc dân tộc chưa mất hoàn-toàn giữa sự cuồng nhiệt của đám đông.

2. Trong *Myth and Christianity*, tr. 25.

Không nên nghĩ rằng truyền thống dân tộc là ở những hình thức hủ lậu, đã chai cứng lại. Cũng đừng tưởng rằng muốn giữ lấy tinh hoa, phải vứt bỏ hết những nếp sống và phong tục cổ kính. Con người là tinh thần trong thể xác, nên nó phải sống đồng thời cả hai mặt, sống nguyên là mình mà vẫn không ngại biến đổi, và dù biến đổi vẫn giữ vững được bản sắc của mình.

Cũng không nên tách riêng dân tộc ra khỏi khu vực văn hóa rộng hơn và bao gồm cả dân tộc. Con người chỉ có thể thành người giữa loài người, và nhận ra được mình giữa những kẻ vừa giống vừa khác mình. Cùng một nguyên tắc ấy phải mang áp dụng cho dân tộc Việt giữa khu vực văn hóa của Ấn-độ và Trung-hoa.

Đề kỹ nghệ khởi trở thành độc hại do sức mạnh đồng-đều-hóa chúng ta thành « con người một chiều kích » (One-dimensional man) không bản sắc, không linh hồn, chúng ta phải trở về với tình gia đình và đồng bào, với lịch sử và truyền thống dân tộc. Việc học lịch sử chính trị, văn học, tư tưởng và văn hóa dân tộc tối ư cần thiết để đào tạo con người thành **đúng người**, và để mang sức sống bền bỉ nội tâm đến cho xã hội. Chúng ta cũng phải học cả lịch sử văn minh, triết học và tôn giáo của khu vực văn hóa trong đó có chúng ta, nghĩa là Trung-hoa, Ấn-độ, và có thể cả khối văn minh Đông Sơn nữa.

Nhưng nhìn vào chương trình học ở cấp Trung và Đại học, chúng ta thấy phần dành cho những môn kể trên quá yếu. Hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hoà Việt-Nam, về giáo dục có nhấn mạnh ở điều 11 rằng :

« 1. Văn hóa giáo dục phải được

đặt vào hàng quốc sách *trên căn bản dân tộc, khoa học và nhân bản*.

« 2. Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát triển văn hóa giáo dục ».

Thêm vào đấy, hồi đầu năm Nhâm-Tý 1972, Hội đồng Văn hóa giáo dục, sau nhiều phiên họp liên tiếp, đã kết luận phải đặt giáo dục trên căn bản dân tộc như thế.

Nói thì đẹp, mà làm lại khác hẳn, dù ở chương trình học, dù ở ngân sách dành cho văn hóa.

Ngân sách dành cho Nha Văn-hóa là vài trăm triệu một năm, trong khi cả trăm tỷ dành cho các bộ khác. Với vài trăm triệu một năm, có lẽ lương nhân viên chiếm đã đến phân nửa. Số còn lại đôi khi được dùng vào mấy công việc tổ chức có tính cách phô trương quốc tế hơn là để xây dựng thực lực của mình. Phải, đáng lẽ ngân sách văn hóa phải tăng lên gấp mấy mươi, và gần như tất cả phải được xấp xỉ vào việc khuyến khích và nâng đỡ các học giả, nghệ sỹ, cũng như những sáng kiến nhằm chấn hưng văn hóa dân tộc.

Còn chương trình học ?

Ở ban sinh ngữ Trung-học xưa kia có tám giờ Triết Tây và một giờ Triết Đông. Cách đây mấy năm, tôi chợt khám phá ra là giờ Triết Đông đã rụng từ đời nào rồi. Tôi bèn mang việc ấy bàn với giáo-sư Nguyễn-duy-Cần, và chắc là nhờ vào sự vận động của ông, mới đây vài mẫu Triết Đông, gồm Mạnh-Tử và Phật-giáo nguyên thủy, đã được bổ thí cho chương trình Triết ban C.

Trình trạng Triết Đông trên Đại-học cũng không sáng sủa hơn mấy. Trừ ở một vài ban thuộc Văn-khoa ra, Sinh-viên không biết gì về văn hóa Đông phương cả. Riêng tại Văn-khoa Saigon, nhờ công tranh đấu của cựu khoa trưởng Nguyễn-đăng-Thục và của những học giả tâm huyết như Nguyễn-duy-Cần và Kim-Định, Triết Đông nay đã nghiêm nhiên trở thành một cử nhân bên cạnh Triết Tây. Nhưng hiện nay, Văn-khoa đang bị bỏ rơi, bạc đãi ra mặt, do đó quá thiếu thốn về phương tiện học tập 1, về trường sở và nhân viên, lại không được cấp học bổng để sinh-viên đi chuyên nghiệp tại ngoại quốc 2, khiến cho số giáo-sư chuyên môn Triết Đông quá ít ỏi. Nói chỉ đến Văn-khoa Huế, Đà-Lạt, v.v..., ở đó Triết hoàn toàn là Triết Tây, với một vài giờ Triết Đông lạc lõng, gọi là cho có mặt !

Thử hỏi đâu là cái «căn bản dân tộc» của giáo dục mà Hiến-pháp đã nêu lên bằng những lời rất đẹp đẽ ? Học Triết không những để biết, mà còn để huấn luyện tim óc nữa. Con người của tôi là con người Việt, người Đông phương, nên thứ Triết lý thích hợp để đào tạo cho tôi thành con người từ truyền thống phải là Triết Đông, cùng với sự bổ túc giới hạn của Triết Tây. Vì thế, phải cách mạng chương trình học, gạt bỏ tinh thần vọng ngoại vô ý thức kia đi. Đạo đức học theo truyền thống và văn hóa Đông phương phải được dạy trong hết mọi phân khoa. Văn minh Đông phương phải đóng một vai trò tối quan trọng trong chừng chỉ Văn-minh sử. Ban Triết học chỉ nên có một và phải lấy Đông phương làm cốt, lại phải được giảng dạy theo đường lối

Đông phương được bổ túc bằng phương pháp Tây phương. Riêng về Tây phương, chỉ nên chú ý đến Triết học hiện đại và mấy cây mốc chính như Platon, Aristote, Descartes, Kant và Hegel. Ngoài phần Triết sử ra, phải có những giảng khóa theo chủ đề : con người, tâm linh, vũ-trụ, siêu việt, tất cả lấy hợp lý làm tiêu chuẩn diễn giải, cùng với sự đóng góp nhiều nhất của khuynh hướng và ý kiến các triết phái Đông phương.

Ở bậc Trung-học, ít là đệ nhị cấp, văn minh sử Việt-nam và phong tục của mình phải được giảng dạy trong mọi ban 3. Riêng ở ban C, về luận-lý học nên có đóng góp đồng đều của Đông Tây. Còn về siêu hình học, chỉ nên học về Đông phương thôi, vì mục đích Trung-học và Tiểu-học

1. Phương tiện thực tập của khoa-học là phòng thí-nghiệm, của văn-khoa là thư viện. Một thư viện đầy đủ còn khó lập và tốn phí hơn cả phòng thí nghiệm nữa. Thế mà tại Việt-Nam, người ta chỉ chi tiêu cho phòng thí nghiệm, chứ không bỏ ra đồng nào cho thư viện cả.

2. Năm ngoái, một thông cáo của Hội-đồng du học giới hạn tối đa việc cấp học bổng du học cho các sinh-viên học ngành Nhân-văn và Luật. Tại sao lại có sự kỳ thị như thế ? Tại Nhân-văn không cần hay sao ? Hay tại số giáo-sư chuyên môn Triết Đông, nhân chủng học, tâm lý học, v.v... đã quá nhiều ? Hay là họ có thể được đào tạo tại chỗ với một vài cuốn sách phổ thông nằm trong tủ sách thư viện Văn-khoa và Thư-viện quốc-gia ?

3. Việc thành lập những trường học cộng đồng ngày nay là một việc rất hay, vì cho phép mọi người trong miền trực tiếp chung lo vào công việc giáo dục con em, đồng thời để các học sinh hay sinh viên này được đào tạo đúng theo nhu cầu xứ sở. Không may, trong chương trình huấn luyện đó, người ta mới chỉ quan tâm đến những vấn đề nghề nghiệp, còn văn hóa và phong tục của miền thì không mấy may chú ý đến.

phải nặng về mặt giáo dục làm người, mà con người của chúng ta chỉ có thể là Việt-Nam thôi.

ĐỨC DỤC, NGHĨA THẦY TRÒ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN TÂM

Giáo dục làm người thì phải chú trọng đến con người toàn bộ, con người đủ Trí, Dũng và Nhân. Xưa kia, người ta không phân ly ba yếu tố đó. Người Trí không phải là người chỉ biết khoa học khách quan, nhưng là người «trí tri» và «cách vật», nghĩa là biết đến tận cùng, biết đến cái Lý huyền vi vừa điều khiển vạn vật lại vừa thể hiện nơi Đạo làm người. Ngày nay, do ảnh hưởng linh thần «khoa học khách quan» Tây phương, cái học đã dừng lại ở bề mặt sự vật và ly khai với Đạo làm người đó.

Vậy muốn cải thiện giáo dục, chúng ta không thể tách riêng khoa học ra khỏi đạo đức, nhất là đừng để nó được đề cao hơn đạo đức. Đạo đức học và Công dân giáo dục phải chiếm một số giờ quan trọng hơn trong chương trình học, và hệ số điểm của chúng phải lớn nhưt.

Đức Không nói : «Biết đạo lý không bằng ham thích đạo lý, ham thích đạo lý không bằng vui làm đạo lý» (*Lược ngữ*, thiên 6, ch. 18). Nên không những khuyến học, còn phải khuyến hành nữa. Thi đua ở lớp nhỏ, phần thưởng ở lớp trung, huấn luyện bằng võ hiệp đạo, thiền và yoga ở các lớp lớn, đó là những phương lể thiết tưởng không ại hiệu nghiệm hơn. Nhưng cần nhất phải có những gương tốt, nhất là ở các giáo-viên và giáo-sư. Họ phải được tuyển lựa trong số những người không

những có khả năng, có ảnh hưởng, mà lại phải có đức hạnh nữa. Nhất là các giáo-sư đạo đức học và công dân giáo dục.

Đạo đức chỉ có nền tảng vững chắc khi được củng cố bằng một ý thức tôn giáo sâu xa. Tôn giáo là một chiều kích và chiều kích quan trọng nhưt của con người. Đi vào tiền sử, chúng ta thấy người xưa — và người bán khai ngày nay cũng thế — không ai là không sống tôn giáo. Vết tích tôn giáo tìm thấy nay ở chỗ bắt đầu có vết tích của văn minh. Vậy chúng ta có đủ lý do để quả quyết tôn giáo là một nhu cầu phát sinh từ bản tính con người, khiến con người không thể phát triển đầy đủ và tìm thấy niềm vui sâu xa nếu không biết sống tôn giáo.

Vậy phải đưa tôn giáo sử và triết lý đối chiếu tôn giáo vào chương trình Trung-học và Đại-học, ở mọi ban và mọi phân khoa. Những môn ấy đã được giảng dạy ở một số Đại-học trên thế-giới rồi. Riêng ở Đại-học Minh-Đức, do sáng kiến của Linh-mục Bửu-Dưỡng, đạo đức học đã được mang vào các phân khoa dưới hình thức Nhiệm-vụ-học. Đó là điều đáng bắt chước vì tối ư cần thiết. Một khoa học gia không đạo đức có thể không ngần ngại tìm cách sáng chế những vũ khí giết người độc địa. Một chính trị gia hay chuyên viên kinh tế có thể mãi quốc cần vinh nếu chỉ nghĩ đến lợi. Và đau lòng thay khi thấy ngay còn ở ghế nhà trường; làm sinh-viên y khoa — một môn học cao quý! — chỉ nghĩ đến danh, lợi và địa vị, lại còn dùng các giờ khám thực tập để mần bậy nữa.



Nói đến đạo đức là phải nói đến tâm tình trước tiên. Dạy khoa học thì

khách quan được, chứ dạy đạo đức thì phải có sự thông cảm giữa đôi bên, thầy thì hết dạ vì trò, còn trò thì tin tưởng vào thầy. Sự tin tưởng này, Ấn-độ gọi là S'raddhā và coi nó tuyệt đối khần khiết để người học trò đặt mình vào luồng khí thiêng liêng mà ông thầy là chiếc «ăng ten» không thể không có.

Trong quan niệm Ấn giáo cũng như Khổng giáo, tình thầy trò bao giờ cũng rất mực thân thiết. Thầy là cha sinh ra trò về mặt tinh thần, nên còn trên cả cha mẹ về mặt thể xác nữa.

Than ôi! Ngày nay, thầy không ra thầy, trò chẳng ra trò. Còn liên lạc thầy trò chỉ còn lại là đổi chác và mua bán. Như thế, hỏi còn đâu là giáo dục.

Giáo dục làm người thì phải truyền tâm nhiều hơn là truyền tri, nên thầy phải được lựa chọn trong số những người già dặn, trang nghiêm và đức hạnh, mà về trí cũng không kém phần xuất sắc. Về trò, thì phải loại ra khỏi học đường những kẻ không thể dạy cho nên người, hoặc xác lão đối với bậc tôn sư, kéo những tấm gương xấu ấy sẽ làm hỏng truyền thống học đường bây giờ, và những kẻ vô đức kia một khi thành tài sẽ làm hại cho xã hội không ít.

Giữa thầy và trò, nên có sự hiểu nhau và thân mến nhau. Do đó, thầy không thể dạy quá nhiều lớp, nhiều trò, mà trò cũng không nên học quá nhiều thầy như vậy. Cố nhiên, với hoàn cảnh ngày nay, một ông thầy không thể dạy quá ít học trò và dạy một học trò suốt nhiều năm được, nhất là ở bậc trung học và đại học. Nhưng khuyến

điều nói trên có thể giảm bớt nếu mỗi lớp không quá mấy chục người, và dù nhiều giáo-sư dạy, vẫn có riêng một giáo-sư chịu trách nhiệm chung về lớp. Giáo sư này sẽ sinh hoạt với học trò, năng gặp gỡ từng người và phụ huynh họ để dễ dàng hiểu và nung dõ họ. Tại Đại-học, mỗi năm hay mỗi chứng chỉ cũng nên có một giáo-sư phụ trách như thế. Cái quan niệm mua bán về giáo dục phải cáo chung, và thay vào đó là tình nghĩa thầy trò và sự mạng giáo dục làm người về phía thầy cũng như về phía nhà trường.

Nhờ mối liên hệ tình cảm đó, thầy có thể hiểu trò và tùy theo bần chất, tư năng mỗi người mà hướng dẫn, giúp họ hiểu thấu những điều mà nếu bằng lý trí thuần túy, người ta chỉ nắm được bề ngoài mà thôi.

Những điều dạy bảo đó vốn thuộc phạm vi đạo đức, tâm tịnh và triết lý sống. Người ta có thể là một nhà bác học, nhưng về những điều nói trên lại hết sức vị thành niên. Cho nên dạy các môn đó, không thể dạy hoàn toàn bằng «giảng khóa», dạy đồng đều cho mọi trò trong cùng một lớp được. Chính do đó mà Upaniṣad chỉ được giảng giải cho người có khả năng lãnh hội mà thôi¹. Chính do đó, dạy cho thần thì tuần tự dạy đến Ngã bất tử, thiêng liêng, còn dạy cho quỷ, thì phải dừng lại ở thân xác².

1. Xem AitU. II. 2,6,9; ChU. III. 11.5; BĀU. VI. 3.12; MundU. III. 2.11; MU. VI. 29.

2. ChU. VIII 77 — VIII. 12.6.

Đức Khổng cũng làm y như vậy. Trả lời Mạnh-Y-Tử hỏi về Hiếu, Ngài nói : «không trái»; Mạnh Vũ Bá hỏi, Ngài bảo : «Cha mẹ lo con bệnh tật»; Tử Du hỏi, Ngài đáp : «Nuôi cha mẹ», còn Tử Hạ hỏi, ngài lại rằng : «Sắc mặt (hòa vui)»¹. Giải thích về chuyện đó, Trình tử nhận xét rằng : «Thánh nhân tùy theo tính chất cao thấp và sự thiếu sót của từng người mà dạy bảo, nên lời dạy không giống nhau»². Những bậc thánh hiền, siêu nhân đều làm như thế cả. Chúa Giêsu, khi giảng cho đám đông, chỉ kể những

câu chuyện ần dụ. Chờ khi nào một mình với các đồ đệ, Ngài mới giải thích ý nghĩa của những ần dụ trên³.

Giáo dục làm người không thể là việc «sản xuất từng loạt» theo kiểu kỹ nghệ. Đây là một nghệ thuật vô cùng khó khăn, phải đi đến từng tâm hồn một, nghệ thuật tế nhị hơn hết mọi thứ nghệ thuật vậy.

¹. Đức Khổng cũng dạy khác nhau như thế khi được hỏi về Nhân chẳng hạn (xem *Lược ngữ*, thiên 12, ch. 1-3).

². Xem *Lược-ngữ*, thiên 2, ch. 5-8.

³. *Luca* VIII. 10.



TIN BUỒN

Được tin Thiếu Tá không quân Nguyễn cao Hùng, lệnh nam Bác sỹ Hoàng văn Đức, đã bỏ mình vì nước tại An Lộc ngày tám tháng tư Nhâm Tý (20-5-1972).

Tạp chí Phương Đông và Phong trào Hưng giáo văn đồng thành thực chia buồn cùng tang quyến.

MẠN ĐÀM VỀ

VĂN-HÓA VÀ GIÁO-DỤC

VẤN-đề giáo-dục và vấn-đề văn-hóa có liên-lạc mật-thiết với nhau, nên đã bàn về văn-hóa tất nhiên phải đề-cập đến giáo-dục; ngược lại đã đề-cập đến vấn-đề giáo-dục, tất nhiên phải đề cập đến vấn-đề văn-hóa.¹

Văn-hóa và giáo-dục có thể nói được là hai chiều, hai mặt của một vấn-đề.

I — SO-SÁNH MỘT VÀI ĐỊNH-NHĨA VĂN-HÓA VÀ GIÁO-DỤC.

— Văn-hóa có thể hiểu được là lẽ-lối sống riêng-biệt của một dân-tộc, với tất cả những gì hay, đẹp của nó, từ tín-ngưỡng, tâm-tư, tư-tưởng, đến cách tiếp nhân, xử thế thường nhật².

Một trong những mục-phieu của nền giáo-dục là cho dân con hấp-thụ được những cái hay, cái đẹp của truyền-thống văn-hóa ấy³.

— Văn-hóa cũng có thể hiểu được là sự đào-luyện con người để con người trở nên thanh-lịch⁴.

Mục đích chính yếu của một nền giáo-dục chân-chính thực ra cũng phải như vậy⁵.

Cũng vì thế mà trong tiếng Đức chữ Bildung; trong tiếng Hi-Lạp chữ Padeia, vừa có nghĩa là Văn-hóa vừa có nghĩa là Giáo-dục.

I — Cách đây mấy năm, trong một bài diễn văn tại trường Quốc-gia Âm-nhạc ngày 3-7-69 với đề-tài văn-hóa là gì, tôi đã bàn-cái rất nhiều về các định-nghĩa văn-hóa.

Bài diễn-văn này sau đã được đăng-tải trong :

— Tập-san Gió Việt (của bộ ngoại-giao) bộ 1970, số 3-4

— Văn-hóa tập-san (của Nhà Văn-hóa), các số 2-3, 4-5 năm 1969 và 1, năm 1970

Đề tránh sự trùng-phức, trong bài này tôi không muốn bàn rộng về văn-hóa, mà sẽ đặt trọng-tâm vào vấn đề giáo-dục.

Qui-vị nào muốn tham-khảo về văn-hóa, xin tìm đọc những tập-san nói trên.

2 — La Culture d'une société est le mode de vie de ses membres, c'est l'ensemble des idées et des habitudes qu'ils acquièrent, partagent et transmettent de génération en génération.

In *L'Originalité des Cultures* (Unesco) p. 12 note 1.

3 — The purpose of education, it seems, is to transmit culture.

T.S. Eliot, *Notes towards the Definition of Culture*, p. 96.

4 — We should define Culture as a process of humanisation.

Gerald Holton, *Science and Culture*, p. 218
Culture is a social process of sublimation.
Ibid. 218

5 — Now so long as we mean by education, everything that goes to form the good individual in a good society.

T.S. Eliot, *Notes towards the Definition of Culture*, p. 105

— Văn-hóa cũng có nghĩa là nỗ lực để vươn lên tới Chân, Thiện, Mỹ¹. Giáo-dục cũng chính là công-trình đoàn-luyện con người, để giúp họ tiến tới Chân, Thiện, Mỹ².

II — THỜI NAY VẤN-ĐỀ VĂN-HÓA, GIÁO-DỤC TRỞ NÊN PHỨC TẠP

Ngày xưa, vấn-đề giáo-dục tương-đối dễ, vì văn-hóa trong một nước thuần-nhất, không bác-tập, pha-phách như ngày nay. Đáng khác, những đòi-hỏi về vật-chất, ngoại-cảnh cũng không cấp-bách như ngày nay.

Ngược lại, ngày nay chúng ta đang sống trong một thời-kỳ hết sức phức-tạp, văn-hóa Đông Tây tranh-dành ảnh-hưởng với nhau; những đòi-hỏi của hoàn-cảnh và thời-thế nhiều khi trở nên hết sức cấp-bách, vì thế nên các bậc thức-giả, có trách-nhiệm lèo-lái đường-hướng văn-hóa giáo dục, nhiều khi cũng đâm rối-rít, không còn biết xoay-xở ra sao, không biết nên theo Đông hay theo Tây cho đúng điệu.

Sự băn-khoăn, thắc-mắc ấy đã được thể-hiện trong thực-tế bằng những khuynh-hướng văn-hóa hết sức khác biệt nhau.

Nhìn bao quát đường-hướng văn-hóa giáo-dục ở các nước Đông-Á trong khoảng 40-50 năm gần đây, ta thấy có 4 phong-trào chính-yếu sau đây:

1. *Phong trào phục-hưng các giá-trị văn-hóa cổ-truyền*, hoặc Phật-giáo, hoặc khổng-giáo hoặc tam-giáo (Nho, Thích, Lão)³

2. *Phong trào dung hòa Âu-Á*. Phong-trào này đề-xướng cần phải theo văn-hóa Á-châu trên bình-diện

tinh-thần và khoa-học, kỹ-thuật Âu-châu trên bình-diện vật-chất. Khẩu-hiệu là «á-đạo, âu-thuật»⁴.

3. *Phong-trào thoát Á, nhập Âu*. Phong-trào này nhất quyết theo văn-minh Âu-châu, gạt bỏ hẳn mọi nền văn-hóa Á-châu, mà họ cho là lạc hậu.⁵

1. Arnold... defining culture as a pursuit of total perfection by means of knowledge of the best which has been thought and said in the world and the development thereby of all sides of our Humanity. (Encyclopedia Britannica, Culture and Humanity, p. 743)

2. The true object of education... is the generation of happiness (William Sodwin). Eliot, *Notes towards the definition of Culture*, p. 97

Happiness is often associated with the full development of personality.

ib. p. 97

3. Xem Amaury de Riencourt, *l'Âme de la Chine*, tr. 314.

Xem Văn-hóa Á-châu tập II, số 16, Bài Văn-hóa Trung-hoa dưới mắt các học-giả.

4. Xem Văn-hóa Á-châu, tập III, số 6, tháng 9, 1960, Bài Tư trào Trung-ba cận-kim từ tr. 43 đến 55

Xem Văn-hóa Á-châu tập III, số 4, tháng 7/1960 từ tr. 23 đến tr. 29.

Xem Acta Asiatica, Bulletin of the Institute of Eastern Culture, n° 13, Tokyo, 1967, Bài Reform of the Meiji Restoration and the birth of Modern intellectuals, tr. 63.

5. Xem Văn-hóa Á-châu, tập III, số 4, tháng 7, 1960, bài Tư-trào Trung-Hoa từ 1898-1950 của Nguyễn đăng Thục, từ tr. 17 đến 29.

— Xem Văn-hóa Á-châu, tập III, số 5, tháng 8, 1960 bài Tư-trào Trung-quốc tiến bản thế kỷ XX của Nguyễn đăng Thục, từ tr. 43 trở đi.

— Xem Amaury de Riencourt, *l'Âme de la Chine*, p. 316, 317.

— Xem Acta Asiatica, số 13, năm 1967 bài Modernization of Japan and the problem of «je» consciousness của Kamishima Jiro tr. 3, và bài Recent trend of the Studies on «Modernization of Japan» của Toriumi Yasuht, từ tr. 100 trở đi.

... Kiyoon Tschida : «Lorsque nous reconnaissons», déclare-t-il en effet, «que la supériorité de l'Occident réside dans ses calculs et sa technique, nous ne devons pas oublier que ce fait implique qu'à la base de cette supériorité même, il y a un esprit qui le caractérise. Cet esprit, nous pourrions l'appeler une «aspiration vers la civilisation». — Amaury de Riencourt, *l'Âme de la Chine*, p. 318.

Ở nước ta, Hoàng-đạo đã có thời-kỳ cổ-súy phong-trào này trong quyển « Mười điều tâm niệm ».

4. *Phong-trào tuyên-truyền và cổ-súy chủ-nghĩa Mác-xít.* Phong-trào này đả-kích hết mọi nền văn-hóa Á-Âu khác, chỉ suy-tôn có nền văn-hóa Mác-xít¹.

Ở Việt-Nam chúng ta ngày nay, lớp người đứng tuổi và các bậc lão thành đều muốn phục-hồi lại những giá-trị tinh-thần cổ-hữu của dân-tộc, còn thanh-niên thì đa-số lại chạy theo văn-minh Âu-Mỹ.

Ông Tam-Điền trong bài « Kết-luận cuộc vận-động Phật-giáo » đăng trong *Đất nước* số 5, tháng 6 và 7/1968, đã viết :

« Đầu óc chúng ta đã thay đổi lối suy-nghĩ và sự thay đổi nhiều khi cực đoan đến chỗ chúng ta chủ trương đoạn-tuyệt quá-khứ, xưng-tụng « theo mới, hoàn toàn theo mới ». Các ý-niệm Tây-phương đã thay thế các ý-niệm cổ-truyền một cách toàn-diện : đối với đa số thanh-niên đô-thị, không có vấn-đề phê-bình văn-minh Tây-phương, chỉ có vấn-đề ồn-ào bất chước, cóp-nhặt, theo đuôi. Trong giới trí-thức, tiêu-chuẩn của tiến-bộ và khác-biệt là sự học-đời Tây-Mỹ sớm hay muộn, cái mới nhất, hay cái cổ-diễn nhất. Người ta đặt những câu hỏi đại-loại : Dân-chủ kiểu Mỹ hay kiểu Pháp, phát-triển kiểu Nhật hay kiểu Nga. Không ai có thể nghĩ tới một kiểu Việt-Nam ».

Đó là một nhận định đáng buồn, nhưng không xa thực-tế là bao.

III — MUỐN LÀM VĂN-HÓA, GIÁO-DỤC CẦN PHẢI BIẾT NHỮNG ĐỊNH LUẬT CHI-PHỐI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI.

Đứng trước một thực-tế phiến-tập như vậy, việc trước tiên của chúng ta là phải có một cái nhìn bao-quát, sáng tỏ về văn-hóa và giáo-dục, nhiên hậu mới tìm ra được một đường-lối thích-đáng.

Các nền văn-hóa xưa và nay — kể cả các đạo-giáo và các nền triết-học — chung qui chỉ có mục-đích dạy ta :

— Làm thần-minh, làm thánh-hiền, tiên, phật. (Dei cultura hay Dei cultus)².

— Làm người (Animi cultura hay animi cultus)³.

— Làm ăn (Agri cultura hay agri cultus)⁴.

Muốn làm thần-minh, làm thánh-hiền, phải biết luyện thần, phải sống một cuộc đời siêu-phàm, thoát tục. Vấn đề này dĩ nhiên là khó, và xưa nay chỉ có một số rất ít người theo được mà thôi.

Còn lại hai vấn-đề : *Làm người và làm ăn*.

— Muốn làm người cho xứng-đáng với danh-hiệu làm người, cần phải luyện tâm, luyện trí.

1. Xem Văn-hóa Á-châu tập III, số 5, tháng 8, 1960, bài *Tư-trào Trung-quốc tiền bán thế kỷ XX*, từ tr. 43 đến 52.

2. Nhiều người dịch Dei cultus là thờ-phượng thần-minh. Thiết-tưởng như vậy lạc nghĩa.

3. Đoàn-luyện con tim

4. Canh-tác ruộng đất.

Luyện tâm để trở nên người thanh-lịch, khoan-quảng, hòa-nhã, liêm-minh, nghĩa khí, biết tiếp nhân xử kỷ cho phải đạo làm người.

Luyện trí để trở nên thông minh, tinh-tế, biết nghĩ, biết suy, biết dằng đối-phó với hoàn-cảnh cho hay cho phải.

Muốn làm ăn, cần phải biết nghề nghiệp, biết cách khai-thác ngoại-cảnh. Đó là mọi phương-tiện để kiếm ăn, kiếm tiền, ngõ hầu có một đời sống vật chất khả-quan.

Muốn dạy người làm ăn, chỉ cần huấn-luyện khối óc và đôi tay họ.

Do đó, có tác-giả đã tóm-tắt chương-trình giáo-dục như sau :

— Giáo-dục con tim.

— Giáo-dục khối óc.

— Giáo-dục đôi tay.¹

Ngoài ra, văn-hóa cũng như giáo-dục đều dựa vào niềm tin này là :

— Con người có mầm-mộng hoàn-thiện; nói cách khác, con người có thể trở nên hoàn-thiện.

— Con người muốn trở nên hoàn-thiện phải được dạy dỗ, và biết cách tu-luyện, cũng như viên ngọc có được dũa-mài mới trở nên giá-trị, đẹp-đẽ.

Chung qui, văn-hóa và giáo-dục cốt là đưa con người lên tới chỗ tinh-hoa, hoàn-thiện, hạnh-phúc.

Nhưng trước đạt tới mục-phiêu tối-hậu ấy, con người phải giải-quyết đôn-thỏa được mọi vấn-đề :

● cơm áo.

● thích ứng với hoàn-cảnh, chế-ngự được ngoại-cảnh.

● thích-ứng được với tha-nhân; hòa đồng, cộng-tác được với tha-nhân trong một xã-hội công-bình, bác-ác, có tổ-chức.

và phải có :

● một xác thân kháng-kien

● một khối óc mẫn-tiếp

● một con tim thanh-lịch, hào-hùng, bao - dung, khoan - quảng.

● một tâm-thần hư-linh, bất muôi.

Tóm lại, nhà văn-hóa, giáo-dục phải giúp cho con người :

1 — Thích-ứng được với hoàn-cảnh.

2 — Tiến-hóa để đi đến lý-tưởng, đến chân, thiện, mỹ.

Khi chúng ta đã nằm vững được những đường-hướng văn-hóa xưa nay là như vậy rồi, những định-luật chi-phối đời sống con người cũng như sự tiến-hóa con người rồi, ta liền trông thấy mục-đích của các nền giáo-dục xưa và nay.

IV— NỀN GIÁO-DỤC XƯA VÀ MỤC-ĐÍCH CỦA NÓ

Nền giáo-dục xưa của Đông cũng như của Tây cốt là đào-tạo con người để họ trở nên những mẫu người quân-tử, những con người thanh-lịch, những con người có khả-năng lãnh-đạo quốc-gia.

1. L'éducation du coeur, celle de la tête et celle de la main. (Louis Lallemant, La vocation de l' Occident, p. 153).

A — Nền giáo-dục xưa ở Á-Châu (Không-giáo)

Xét công-trình Không-giáo xưa, ta thấy nó cốt dạy con người :

- Biết đạo-lý
- Biết ý-nghĩa cuộc đời
- Biết cách đào-luyện tâm-trí, tu-dưỡng tinh-thần, trau dồi nhân-cách.
- Tóm lại, cải-thiện, cải-hóa tâm-thần để đi đến tinh-hoa, cao-đạo.¹

Vì thế, chữ Giáo thường đi đôi với chữ Hóa.

Thoán-truyện quẻ Mông viết :

*«Ta dạy dạy-dỗ mầm non,
Cốt là nuôi - dưỡng, bảo tồn
tinh-hoa.
Khải-mông, dưỡng chính bốn-ba,
Dưỡng nuôi chính-khi mới là
thành công» 2.*

Đức Không xưa dạy học trò cũng không ngoài mục-đích đó : Vì thế, ngài không dạy nghề làm ruộng, làm vườn (Luận Ngữ, XIII, 4) không dạy cách cầm quân đánh giặc (Luận Ngữ, XV) mà chỉ chuyên dạy cách làm người, làm thánh-hiền (Luận Ngữ, XIX,7)

Nói theo từ-ngữ bây giờ, Ngài không dạy khoa-học, kỹ-thuật, binh-bị, mà chỉ dạy chính-trị, triết-lý, luân-lý, đạo-lý.

Mục-đích của công-trình giáo-dục ấy đã nhiều lần được phôi-bày trong Luận-Ngữ.

Luận-Ngữ viết : «Bá công có hành nghề mới nên công. Quân-tử

có học-vấn mới thấu-triệt đạo-lý. (Luân Ngữ, XIX,7)

Và ngay nơi chương đầu sách, Luận Ngữ cũng đã cho ta biết rõ-ràng về mục-đích của sự học đời xưa.

«Học cốt là để biết hiểu dễ, cần tin, yêu người, trọng đức, chứ không cốt học văn-chương suông.» (Luận Ngữ I,6)

«Học cốt là để biết cách ăn ở cho vẹn hiếu, vẹn trung, vẹn tình, vẹn nghĩa» (L.N. I,7)

Không-giáo xưa dùng Lục-kinh để giáo-hóa :

● Dùng Kinh Thi để dạy cho con người có hồn thơ, biết yêu đời, biết sống ôn, nhu, đôn, hậu.

● Dùng Kinh Nhạc để dạy cho con người hiểu xa, biết rộng, biết phóng tầm mắt nhìn được về cả một quá-vãng xa-xăm.

Dùng Kinh Dịch để dạy cho con người biết sống khiết tịnh, tinh-vi, tế-nhị, biết thích-ứng với hoàn-cảnh và thời thế.

Dùng Kinh Lễ dạy cho con người biết sống khiêm-cung, cần-kiệm, lễ độ, biết kính trên, nhường dưới, đề xã-hội đi đến chỗ đại hòa, đại thuận.

— Dùng Kinh Xuân Thu để dạy cho con người có óc phán-đoán tinh-tế. (Xem Lễ Ký, Chương XXIII, Kinh giải).

1.— Xin xem : Nguyễn văn Thọ, Chân dung Không tử, Chương XV, Đức không, vị giáo-sư gương-mẫu.

— Lễ-Ký, Học ký (Chương XVI Lễ ký)

— Trung Dung, chương XX.

2.— Mông đi dưỡng chính, thánh công đã (Dịch, Mông, Thoán truyện)

Sách **Chu quan** cho rằng giáo-dục xưa cốt dạy người:

— *Lục đức*: Trí (trí-huệ, khôn ngoan)

Nhân (Nhân đức, bác-ái)

Thánh (Thánh-thiện)

Nghĩa (Nghĩa-lý; cư-xử đúng theo nghĩa lý, nhiệm vụ và lý-tưởng)

Trung (Sự hoàn-thiện)

Hòa (Sự thanh-thần quân-bình, hòa-hợp tự-nhiên)

— *Lục hạnh*: Hiếu (hiếu-thảo đối với cha mẹ)

Hữu (Vẹn tình bè bạn)

Mục (Hòa-thuận với mọi người)

Nhân (Vẹn nghĩa họ-hàng)

Nhâm (Thành-khăn, có tinh-thần trách-nhiệm)

Tuất (Biết thương xót người) ¹.

— *Lục-nghệ*: — Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số.

Học Lễ tức là học những phương-thức, qui-mô để sống một đời sống xứng-đáng.

Học Nhạc cho tâm-thần trở nên trang-nhã, hồn-nhiên sống cảm-thông, hòa-hợp được với vũ-trụ và tha-nhân.

Học bắn cung, để tập cho tâm-thần được trở nên chính-trực, biết tập-trung, khỏi tản-mạn.

Học đánh xe, để tập cho con người bình-tĩnh, và biết điều-hòa các động-

tác cho khéo-léo.

Học sách vở tức là học văn-chương, nghĩa lý, đạo-lý.

Học toán-số là học cho biết tính-toán, suy-luận.

Như vậy các học xưa của Á-đông là học-hỏi để làm thánh-hiền, làm chính-nhân, quân-tử.

Ta có bài hát ru em cũng phản-ảnh được phần nào tinh-thần và đường-lối ấy. Nó bắt đầu như sau :

«Hạ hơi hơi, hờ hơi hơi,
Học là học đạo làm người,
Làm người phải biết lễ trời đất sai
Làm trai cho đáng nên trai,
Chớ dưng đi nghịch cho phai lòng
vàng....»

Trình-Tử bình-luận về mục-đích rõt-ráo của sự học người xưa như sau :

«Người thường (thường-nhân) phải học-hỏi để tiến dần từ bên ngoài vào nội-tâm. Học cốt để biết tâm mình, biết đường-lối tâm-hồn phải noi theo, rồi ra sẽ hết sức noi-theo đường-lối ấy cho đến kỳ cùng, thế gọi là từ biết đi đến hoàn-thiện. Cho nên học cần phải «Tận kỳ tâm, tri kỳ tính», rồi ra mới cố-gắng thực hiện được sự hoàn-thiện và nên thánh-nhân vậy...» ².

B. — Nền giáo-dục xưa ở Âu-châu.

Đường-hướng giáo-dục ở Âu-châu từ thời Trung-cổ cho đến thế-

1. Xem *Không học* đăng, quyển 2, tr. 718 và 748.

Xem *Từ nguyên* nơi chữ *Lục hạnh*.

2. Xem *Hoặc văn Trung Dung* tr. IIIa
Xem *Trung Dung giảng luận*, *Giảng khóa triết Trung-Hoa* của tác giả tr. 161, note 1

kỷ XIX cũng muốn đoàn-luyện con người, cho họ trở thành những mẫu người lý-tưởng, cho họ hấp-thụ được những cái hay, cái đẹp của tiền-nhân. Học văn-chương, văn học (humanisme, humanités) chính là học lấy tinh-hoa nhân loại (humanité) ¹.

Âu-châu thời Trung-cổ có :

— *Tam khoa* (Trivium) :

Văn-phạm (Grammaire)

Hành-văn (Rhétorique)

Biện-luận (Dialectique)

— *Tứ thuật* (Quadrivium) :

Nhạc (Musique)

Toán-học (Arithmétique)

Hình-học (Géométrie)

Thiên-văn (Astronomie)

Cho đến một thời-gian gần đây, chương trình Trung-học còn là như sau :

— 3 hay 4 năm học Văn phạm (Classes de grammaire)

— 1 năm Văn-chương (Classe d'Humanités)

— 1 năm học Hành-văn, Diễn-thuyết (Classe de Rhétorique)

Tựu chung, mục-đích giáo-dục của người Âu-châu xưa cũng là đào-tạo cho dân con trở nên những người biết ăn, biết nói, biết suy luận; biết thưởng-thức cái hay, cái đẹp; biết nghĩa lý đạo-đức; biết đường tiếp-nhân xử-kỷ, trở nên tinh-hoa nhân-loại.

Có cái lạ là, bên Đông cũng như bên Tây, xưa chỉ dạy dân cho nên

người, chứ không dạy dân làm thầy, làm thợ; chỉ chú-trọng đến văn-hóa, nghệ-thuật, mà sao-nhãng khoa-học, kỹ-thuật.

Như vậy giáo-dục xưa thiếu hẳn văn-đề hướng nghệ, huấn nghệ. Và lại, tuy rằng mỗi đầu mục-đích được đặt ra là học nghĩa-lý, học đạo-lý, học

1. Pour eux-mêmes, les termes d'humanisme et d'humanités évoquent une forme de culture dans laquelle l'homme entend assuwer ce qu'il y a en lui de proprement humain (*Comprendre*, No 15, p. 178).

... L'humanisme classique peut-il encore, comme il le fit au cours des siècles, aider l'homme à dominer par l'esprit les problèmes intellectuels et moraux qui se posent à lui, en développant la liberté et le sérieux de son jugement ?

— Contribuer à la formation des personnalités, équilibrées en facilitant l'intégration des connaissances particulières, en développant le goût des satisfactions esthétiques et en palliant l'excès possible d'une éducation purement technique, qui risquerait de laisser l'homme sans idéal et sans normes de conduite autres que ceux de l'utilité et de l'efficacité.

Contribuer à la vie propre de chaque collectivité, à l'intégration harmonieuse de l'individu à la communauté, aussi bien dans les pays les plus avancés techniquement que dans les pays encore insuffisamment développés, héritiers d'une antique tradition culturelle et engagés aujourd'hui dans un processus de développement accéléré.

Développer le respect de la personne humaine, accroître la volonté de compréhension et le sentiment de solidarité entre les peuples au sein de chacune des grandes régions culturelles et entre elles... Ce que les civilisations ont traditionnellement cherché dans l'humanisme classique, c'est non seulement cette libération à l'égard du momentané et du particulier, mais aussi, plus précisément un commerce étroit et approfondi avec ce que l'humanité a produit de meilleur, une familiarité avec de grands exemples, un sens de l'éternité de certains problèmes fondamentaux, le modèle d'une méditation ou d'une réflexion, sans compromis. Pour ces différents aspects, l'humanisme traditionnel se présentait comme une leçon de sagesse.

Comprendre (Revue de la société européenne de culture Près la Biennale de GIUSTINIAN VENISE) No 15 p. 177.

làm người, như ta thường nói : «Tiên học lễ, hậu học văn» nhưng dãn-dã từ-chương lẫn-át nghĩa-lý. Người ta đi học để làm quan hay để biết làm thơ phú, biết ngâm thơ, vịnh nguyệt v.v... Lối-làm này theo đà thời gian, cả Đông lẫn Tây đều mắc phải.

Thay vì học để LÀM NGƯỜI, người ta học để LÀM QUAN.

Bài hát ru em của ta cũng có một đoạn như sau :

«Ngoan, ngoan, ngoan thực là ngoan,
Bé cần học lớn làm quan,
Khắp triều chu từ¹ đều làng Thi
Thư²

Chèo thuyền đến bến thầy Chu³
Bút nghiên là dấu võng dù cân đai,
Rõ bằng rõ bài,

Tranh khố, đoạt giáp dễ nhưong
ai ... » (Hát ru em)

Chu-Hi xưa cũng đã sớm nhận thấy sự sa-đọa ấy. Ông viết :

« Từ khi phép học để nên thánh-hiền không còn được truyền-tụng, các học-giả không biết lý-do của sự học, mà chỉ học từ-chương, học chú-thích, học thuộc lòng. Do đó, sách vở ngày một nhiều, mà nghĩa-lý ngày càng mờ-tối, học hành ngày một vất-và mà tâm-hồn ngày một phóng dăng; văn-chương ngày một cao, mà thực-hành, trau-dồi đức-độ ngày một hết. »⁴.

Chính vì thế mà ở Âu-Châu, từ thế-kỷ XIX; ở Á-Đông, từ khi ta bị lọt vào vòng thống-trị Âu-Châu, người ta bắt đầu chỉ-trích nền giáo-dục cũ.

Người ta cho nó là hẹp-hòi, chỉ đào-tạo nên được một số quyền chức, chứ không phổ-cập đến toàn dân. Lý-do là vì muốn học những « tử ngữ »

như La-tinh, Hi-Lạp, Hán-văn, người ta phải mất nhiều năm mới mong đọc nổi sách thánh-hiền, đọc nổi sách về tư-tưởng.

Người ta cho nó là viễn-dụng, không thực-tế và cho rằng học xem *Không-Tử*, xem *Cicéron* nói gì không ích-lợi bằng xem một cái máy quay ra sao.

Người ta cũng cho rằng nền giáo-dục cũ làm đình-đốn sự tiến-bộ của đất nước, vì chỉ tạo nên được những người nò mồm, bẻm mép chứ không tạo nên được những nhân-tài thực sự.

Đĩ nhiên là những lời phê-bình, chỉ-trích ấy có nhiều chỗ quá-đáng và sai-lạc, nhưng chúng đã đảo-lộn được chiều-hướng giáo-dục và đã đưa tới nền giáo-dục ngày nay.

V— NỀN GIÁO-DỤC NGÀY NAY VÀ MỤC-ĐÍCH CỦA NÓ.

Ngày nay nền giáo-dục đã chuyển hướng hoàn-toàn.

Giáo-dục ngày nay hoàn-toàn chú-trọng đến khoa-học, kỹ-thuật kinh-tế, thương mại, luật-pháp mà sao-những triết-lý, văn-chương, đạo-đức.

1. Chu : dò. Từ : tia. Các quan xưa mặc áo dò, áo tia.

2. Thi Thư : Kinh Thi, Kinh Thư.

3. Chu Hy.

4. Chu-từ : « Tự thánh học bất truyền, vì sĩ giả bất tri học chỉ hữu bản nhi sở dĩ cầu chỉ ư thư, bất viết hồ ký, tụng huấn-hỗ, văn-từ chỉ gian. Thị dĩ thiên hạ chỉ thư dù đa, nhi lý dù muội; học-giả chỉ sự dù cần, nhi tâm dù phóng; từ-chương dù lệ, nghị-luận dù cao, nhi chỉ đức nghiệp sự công chỉ thực dù vô.

Xem *Tứ Thư tiết yếu*, Đại-học 7, tựa.

Xem *Trung Dung bình giảng* của tác giả (Giảng-khoa triết Trung-Hoa tại Đại-học Văn-khoa) tr. 85, chú 1.

André Pieltre trong bài « Những dịp may của một nền văn-hóa mới », trong quyển **Recherches et Débats** số 14 đã viết như sau :

« Xưa kia người ta thiên về tinh thần. Xác-chất đối với người xưa chẳng qua là một nắm mồi, theo lời Platon, và văn-hóa chỉ chú-trọng đến tinh thần.

Ngày nay, có thể nói : sự đời đã đảo ngược. Khoa-học vật-lý và các kỹ-thuật vật-chất đã toàn thắng.»

Ngày nay người ta huấn-luyện khối óc, huấn-luyện đôi tay thì rất tài, mà huấn-luyện con tim thì quá dở.

Nói cách khác, nền giáo-dục hiện-đại chỉ tạo nên được những chuyên-viên, chứ không đào-tạo nên được những người có đức-hạnh thực-sự.

Đàng khác, học đường thay vì là những nơi đào-luyện tâm-thần, đã trở nên những trung-tâm kinh-tế, kinh-doanh thực-sự.

Ngày nay ở các trường, người ta thường dạy những điều thực-tiễn, thực-dụng như sinh-ngữ, toán-học, khoa-học mà quên hẳn mất phần đức-dục.

Món công-dân có dạy cũng là dạy cho lấy lệ.

Về văn-học, thường chỉ học từ-chương, thi-phú, bút-pháp, văn-pháp mà quên hẳn dạy-dỗ những nghĩa-lý cao-xa.

Người ta cũng dứt khoát gạt ra ngoài phạm-vi học-đường ảnh-hưởng thần-quyền, giáo-quyền, v.v. . . đề

tránh sự thao-túng của các Giáo-hội.

Tóm lại nền giáo-dục hiện-tại trên thế-giới chỉ có khuynh-hướng kỹ-thuật và thực-dụng mà thôi.

Nhờ lối giáo-dục mới này, mà các vấn-đề cơm áo, nhà cửa, bệnh-hoạn và các nhu-cầu thường nhật của quần-chúng được cải-thiện.

Nhưng ngược lại, tinh-thần con người trở nên sa-sút. Con người dần dần quên đạo-đức, nghĩa-lý mà chạy theo lợi-lộc công-danh.

Trong số báo *Time* ra ngày 2-8-68 Ông Robert M. Hutchins, Giám-đốc Trung-tâm khảo-cứu các thể-chế dân-chủ, cho rằng : Cái lối học hướng nghiệp ngày nay kết-quả sẽ làm cho con người trở nên nô-lệ của hoàn-cảnh.¹

Ông cũng cho rằng người ta đã lẫn-lộn không còn phân-biệt được thể nào là huấn-nghệ, thể nào là giáo-dục.²

Sự nhận-xét sau thật là chí-lý. Ngày nay người ta đã mải mê đánh lộn con đen : huấn-nghệ thời kêu bằng giáo-dục; dạy từ-chương, văn-pháp thời lại tưởng là truyền-bá lễ-nghĩa đạo-đức....

Ở học-đường đã vậy, ở gia đình con cái lại cũng không được mục-kích những gì gọi là cao-siêu.

1. To Robert M. Hutchins, this vocation-oriented approach to education will end up by making man the slave of his environment.

(*Time*, August 2, 1968, p. 46)

2. Hutchins argues that Americans have failed to distinguish between training and education.

Ibid, p. 47.

Cha mẹ thời đầu tắt, mặt tối, suốt ngày đi lo kiếm tiền, không còn có thì-giờ dạy-dỗ con cái. Ấy là chưa kể đến những cảnh cha mẹ rượu chè, cờ-bạc, trai-gái bê-tha, ghen-tuông, lục-đục với nhau. Như vậy hỏi làm sao mà con cái có thể trở nên cao-siêu được ?

Ở ngoài xã-hội, những sách vở đứng-đắn thì ít, nhảm-nhí thì nhiều, các văn-nghe-sĩ đua nhau « ần thiện, dương ác » cho nên những ảnh-hưởng hay thời ít, mà ảnh-hưởng dở thời nhiều.

Đằng khác, đi học, khi đã được mảnh bằng; đi làm, khi đã có địa-vị khả-quan, lương-bổng hân-hoi rồi, thì ít ai muốn học-hỏi cầu tiến thêm nữa.

Hơn nữa, cái tuổi mà người ta cần được giáo-dục, huấn-luyện lại về đạo-dức, cái tuổi mà người ta cần phải hồi tâm suy-tư về ý-nghĩa cuộc đời, tức là cái tuổi từ 40 trở đi, thì lại là cái tuổi dùng để hưởng-thụ.

Cho nên những chệch-mác, dỏ-dang hiện nay có trong xã hội, không thể qui trách-nhiệm nguyên cho chính-quyền, cho học-đường, mà còn cho những cha mẹ thiếu bổn-phận, cho các bậc mệnh-danh là lãnh-đạo tinh-thần, mà không hiểu lãnh-đạo tinh-thần là thế nào ; cho những văn-nghe-sĩ chuyên khơi thị-đục, thị-hiểu của quần-chúng, cho mỗi một người chúng ta vì đã thiếu sáng-suốt, thiếu phán-đoán, thiếu học-hỏi, thiếu cố-gắng.

VI — HƯỚNG VỀ TƯƠNG-LAI.

Như thế, ta thấy rằng nền giáo-dục xưa và nay đều có cái hay, cái dở.

— Chú-trọng tinh-thần, thì vật chất đình-đốn.

— Chú-trọng vật-chất, thì tinh-thần suy-đổi.

Vì thế nên ngày nay chúng ta cần phải có một nền văn-hóa, giáo-dục toàn-diện, gồm cả hai phần tinh-thần vật-chất với sự đóng góp của chính-quyền, của học-đường, của gia-đình và của cá-nhân.

Cồng trường Trung - Học Trương-Vĩnh Ký Saigon có một đôi câu đối chữ nho rất nên ý-nghĩa :

*Khổng Mạnh cương-thường tu
khắc cốt,*

Tây, Âu khoa-học yếu minh tâm »

*(Khổng-Mạnh cương-thường nên
tạc dạ,*

Tây-Âu khoa-học phải ghi lòng)

Dẫu sao đi nữa, thì mục-đích chính-yếu của giáo-dục cũng phải là :

1 — Luyện tâm

2 — Luyện trí

3 — Huấn nghệ.

Muốn luyện tâm, trí con người, nhất định là phải dùng văn-học.

Văn-học đây có một ý-nghĩa rất rộng :

« Văn là thay lời nói, ghi-chép hết thấy sự-vật, nghĩa-lý.

Học là gồm cả các tư-tưởng, học thuật, tinh-thần, khi-phách của một dân tộc, một văn-hóa. »¹.

Tuy-nhiên, từ-chương phải nhường bớt chỗ cho nghĩa-lẽ.

1. Nguyễn-đồng-Chí, *Cổ văn-học sử*, Thư viện Bác-cổ Hanội ngày 1-2-42.

Những gương anh-hùng, liệt-sĩ, những gương trung-hiếu, tiết-ngĩa phải được soạn thành những bài tập đọc, những bài luận-thuyết, hoặc biên thành ca, phổ thành nhạc để dạy cho con em từ khi chúng bước chân vào chốn học-đường. Ngoài ra cũng nên tưởng-thưởng những học-sinh, anh-dũng, tiết-tháo, nết-na, đức-hạnh, cũng như là những học sinh học-hành xuất-sắc vậy.

Muốn huấn nghệ, thời dạy kỹ-thuật cho dân con, cho họ có nghề có nghiệp, có tinh-thần khoa-học, biết quan-sát, biết suy-tư, biết tổ-chức, sáng chế v.v...

Huấn nghệ có cao, có thấp. Cao thì dạy nơi các đại-học; thấp thì dạy nơi các trường huấn nghệ thông-thường. Những trường sau này càng nhiều càng tốt.

Đồng thời cũng nên có những trường "hải, nông, lâm, súc" trung-đẳng ở nhiều nơi trong nước, không những là để đào-tạo cán-bộ, mà còn là để trực-tiếp dạy dân biết cách trồng-tiạ, chăn-nuôi, khai-thác hải-sản, lâm-sản thế nào cho có hiệu-quả nhất.

Trong công-cuộc giáo-dục, điều cần-yếu khác là tuyển-lựa các giáo-sư, giáo-chức. Trong sự tuyển-lựa này, phải để ý đến cả hai phương-diện tài-năng và đức-độ.

Song song với các tổ-chức học-đường, cũng cần phải đề tâm phát-triển các thư-viện.

Các thư-viện cần phải được tổ-chức cho qui-mô, tập-trung được nhiều sách giá-trị về văn-học, nghệ-

thuật, tư-tưởng, khoa-học v.v...

Sách vừa được đọc tại chỗ, vừa có thể cho mượn về nhà—nếu không phải là những loại sách quá hiếm—với số tiền cực ít là gấp rưỡi giá tiền sách, để tránh sự mất mát.

Lại cũng nên có những trung-tâm văn-hóa bình dân như Malraux đã cho thành lập ở nhiều tỉnh bên Pháp để phổ-biến văn-hóa, nghệ-thuật cho những người ít học, phát-giác nhân-tài, khuyến-khích sáng-tác,

Ngoài ra chính-phủ cũng nên lập ra những trung-tâm nghiên-cứu, hoạch định ra những chương-trình để cho các nhà văn-hóa, khoa-học nghiên-cứu, khảo-sát, phát-minh.

Các quốc-gia tân-tiến ngày nay đều có những chương-trình như phát-minh nguyên-tử, thí-nghiệm không-gian, du-hành nguyệt cầu, những viện nghiên-cứu y-học, khoa-học, những trung-tâm khảo-cứu văn-học như cơ-quan Unesco, hoặc những phân-khoa văn-hóa đặc biệt như ở các trường đại-học Harvard, Hawai, Sorbonne v.v. .

Nếu giàu-sang hơn một chút nữa, thời cũng nên có những cơ-quan phổ-biến văn-hóa, nghệ-thuật của nước mình ra nước ngoài.

Đó là một chuyện mà các cường-quốc đã làm từ 1919.

Pháp đi tiên-phong, rồi đến Đức đến Nhật.

Năm 1925, Ngã cho thành-lập cơ-quan văn hóa quốc ngoại.

Năm 1934, Anh cho thành-lập British Council.

Năm 1938, Mỹ cũng cho thiết lập cơ-quan để cộng-tác văn-hóa với các nước.

Cơ-quan văn-hóa quốc-tế Unesco, thành lập tháng 11/1946, và đã có hơn 30 quốc-gia hội-viên, cũng là một cơ-quan văn-hóa mà quốc-gia ta nên tham dự.

Unesco nhận định như sau :

“Vì chiến-tranh bắt đầu từ tâm-hồn con người, nên công cuộc bảo vệ hòa bình cũng phải được xây dựng từ trong tâm hồn con người. Xưa nay, trong suốt quá-trình lịch-sử nhân-loại, các dân-tộc nghi-ky lẫn nhau, chính là vì đã không hiểu biết lẽ-lối sống của nhau.

Phổ-biến văn-hóa cho sâu rộng, và giáo-hóa nhân quần về công-bình tự-do, hòa-bình là điều-kiện cần-thiết để bảo-vệ phẩm-giá con người và là bổn-phận thiêng-liêng mà mọi quốc-gia phải thi hành trong tinh-thần tương thân tương trợ” (Cf. *Ruth Emily mc mury and muna Lee. The Cultural approach*, p. 234)

Tóm lại muốn cho nước mạnh, dân giàu, có nền kỹ-thuật tiến bộ, có nền văn-hóa cao-siêu, dĩ-nhiên chính quyền và người dân phải cộng tác để kiện-toàn, hoàn-thiện nền giáo-dục.

Một nền giáo-dục lý-tưởng phải đào-tạo được đầy-dủ nhân-sĩ, nhân tài về mọi phương-diện, cung ứng được hết mọi nhu-cầu quốc-gia, cũng như theo kịp đà tiến-bộ quốc-tế và thực-sự chuyển-hóa được dân-tâm, dân-trí.

VII — TỔNG-LUẬN.

Tổng-kết lại :

— Giáo-dục cốt là để giúp cho con trẻ sống sung-sướng và chuẩn-bị cho chúng bước vào cuộc đời một cách êm-đẹp ¹.

— Giáo-dục cốt là để giúp cho thanh thiếu-niên có phương-kế sinh nhai; giúp cho họ biết đóng vai trò một công-dân xứng đáng trong một nước dân-chủ ².

— Giáo-dục cốt là giúp cho người dân phát-triển được mọi tiềm-năng của họ ³.

— Giáo-dục cốt là đào-tạo nên những cá-nhân tốt sống trong một xã-hội tốt ⁴.

1. “The government purpose”, said the white paper which heralded the latest Education Act “is to secure for children a happier childhood and a better start in life.” (Eliot, *Notes towards the Definition of Culture*, p. 97).

2. Dr C. E. M. Joad :

Education has a number of ends. Of these he lists three :

a. To enable a boy or girl to earn his or her own living.

b. To equip him to play his part as the citizen of a democracy.

c. To enable him to develop all the latent powers and faculties of his nature and so enjoy a good life.

(Eliot, *Notes towards the Definition of Culture*, p. 98).

3. Xem chú-thích 2 số c.

4. Now so long as we mean by “education” everything that goes to form the good individual in a good society.

1b. 105

... The Oxford dictionary tells us that education is “the process of bringing up (young persons)” that it is “the systematic instruction, schooling or training given to the young (and, by extension, to adults) in preparation for the work of life” that it is “culture or development of powers, formation of character”.

1b. 06

Nền giáo-dục của chúng ta về phương-diện văn-học sẽ đặt trọng-tâm nghiên-cứu các nền đại văn-hóa Á-Âu, với một tinh-thần vô tư và một tâm-hồn nhiệt-thành đi tìm chân-lý.

Từ những nền văn-hóa Á-Âu đó, chúng ta sẽ rút ra những quan-điểm tương-đồng, chúng ta sẽ tìm cho ra những điều cao-siêu chân-thực. Những chân-lý phổ-quát đại-đồng chính là tinh-hoa nhân-loại, và cần phải được ta truyền lại cho hậu-thế.

Về phương-diện khoa-học, chúng ta sẽ cố học cách sáng-chế, sử-dụng máy-móc, kỹ-thuật, nhưng không để cho máy-móc, kỹ-thuật nô-lệ-hóa chúng ta.

Chúng ta phải làm sao cho hai ngành văn-học và khoa học, tuy theo hai chiều-hướng khác nhau, một đảng chuyên lo cải-thiện tâm-thần xã-hội, một đảng chuyên lo cải-thiện vật-chất, ngoại-cảnh, đều cùng hướng về một mục-phiêu là tạo nên những con người cao-siêu đức-độ, tài-cán và hạnh-phúc trong một xã-hội có kỷ-luật, có tổ-chức, đượm tinh thương-yêu bình-an, và hạnh-phúc.

Nền giáo-dục của chúng ta dạy làm ăn, nhưng cũng dạy làm người. Và nếu có thể, còn dạy làm thành-hiền nữa. Tóm lại giáo-dục phải phát-huy

được mọi tiềm-năng, tiềm-lực nơi người.

Hiệu giáo-dục như vậy sẽ thấy giáo-dục rất quan-trọng cho tiền-đồ đất nước.

Giáo-dục không phải nguyên hạn-hẹp trong ít nhiều năm học tại nhà trường, mà phải bắt đầu từ tuổi ấu-thơ ở gia-đình; mà phải tiếp-tục mãi mãi cho tới già, tới chết.

Khi còn trẻ-dại, xã-hội giáo-dục ta; đến khi khôn lớn, ta phải tự giáo-dục, đoàn-luyện mình để tiến tới tinh-hoa, cao-đại.

Luật Tạo-hóa là muốn cho mọi người, cố-gắng không ngừng để cải-thiện bản-thân, cải-thiện đời sống, cải-thiện hoàn-cảnh.

Ngồi yên mà cầu xin thánh-thần lo hộ cho mình có cơm ăn, áo mặc; học hộ mình, thi hộ mình, tu hộ mình, thì chắc là chẳng thể nào được.

Vận-mệnh của mình, tương-lai của mình, hạnh-phúc của mình, cũng như sự vinh-quang, thái-thịnh của cả dân-tộc là do công-lao của mỗi một người chúng ta cố-gắng tạo nên, chứ không phải ngẫu-nhiên mà có.

Chính vì vậy mà văn-hóa, giáo-dục là những vấn-đề hết sức quan trọng và khẩn-yếu.

—àn nhân của Phương Đông—

— Công Ty Tévété, Saigon, một năm báo	2.500đ
— Ông Trần-văn-Thường, Saigon, một năm báo	2.500đ

GIÁO - DỤC MỚI

- *Mong di dưỡng chính, thánh công dã.*

(Kinh Dịch)

(Dạy kẻ mong - nuôi — trẻ - con — phải nuôi-dưỡng tâm-trí cho minh-chính, đó là công-trình của bậc thánh-nhân.)

- *Tu kỷ chí thân, kỷ đức nết chân. Xã thân nhĩ ngôn tu giả, giả dã.*

(Lão-Tử)

(Trau lấy thân mình, thì đức mình mới được chân-thật. Bỏ thân ra mà nói tu là giả-dối vậy.)

I. **C**ÔNG-cuộc giáo-dục một con người phải bắt đầu từ khi mới lọt lòng mẹ sinh ra và phải kéo dài trọn đời : một công-cuộc giáo-dục *liên-tục*.

Thật ra, một công-cuộc giáo-dục toàn-hảo phải khởi-sự trước khi sinh, và trong trường-hợp đó, chính người mẹ phải lo-liệu, và lo-liệu bằng hai cách hoạt-động :

- 1 — Hoạt động cho chính mình để chính mình được tiến-hóa,
- 2 — Hoạt-động cho đứa con mà mình đang tạo ra hình-hài.

Bởi vì bản-tính của đứa trẻ sắp sinh ra đời tùy-thuộc rất nhiều vào người mẹ *sáng-tạo* ra nó, tùy-thuộc vào hoài-bảo, vào ý-chí của người mẹ, cũng như tùy-thuộc vào hoàn-cảnh vật-chất của người mẹ.

Khi quyết định thụ-thai người mẹ phải luôn - luôn gìn-giữ tư-tưởng, ý-nghĩ của mình cho trong-sạch thanh-cao, tinh-cảm cho tốt-đẹp, và hoàn-cảnh vật-chất cho đơn-giản.

Đó là phần giáo-dục phải được áp-dụng cho chính các bà mẹ. Nếu thêm vào đó các bà còn có một ý-chí tri-thức đứng-đắn và một quan-niệm cao-cả về sứ-mạng làm mẹ đối với tương-lai một dòng họ, một xã-hội hay một khối nhân-quần thì chắc-chắn đứa con sắp ra đời sẽ có được những khả-năng tốt-đẹp đáng quý nhất.

2. Muốn được trọn-hảo, một công-cuộc phải bao-gồm năm trạng-thái chính hướng về những hoạt-động căn-bản của con người, là :

- 1 — hoạt-động về thể-xác,
- 2 — hoạt-động về tình-cảm,
- 3 — hoạt-động về trí-óc,
- 4 — hoạt-động về tâm-linh và
- 5 — hoạt-động về tinh-thần.

Thường-thường những giai-đoạn giáo-dục này phải diễn-tiến liên-tục cùng với sự phát-triển của con người ; nhưng giai-đoạn này không phải để thay-thế giai-đoạn kia, mà tất-cả đều phải liên-tiếp với nhau, giai-đoạn này bổ-túc cho giai-đoạn kia cho đến trọn đời.

Chúng tôi đề-nghị nghiên-cứu năm trạng-thái giáo-dục trên với một sự chú-tâm đặc-biệt đến sự liên quan mật-thiết giữa các trạng-thái đó với nhau một cách bất-khả phân. Nhưng trước khi đi vào chi-tiết của vấn-đề, chúng tôi muốn được phép lưu-ý các bậc làm cha mẹ một điều, là : phần đông cha mẹ — vì nhiều lý-do — rất ít quan-tâm đến sự giáo-dục chân-chính của con cái mình. Khi sinh ra đời một đứa con, phần đông chúng ta cho rằng lo nuôi-nấng nó và cung-cấp cho nó một số tiện-nghỉ vật-chất để đáp-ứng những nhu-cầu vật-chất của nó là chúng ta đã làm xong bổn-phận. Đến tuổi đứa trẻ đi học, chúng ta tìm trường cho nó học, rồi sau đó cũng lại phó mặc cho thầy giáo lo dạy-bảo nó.

Dĩ-nhiên cũng có những bậc cha mẹ ý-thức được rằng con mình phải được giáo-hóa và cũng cố-gắng hết sức để dạy-dỗ nó. Nhưng trong số những vị ấy, dù thật-tình và thành-khân nghiêm-chỉnh nhất, cũng không mấy vị biết được rằng điều căn-bản và trước tiên để dạy-dỗ một đứa trẻ chính là phải có khả-năng *tự giáo-dục lấy mình* hầu không bao giờ nêu gương xấu cho con. Bởi vì, trong giáo-dục, không gì hiệu-lực bằng tấm *gương* của chính người giáo-dục. Thốt ra những lời cao-đẹp, khuyên-răn những điều khôn-ngoa sẽ không có hiệu-quả nếu chính mình không sống theo những tiêu-chuẩn cao-đẹp khôn-ngoa đó. Lòng ngay-thẳng trung-trực, tính liêm-khiết, nhẫn-nại, sự chịu-đựng, bền-gan quyết-chí, tính an-tĩnh và sự tự-chủ là tất-cả những điều hay lẽ phải *chỉ* có thể dạy bằng gương-mẫu mà thôi.

Gương-mẫu hơn rất xa lời nói. Nhiệm-vụ của các bậc làm cha mẹ thật hết sức khó-khăn. Có được một quan-niệm cao-thượng là đáng quý, nhưng cần-thiết hơn là phải luôn-luôn xử-sự theo đúng quan-niệm ấy, đừng nói một đằng làm một nẻo, hành bất cập tri. Nếu con cái trong thấy nơi cha mẹ lời nói và việc làm là một thì lần-lần chúng sẽ phản-ảnh một cách *tự-nhiên* những đức-tính mà cha mẹ chúng mong-muốn cho chúng có. Đương-nhiên con cái phải kính-trọng và ngợi-khen cha mẹ, trừ khi cha mẹ là những người bất-xứng. Cha mẹ trước mắt con cái luôn-luôn là những thần-tượng mà chúng cố-gắng bắt chước.

Những tật-xấu, những sa-ngã yếu-đuối, sự thiếu tự-chủ của cha mẹ ảnh-hưởng rất nguy-hại đến con cái, điều này thật dĩ-nhiên ; vậy mà chỉ có một thiếu-số cha mẹ ý-thức được rõ-ràng, còn đa-số thì dường như không quan-tâm đến. Nếu chúng ta muốn cho con cái chúng ta kính-trọng chúng ta thì chính chúng ta phải *tự-trọng* lấy mình, và lúc nào cũng phải tỏ ra mình là người đáng-kính, không bao giờ độc-tại, nóng-nảy giận-dữ hay hành-hung. Khi con chúng ta hỏi chúng ta một điều gì, đừng trả lời nó bằng một câu tầm-xàm, vì lẽ nó không thể hiểu được chúng ta. Luôn-luôn bao giờ cũng có cách để làm cho người khác hiểu mình nếu người ta chịu khó dụng tâm tìm kiếm. Mặc dù có ngụ-ngôn «Nói sự thật không hẳn là bao giờ cũng nên», chúng tôi có ý-nghĩ quá-quyết ngược lại, là : «Nói ra sự thật bao giờ cũng tốt.» Vấn-đề là phải biết nói ra sự thật một cách có nghệ-thuật làm sao cho người nghe mình nói không chói tai và sẵn-sàng chấp-nhận.

3. Từ lúc sơ-sinh cho tới tuổi 12 hay 14, trí khôn của con trẻ ít thích-hợp với những lý-thuyết trừu-tượng cùng những ý-niệm khái-lược. Tuy-nhiên, người ta có thể tập cho nó hiểu được bằng cách dùng những hình-ảnh cụ thể, những thí-dụ cùng những biểu-tượng. Đối với một số trẻ em, mặc dù tuổi có lớn lên, nhưng trí-óc vẫn luôn-luôn non-nớt ; một câu chuyện cổ-tích, một trang lịch-sử được kể lại cho chúng nghe một cách khéo-léo có thể dạy-dỗ chúng nhiều hơn là một số lý-thuyết.

Còn một điều nữa nhất-thiết nên tránh trong việc giáo-dục, là không nên mắng-mò rầy-la con cái một cách thiếu ý-thức và không cần-thiết. Đứa trẻ bị mắng, bị rầy một cách không chính-đáng rất dễ trở nên chai-lỳ trước những lời khiển-trách hay trước các hình-phạt. Trẻ cũng thường không lưu-ý mấy đến những lời-lẽ và giọng nói nghiêm-khắc, trái lại chúng ưa những lời ngọt-ngào và cách nói dịu dàng hơn.

Một điều tối-kỵ nữa là đừng bao giờ khiển-trách trẻ về một lỗi lầm mà chính mình cũng đã phạm phải. Trẻ là những quan-sát-viên tinh-vi và ý-tử. Chúng phát-giác rất mau chóng những nhược điếm của người lớn chúng ta và ghi nhớ một cách sâu-xa và sẵn-sàng lên án nghiêm-khắc chúng ta.

Một khi trẻ phạm lỗi điều tốt nhất là làm thế nào để chúng tự đến thú-tội với mình một cách ngay thật. Và một khi trẻ đã thú-tội rồi thì chúng ta hãy làm cho nó hiểu rằng điều nó đã làm là không phải, với tất cả sự dịu-dàng triu-mến cần-thiết đối với trẻ. Có như vậy trẻ mới không tái phạm lỗi một lần nữa và mới vâng theo lời giáo-huấn của chúng ta.

Đừng có bao giờ rầy la trẻ ngay sau khi trẻ vừa mới thú tội với chúng ta. Một lỗi đã thú nhận phải luôn-luôn được dung thứ, đừng bao

glò chúng ta để cho trẻ lo-lắng sợ-hãi sẽ bị trừng-phạt sau khi thú tội. Sợ-hãi rất tai-hại cho công-cuộc giáo-dục. Sợ-hãi xui khiến trẻ giấu diếm và nói dối. Chỉ có một tình âu-yếm sáng-suốt, cứng-rắn nghiêm-khắc nhưng dịu-hiền và một sự hiểu biết thực-tế đầy đủ mới tạo ra những sợi giây tin-nhiệm cần yếu giúp chúng ta giáo-dục hữu hiệu con cái chúng ta. Chúng ta cũng không nên quên rằng luôn-luôn chúng ta phải tự-chủ để có thể làm nổi nhiệm-vụ của chúng ta và hoàn-thành thực-sự bổn-phận của chúng ta đã sinh ra một đứa con trên đời.

Kỷ sau : Giáo-dục xác thân.



HỌC THUẬT VIỆT NAM QUỐC-BẢO

GHI TÊN THAM DỰ :

LỚP DỊCH LÝ

DU-NGOAN THỰC-NGHIỆM

do ông XUÂN PHONG — HỒNG TỬ UYÊN và một nhóm bạn hữu trong CHI HỘI DỊCH LÝ VIỆT NAM hướng dẫn.

BẠN SẼ :

- ★ Khám phá được tất cả các MẪU CHÓT thuộc các ngành học đang dùng xài trong Xã-Hội như : Võ Thuật, Kinh Tế, Giáo Dục, Y Học, Chính Trị, Hôn Nhân, Quân Sự, Văn Hóa, Khoa Học, và Siêu Khoa Học, v.v...
- ★ Giải đáp được tất cả mọi cái TẠI SAO thường xuyên ăn hiện trong tâm tư bạn.
- ★ Biết TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, CHỈ HUY công việc trên đồng sống như một vị QUỐC SƯ TIÊN TRI — TIÊN GIÁC.

LỚP DỊCH LÝ

Du Ngoan Thực Nghiệm

SƠ ĐANG

- ★ Học 02 giờ đồng hồ mỗi buổi sáng hoặc chiều Chủ Nhật.
- ★ Học phí mỗi tháng 1.000\$00.
- ★ Các khóa học mới sẽ khai giảng vào mỗi đầu tháng 5, 7, 9, 11 tại địa chỉ đường số 457-96 LÊ VĂN DUYỆT — HÒA HUNG — SAIGON.
- ★ Có dạy thêm phép « TRI HÓA THẦN TOÁN » để học viên tự chiêm nghiệm, theo dõi các sự việc xảy ra hàng ngày.

MIỄN HỌC PHÍ

Cho các học viên có khả năng — ưu tú từ tháng thứ sáu trong chương trình học (Kể từ SƠ đến Thái Thượng đẳng).

MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ GIÁO-DỤC Ở VIỆT-NAM

CHỨC vụ Giáo Dục cũ xưa như loài người. Nó tùy hoàn cảnh xã hội, chánh trị, kinh tế, văn hóa của mỗi nơi mà mang sắc thái nọ. Là sản phẩm của lịch sử, mà cũng là chất men làm cho lịch sử dậy lên, Giáo dục có khi giúp cho lịch sử tiến tới, có khi hại cho lịch sử thụt lùi, hay bị kiểm hãm. Đặc biệt ở Việt-Nam, khi ách thực dân tròng lên đầu dân chúng, thì nền giáo dục cổ truyền bị dẹp qua một bên, nhường chỗ cho nền giáo dục thực dân.

Nền giáo dục thực dân này nhằm mục đích chánh yếu là rèn luyện uốn nắn, hun đúc thanh niên thành người cam chịu cái ách thực dân này, nếu không vong bản mà nhìn «mẫu quốc» làm tổ quốc, thì ít nữa cũng làm những cán bộ đắc lực cho guồng máy thực dân, nhứt tình thần dân tộc hay hèn nhát không dám xả thân cho công cuộc tranh đấu giải phóng. Mục đích nhơn tạo của nền giáo dục này không đủ sức ngăn đón sự giải phóng dân tộc. Chế độ thực dân đã phải chấm dứt, đất nước lại chia đôi. Miền Bắc tổ chức lại nền giáo dục như thế nào? Đây không phải là đề tài của những cảm nghĩ này.

Những cảm nghĩ này khiêm tốn hơn nhiều. Tác giả chỉ nêu một số suy tư về Giáo Dục tại Nam Việt Nam. Đặt những cảm nghĩ này trong khuôn khổ

thực tế của nó, trong hoàn cảnh xã hội kinh tế, chánh trị của Nam Việt Nam, mới mong đến một vài kết luận thực

I. MỘT SỐ ĐỀ TÀI CAO HỌC.

Tác giả hiện nay không có một vai trò nào trong nền Đại Học, công hay tư, của xứ này. Vậy xin phép nêu ra đây một số «đề tài» cho các sinh viên trình luận án Cao Học rất có lợi ích cho một việc tổng hợp, hầu tìm một đường lối giáo dục mục đích thật hữu ích.

Đề tài thứ nhứt là nghiên cứu nền giáo dục cổ truyền, của chúng ta từ đường lối, chương trình, tổ chức, hiệu năng. Có điều làm cho chúng ta ngạc nhiên, là mặc dầu ông cha ta thuở trước có những chức huấn đạo, giáo thọ, nhưng nhà nước không tổ chức bao nhiêu trường công đề gánh lấy chức vụ giáo dục. Đặc biệt, ngân sách quốc gia dành cho việc giáo dục chẳng là bao, thế mà nền giáo dục tư lại dường như cung ứng đầy đủ cho nhu cầu của xứ sở.

Đó là một nền giáo dục ít tốn kém ngân sách. Không phải bất cứ cái gì của quá khứ, là chúng ta ném bỏ đi. Biết đâu, nếu khéo biết giữ lại, thì trong mớ kinh nghiệm của tổ tiên ta, cũng có cái gì mót lại để cho thế hệ chúng ta và con cháu xài được. Hồi nhỏ, tôi có sống gần một nhà trường tư của một ông dạy không mệ.

Chính tôi đã vào ngồi lớp «vỡ lòng» đề 1 a quyền Tam Tự Kinh dưới sự hướng dẫn của một chị gái lớp «hạng tư», nghĩa là khi viết, thì trang giấy phân làm bốn hàng, để viết chữ to bằng ngón chơn cái. Những học trò «hạng tư» lại học dưới sự hướng dẫn của học trò «hạng năm», tức là trang vở viết thành năm hàng. Học trò «hạng năm» thì chịu sự hướng dẫn của học trò «hạng sáu». Học trò «hạng sáu» lại do những học trò «nghe sách» dạy cho. Và ông đồ chỉ dạy cho đầu năm ba học trò lớn, đáng lẽ chuẩn bị tại hương thi gì đó, nếu còn như «đăng cụ». Học phí rẻ mạt. Ngày rằm, học trò bưng lại cho thầy một ô gạo, nếu có. Không thì, lúc có thời giờ dư, ra làm cỏ, vét mương cho miếng vườn quanh trường. Gọi là nhà trường, mà thật sự là một nhà trại khoảng khoảnh, học trò ngồi ngay trên mặt đất với một manh chiếu của mình đem lại, và kê bên một cái thùng gỗ để viết. Nhờ vậy mà cả xóm, không một ai mù chữ.

Gần đây tôi có dịp viếng một vài Đại Học tối tân ở Âu Mỹ, thì cái quan niệm «giáo sinh» cũng được khai thác. Mỗi một người vào Đại Học, vừa là một sinh viên để học những cái gì cần học, và vừa dạy lại cho người khác cái gì mình có thể dạy được. Gồm có khác các «giáo sinh» của ông đồ tôi bao xa đâu? Tôi đặt đề tài này lên hàng đầu, bởi vì vấn đề tài chánh ở tại nơi nền gốc của mọi vấn đề. Chẳng có tài chánh đài thọ một chủ trương, thì mọi ý kiến chỉ là phiếm luận «nghe qua rồi bỏ».

Đề tài thứ hai là nghiên cứu nền giáo dục thực dân và hiệu năng của nó. Như trên đã nói, nền giáo dục này nhằm mục đích rèn luyện cái trông nó lệ. Chương trình này đã thực hiện được bao nhiêu, thành quả ra sao?

Đến ngày nay, người ta còn đề cập đến cái gọi là «ảnh hưởng văn hóa Pháp» tại xứ này. Thì trong cái ảnh hưởng văn hóa ấy, bao nhiêu phần trăm là do giáo dục thực dân và theo tỉ lệ nào do vai trò các đại học ngay tại nước Pháp? Có một cạnh khía cần soi sáng, là chánh thức, ảnh hưởng chánh trị của Pháp chấm dứt năm 1954, mà ảnh hưởng của nền giáo dục thực dân Pháp còn lưu lại cho đến bao giờ? Vấn đề cần soi sáng đặc biệt. Bởi hiện nay, dường như trong Đại Học Việt Nam, sự tranh giành ảnh hưởng giữa các giáo sư, gọi là «thân Pháp» và những giáo sư gọi là «thân Mỹ» gây bao nhiêu rắc rối. Sự thật là đâu?

Năm 1969, trong mười một tháng lưu lại Ba Lê, tôi có được nhiều giáo sư gợi sanh viên đến phỏng vấn hầu chuẩn bị tài liệu cho luận án thi tiến sĩ của họ. Đề tài quanh quẩn trong ảnh hưởng của văn hóa và giáo dục Pháp đến những người sau này đứng ra lãnh đạo các phong trào kháng Pháp. Từ Hồ Chí Minh, đến những chiến sĩ ít tên tuổi hơn, ngang qua những Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch

Đề tài thứ ba có lẽ là ảnh hưởng Hoa Kỳ trong nền giáo dục hiện tại. Hướng nhắm của nó, phương tiện, đường lối, thành quả và hiệu năng nó ra thế nào? Và sau rốt, là nghiên cứu sự hồi sanh của một nền giáo dục dân tộc, một sự hồi sanh rứt rứt, khiêm tốn, dường như của đứa con sống dưới mái nhà của người mẹ gẻ

Tôi thiết tha yêu cầu các giáo sư Đại Học hướng dẫn sanh viên lấy phương pháp khoa học Âu Mỹ mà nghiên cứu một vấn đề rất Việt Nam, bằng cách phân những vấn đề lớn nêu

ở trên thành những đề tài luận án hỏn. Sự góp phần của các thí sinh này sẽ là một hồ sơ qui giá, để chúng ta đặc vấn đề giáo dục trong mọi sự nghiêm chỉnh cần thiết.

II. CUỘC KHỦNG HOẢNG GIÁO-DỤC VIỆT-NAM TRONG CUỘC KHỦNG HOẢNG GIÁO-DỤC TOÀN THẾ-GIỚI.

Dầu không muốn bị quan hóa vấn đề, bất cứ ai cũng phải nhìn nhận rằng nền Giáo Dục Việt Nam đương trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Triệu chứng của cuộc khủng hoảng này, là từ khi có miền Nam Việt Nam, mỗi lần có thay đổi vị lãnh đạo Bộ Giáo Dục, thì có một lần sửa đổi chương trình Giáo Dục. Tôi không có ác ý đến đối cáo các vị ấy rằng họ làm như vậy để đánh dấu sự họ có đi ngang qua Bộ này. Tôi hiểu rằng người ngu không được mới lần lộn trần trở. Năm yên giấc, ai lần lộn làm chi. Họ có thay đổi chương trình mãi như vậy, bởi vì nằng Giáo Dục đương cơn bệnh nặng. Gia đình mời các ông lang đến, ông nào cũng không vừa ý đối với cái toa của ông lang trước. Nên toa thuốc thay đổi mãi.

Thật là một cơn bệnh nặng, cần có vừa « điệu thủ » vừa « lương phưong » Và tôi tin tưởng rằng nhóm lãnh đạo tạp chí **Phương Đông** sẽ nhận được tầm quan trọng của bệnh này, mới lấy Giáo Dục làm đề tài đặc biệt cho một số. Tôi cũng tin rằng số đông thanh niên vừa thi xong tú tài, mà đua nhau xuất ngoại, nếu nam thì nói rằng họ đi tìm cái gì? Các gia đình ta quen nếp sống khuê môn cho con gái, lẽ đâu gởi chúng nó đi tìm nếp sống hippy? Thì phải chăng là làm cha mẹ, ai cũng sợ con mình uống phải thuốc của lang băm giáo dục?

Bệnh của Giáo Dục Việt Nam có một cái nguyên nhân phức tạp, một cái « phức nguyên », cần phải phân tích ra từng thành phần, từng chi tiết, nhiên hậu mới có thể đưa ra một giải pháp tổng hợp. Và giải pháp tổng hợp này, muốn có đủ hiệu lực, tất cần được quan niệm như một toa thuốc Đông Y, theo nguyên tắc gia giảm các vị theo tình thần « quân, thần, tá, sứ »

a — Nguyên nhân căn bản của bệnh giáo dục Việt Nam có thể nói là cuộc khủng hoảng « giải thực » (crise de décolonisation). Trước đây, thực dân Pháp đã tạo một nếp giáo dục đặc biệt tương xứng với thực dân chủ nghĩa. Ngày nay, thực dân chủ nghĩa Pháp không còn ảnh hưởng chánh trị trên mảnh đất này, mà chỉ còn ảnh hưởng kinh tế và văn hóa, và nhờ hai loại này mà tìm chút hương thừa. Nhưng mà, khi không còn áp lực chánh trị được, thì đương nhiên dân tộc V.N. bị thu hút bởi những vùng ảnh hưởng khác.

b — Vùng ảnh-hưởng tự nhiên sẵn có là đường lối dân tộc. Ngay từ năm 1945, ảnh hưởng này đã thể hiện ngay trong chương trình giáo dục của giáo sư Hoàng Xuân Hãn, lúc ấy làm bộ trưởng giáo dục trong chánh phủ Trần Trọng Kim. Và cạnh khía góc dễ thấy hơn cả là sự dùng tiếng Việt thay cho tiếng Pháp làm tiếng học thừa. Thi thổ tảo bạo này làm cho giáo chức lẫn sanh viên học đều bở ngỡ, bởi tiếng Việt chưa được dùng vào chức vụ ấy bao giờ. Sách học không có, giáo sư mới dạy lần đầu như vậy, sanh viên và học sanh càng cảm thấy lạc loài. Dồn dập chương trình nối tiếp của Vũ Đình Hoè, dưới ảnh hưởng chánh trị Việt Minh, đặt ngay những mục phiếu : dân tộc, khoa học, và đại chúng.

c — Tranh đấu chánh trị, sau ngày 19.12.1946, trên bình diện giáo dục, phản ảnh thành một cuộc dằng co. Đạo quân viễn chinh Pháp nâng đỡ cho một cuộc tái xâm lăng văn hóa. Trong các trường được chúng kiểm soát, chương trình cũ của thực dân được phục hồi, còn ở các nơi, gọi là khu giải phóng, thì lại đem chương trình Vũ Đình Hoè mà áp dụng. Tuy vậy, ngay trong thành, vẫn có áp lực của đường lối dân tộc, mà kết quả hiển hiện là sự thành lập Phân Khoa Văn Khoa «chuồng ngựa» tại Đại Học Hà Nội, trong phân khoa này, những môn thuộc về quốc học lần lần được đẩy vào.

d — Cuộc đất nước chia đôi bởi hiệp định Genève, đưa tình trạng phân hóa «thành thị thôn quê» nói ở trước lọt vào thứ nguyên «Miền Nam, miền Bắc». Từ đó, từ vĩ tuyến 17 trở lên, giáo dục theo chương trình Vũ Đình Hoè bị tập kết cũng như các du khách quân vậy. Rồi từ đó, thay đổi thế nào, đó là vấn đề riêng biệt.

Còn từ vĩ tuyến 17 trở xuống, thì cả cái nền giáo dục «thành» tập kết lại, đồng thời có một cuộc giải kết của ảnh hưởng chánh trị Pháp.

Cuộc giải kết chánh trị này mang lại trong mọi bình diện cuộc khủng hoảng «giải thực». Nền giáo dục Việt Nam có thể ví như bị ghiền ma túy từ lâu tuy trải qua một thời kỳ cai ma túy mãnh liệt, nhưng đến nay vẫn chưa khỏi hẳn.

• — Trong thời gian sau này, tức là từ năm 1954, ảnh hưởng Hoa Kỳ vào Việt Nam, trên mọi thứ nguyên, không khỏi thể hiện trên thứ nguyên giáo dục. Trong mười tám năm, sinh viên Việt Nam, gởi sang các Đại Học Hoa Kỳ, cứ lấy trung bình bảy tám năm trở về với bằng Ph. D, đã đếm

được mười đợt trở về, và được bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo. Và trong Đại Học và trung học, số giáo sư đã rèn luyện trong các lò Hoa Kỳ đếm mỗi năm càng đông hơn. Số lượng qui định cho phẩm chất, số giáo sư này không khỏi cho thấy sức nặng của họ. Do đó mà một cuộc khủng hoảng thứ hai xuất hiện. Ấy là cuộc khủng hoảng do sự tranh giành ảnh hưởng của hai nền văn hóa ngoại lai, của văn hóa Pháp và của văn hóa Hoa Kỳ.

f — Trong cuộc «lưỡng tranh hùng» này, con đường văn hóa dân tộc không được tích cực nâng đỡ, vẫn đi những bước nhỏ nhẹ, sụt sè, ghé ngời nơi những góc, nói tiếng nhỏ và không dám cất giọng đề làm trọng tài, mặc dầu từ mấy năm nay, trong những tuyên ngôn của các bộ giáo dục nối tiếp nhau, vẫn nêu cao vào mục tiêu đầu cái mục tiêu dân tộc (Ba mục tiêu ấy là: dân tộc, khoa học và khai phóng).

Chồng chất lên những nguyên nhân địa phương, đặc thù cho dân tộc Việt Nam trong cuộc khủng hoảng giải thực, hãy còn một loại nguyên nhân to tát hơn, rộng rãi hơn, bao trùm cả thế hệ thanh niên các nước và nền giáo dục của các nước. Không có một nước nào tránh được cuộc khủng hoảng chung này. Nói ví để dẫn dụ, ta có thể bảo rằng giáo dục Việt Nam giống như một anh chàng sống trong một vùng có bệnh dịch truyền nhiễm, ai cũng mắc phải, mà riêng anh còn mang một chứng riêng nữa. Cả thầy đều mắc chứng thiên thời, mà anh còn mắc thêm bệnh phong tình vậy.

Cuộc khủng hoảng giáo dục chung của nhân loại đương là đối tượng nghiên cứu của những bộ óc tài ba

của nhân loại. Những tài liệu khảo cứu vấn đề cũng đã được công bố rất nhiều. Mặc dầu nói chưa cạn, song cũng cho ta hé thấy chơn trời mới.

g — Nơi căn bản có một sự thay đổi con người, mà tiền nhân không dè. Trong một tiệc cưới, hai ông suôi đồng nói với khách dự lễ : «Thuở chúng mình, cha mẹ đặt đâu, thì mình ngồi đó. Bây giờ tụi nó đặt mình ngồi đâu, là mình phải ngồi đó » Hai ông suôi này gần gũi đám con mình, nên biết thân mà xuôi theo chiều giáo. Còn những nhà lãnh đạo giáo dục lại xa cách sanh viên, không hiểu được sự thay đổi con người đương chi phối thể hệ, và cứ giữ quan niệm cũ xưa «quần sư phụ» của thời nho phong còn thanh. Nhà lãnh đạo không hiểu, mà cả nền giáo dục từ bao lâu, vẫn không thay đổi ty hào. Thanh-niên bất bình, bị dồn ép, bùng nổ lên trong một phong trào gọi là contestation. Chúng lật ngã hết thầy thần tượng, tốt hay xấu, không cần chọn lựa cái tốt để bảo tồn. Phong trào contestation này đòi giao cho sanh viên đến cái quyền lãnh đạo Đại Học.

h — Mà những đòi hỏi của phong trào này, tuy quá đáng, song hữu lý. Từ khi có cuộc cách mạng công nghiệp, nối theo đó xảy ra không biết bao nhiêu thay đổi do những phát minh của hóa học, điện học, nguyên tử học, v.v... mà xã hội tiến bước với những chiếc hia bảy dặm về theo hướng của «xã hội kỹ nghệ». Một xã hội kỹ nghệ đòi hỏi cán bộ và kỹ sư. Mà giáo dục lại đào tạo theo phương pháp huấn hồ từ chương đã thiết lập từ đời trung cổ. Trong một Đại Học, phân khoa khoa học và kỹ thuật thì hẹp té, khó thể nhận vài trăm người. Còn những phân khoa đào tạo hàng lưng dài tốn vài ăn no lại nằm, thì hàng ngàn sanh viên

tấp nập trong những phòng chật cứng. Những sanh viên này sẽ dùng mảnh da lừa để làm gì? Để tạo một đạo binh thất nghiệp có bằng cấp mà thôi.

Trong lúc đó, các trường trung học không lo đào tạo những cán bộ trung cấp của một xã hội kỹ nghệ, mà chỉ đua nhau đưa trẻ vào con đường Đại Học đã bế tắc.

Những nhà lãnh đạo giáo dục không quan niệm nổi rằng khi đã có một cuộc cách mạng vĩ đại, như cuộc cách mạng công nghiệp, làm phiên đảo cơ cấu xã hội, thì lập tức, phải có một cuộc cách mạng giáo dục đi liền theo, nếu không phải là đi trước, để giúp cho thể hệ sau đi kịp đà tiến hóa... Như vậy là giáo dục trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng, vì không chuyển hướng kịp thời.

i — Cuộc cách mạng công nghiệp có ảnh hưởng là nâng cao mức sống của đại chúng. Hay ít nữa là cho phép hàng bình dân lần la nhà trường. Lúc tôi còn nhỏ, cả làng tôi, đến hơn mười ngàn dân, mà đến cao đẳng tiểu học không được một trăm, đến trung học đệ nhị cấp, đếm không đầy số ngón của bàn tay. Và cả tỉnh ba trăm ngàn dân, mới có vài anh lên đến Đại Học. Còn bây giờ, một hôm một anh phụ xích lô đạp nói với tôi rằng anh có năm đứa con đều được vào Đại Học.

Sĩ số đến nhà trường tăng gấp ngàn lần, ở các cấp, tiểu học, trung học, đại học. Do đó mà thiếu hụt giáo chức, trường ốc, vật liệu, ngân sách. Nhà nước không ngó ra, không có kế hoạch đối phó với hiện tượng gia tăng sĩ số. Vì vậy mà thoái nhượng trước chức vụ của mình, phó cho tư thực xem giáo dục như một ngành kinh doanh trục lợi, dồn hơn trăm học trò trong những căn lớp hẹp té, kê tay viết dụng-nhau.

I — Đề làm cho tình trạng này trầm trọng thêm, lại hoàn cảnh của chiến tranh chi phối mọi sinh hoạt quốc gia. Trong một nước hưởng thanh bình, ngân sách thường chia cho giáo dục từ 25% đến 36%. Nhưng tại V.N. thì ngân sách thường chia cho giáo dục chỉ lanh quanh lối 2 hoặc 3% gì đó. Lại qui chế động viên làm cho một số đông kẹt vào phận sự quân ngũ, một số giáo chức, lẫn học sinh và sinh viên. Một số quan trọng sinh viên hai ba năm, sau nhiều năm tại ngũ, quên hết sở học, thì khi hòa bình trở lại, họ đi về đâu? Có kế hoạch nào giúp họ đừng mất mấy năm đèn sách?

k — Mà rắc rối hơn cả là cuộc khủng hoảng tinh thần chung của thanh niên thế giới, mà triệu chứng bên ngoài là phong trào hippy bủa khắp hoàn cầu, phứt là trong Đại Học và các lớp lớn trung học. Nó thành một thứ «bệnh thể hệ», đến nay, những đầu óc vĩ đại của giáo dục cũng phải bưng đầu.

I — Tất cả những việc trên đặt lại cuộc khủng hoảng giáo dục trên một bình diện hoàn toàn mới. Đó là bình diện tương quan giữa nhà trường và cuộc đời. Ai cũng đồng ý rằng không tìm được cái tương quan chánh yếu này, thì cuộc khủng hoảng vẫn kéo dài. Nhưng giải pháp đó là gì? Hiện nay chưa có ai trả lời cho nổi.

III. KÈ TOA LÀM SAO?

Phân tích sơ sơ như ở trước, thì ta đã thấy rằng con bệnh giáo dục đếm

đến mười hai chứng trăm trọng. Nếu chi tiết hóa, có lẽ phải hơn số đó lên bốn hay năm gì đó. Tức là cả ngũ tạng, lục phủ và nguyên khí thấy đều mắc chứng trăm kha.

Từ mười mấy năm nay, mỗi lượt thay đổi bộ trưởng là có cải cách giáo dục. Tôi tin rằng qui vị này giống như mấy vị sờ voi trong dụ luận của Nagarjuna Nghĩa là ai cũng trúng cả. Nhưng mà toa thuốc của ai cũng không trị được bịnh.

Thỉnh thoảng Bộ Giáo Dục có tổ chức một đại hội giáo dục (tồn phí từ năm đến mười triệu bạc), mời một số nhơn vật giáo dục tụ họp lại trọng năm ba ngày gọi là tìm phương giải quyết vấn đề. Nhưng cơn bịnh càng trầm trọng thêm. Điều này nhắc cho tôi khiêm tốn mà nhớ rằng không phải với một bài báo, mà kê được một toa hồi sinh.

Bịnh thì rất ngặt, không phải mời một hai ngàn người đến đánh trống rồi bỏ dùi đó về nhà, là có toa thuốc thần. Tôi cũng tin rằng, vì dầu có toa thuốc thần mà không tiền bỏ thuốc tốt, thì cũng không giải quyết được vấn đề.

Theo thiên ý của tôi, trong tình cảnh hiện thời, với những phương tiện khiêm tốn, nên tổ chức một Viện Nghiên Cứu Cải Cách Giáo Dục, gồm độ một chục vị thật là chuyên môn và có tài, thực tài, để nghiên cứu kế hoạch và chương trình và nhứt là làm thế nào để có phương tiện thực hiện kế hoạch và chương trình ấy.

Nền giáo-dục đời nhà Hán với nền giáo-dục của ta hiện nay.

Ở một nơi khác, chúng tôi có nghiên cứu nền văn minh Trung hoa đời Chu và thấy nền văn minh ấy quá giống nền văn minh của Thượng Việt ngày nay, chỉ trừ chữ nghĩa và triết lý, còn thi y phục trang-sức, nhạc-khí, nông nghiệp, chén bát đều giống hệt của Thượng Việt.

Nhưng từ đời Hán thì đã khác hẳn. Trung hoa, đã nhảy vọt, một bước nhảy vọt khổng lồ, từ bán văn minh lên tới đại văn minh. Nguyên nhơn sâu xa của bước nhảy vọt đó là kết quả của cuộc hợp chủng Hoa Việt tại Hoa Nam. Cuộc hợp chủng này xảy ra từ đời Hạ, nhưng đến Tần mới lộ dạng và thành hình hẳn dưới đời Hán, vì những con người tạo lập ra nền văn minh Hán, tuy cũng cứ tiếp tục nền văn minh Chu là những con người Hoa Nam tức Hoa Mã-Lai.

Trái với thành kiến hồi thế kỷ 19, ngày nay người ta đã biết rằng hợp chủng là tốt và cuộc hợp chủng Hoa Việt ở Hoa Nam đã cứu thoát dân Trung hoa, không bị tiêu diệt vì một nguyên nhơn bất khả kháng: hết sinh lực bởi quá già cỗi.

Nguyên nhơn gần, trông thấy được, là nền giáo dục của Trung hoa dưới trào nhà Hán. Nhà Hán lên ngôi

vào năm 206 trước Tây lịch, mà vào năm đó thì trong nhơn loại chưa có dân tộc nào biết tổ chức một nền giáo dục đại qui mô và có đường hướng hết.

Vua nhà Hán lên ngôi rồi thì thoát tiên coi kẻ sĩ chẳng ra gì hết bởi từ xưa cho đến đó, kẻ sĩ cũng chỉ giữ địa vị rất kém ở các trào đình. Chính quý tộc mới giữ then chốt của quốc gia, còn kẻ sĩ chỉ làm việc hành chánh.

Đạo Nho đã thành hình rồi với Tứ thư, Ngũ kinh, tuy có khác ngày nay về số lượng, và về tên sách, và cả câu văn, nhưng đại khái cũng thế. Nhưng vua nhà Hán chợt thấy đó là một thứ tôn giáo rất nhiều khả năng để giữ vững chế độ quân chủ độc tôn.

NGÔ - TÙNG - CHU. — Đó là câu nói danh tiếng nhất của kẻ sĩ có công nhứt với đạo Nho : Khổng-Tử. Ngô tùng Chu, nhưng các Ngô khác, sẽ tùng Hán, bởi căn bản của đạo ấy là ủng hộ kẻ đã vững ngôi rồi, bằng cách lập trật tự trong dân chúng, có hiệu lực hơn cảnh sát nhiều bậc. Thế nên nỗ lực của nhà Hán về giáo dục, có mục đích vụ-lợi hơn là giáo-dân nhưng kết quả gián tiếp của sự vụ-lợi ấy, cũng là giáo dân.

Đạo Nho hay hay dở, không phải chỗ phê-bình ở đây, chỉ biết rằng

triết lý ấy là một kỷ luật chặt chẽ để lập trật tự xã hội vào thời chưa có một kỷ luật nào khác hết. Phật giáo chưa đến nơi, chúa Giê-su chưa ra đời, giềng mối giữa cha con, vợ chồng dân và nước, chưa có thì là loạn lớn, nếu không dùng đao và gậy để giữ trật tự, mà đao và gậy, sử dụng mãi cũng mỏi tay. Thật ra thì mãi cho đến năm 124 sau Tây lịch thì nền giáo dục mới thành hình một cách có qui củ ở cả toàn quốc Trung-hoa, kể cả các quận huyện vừa được đặt ra ở các nước man di vừa chiếm được. Một quận của Tàu vào thời đó thì quá lớn, cả Bắc-Việt mà chỉ được xem là một quận thì biết quận rộng biết bao nhiêu. Nhưng mỗi quận chỉ có một ông thầy dạy học. Tuy là ít, nhưng đã vô địch thế giới rồi, vì chưa hề có quốc gia nào làm như vậy hết.

Nhưng Đại học ở trung ương, tức ở Trường An thì không lờ, to hơn cả đại học của ta ngày nay nữa. Tất cả sinh viên đều có chỗ ăn ở và cho đến năm 130 sau Tây lịch thì đại học ở Trường An đã cất được 240 Đại Hạ với 1850 phòng ngủ cho sinh viên nội trú, thêm 30.000 chỗ ngồi cho sinh viên dự thính. Chính quan trông coi về nghi lễ trào đình kiêm chức Viện trưởng. Giáo-sư thực thụ được gọi là *Bác sĩ*, nhưng *Bác-sĩ* không giảng cho sinh viên, mà chỉ giảng cho các phụ giáo và các ông này mới là giảng sư trực tiếp.

Trong không khí học hỏi sôi nổi như thế thì ở các quận, ông thầy không còn làm việc lẻ loi nữa vì bao nhiêu người đua đòi học hỏi, nên những ông giảng sư không chính thức cũng xuất hiện mà không cần có giấy

phép, miễn đừng giảng sai căn bản, nội dung của đạo Nho là đủ rồi.

Trong các thứ Thư và Kinh, quyền sách mới nhứt và kém nhứt lại được xem là quyền sách quan trọng nhứt, đó là quyền **Hiếu Kinh**.

Thuở ấy chưa có một nền luân lý cho dân chúng, các sách chỉ dạy đạo Quân Thần, Thiên Địa Nhơn, còn quan hệ giữa người với người, tức luân lý trong xã hội chưa có qui củ gì hết, mà cũng là một điểm lớn lao mà người dân cần biết và cần theo đúng. Hiếu kinh dạy chữ Hiếu Hiếu với cha mẹ. Nhưng cha mẹ trọng tiền nhơn, trọng vua, trọng trật tự xã hội, trọng bà con, trọng láng giềng, thì có hiếu là có tất cả, là thành người tốt. Đó là một quyền sách hay thật sự vào một thời chưa có đạo đức xã hội, chưa có ý thức về lương tâm cá nhân. Ngày nay dạy như vậy chắc là không xong, nhưng thuở ấy, đó là con đường hay nhứt.

Siêu hình học thì đã có **Kinh Dịch**. Đạo đức tổng quát và tế bài đã có **Kinh Thư**. *Xuân Thu* là đạo đức chánh quyền. Nhưng luân lý của công dân trong xã hội thì chỉ sáng tỏ được vào thuở ấy nhờ **Hiếu Kinh**. Những người thẩm nhuần nền giáo dục ấy, sẽ là công bộc, hay ít lắm cũng là kẻ sĩ vô nhiệm sở, truyền bá cái biết của họ ở sinh-quán của họ. Mà cái biết ấy là gì ? Thế gian là hình ảnh của Vũ trụ. Trời ngự trị Vũ trụ để giữ trật tự, và con của Trời là vua, làm cái công việc ấy ở thời gian. Đó là kẻ chịu mạng Trời. Khi con người phải chịu dưới quyền chi phối của trời thì cũng phải ở dưới

quyền chi phối của con trời. Còn hằng vạn thứ khác nữa, nhưng ý niệm chớp bu là như thế:

Và quả kẻ sĩ đã làm tròn sứ mạng của họ, từ thời đó đến gần hai ngàn năm sau. Khi chúa Trịnh bị Tây-sơn rượt chạy trốn chết, chúa không tìm một vị tướng nào cả mà chỉ tìm một kẻ sĩ, vì kẻ sĩ là rường cột của quân quyền từ hai ngàn năm rồi, đã chứng tỏ khả năng và tầm lòng, không còn ngờ gì được nữa hết.

Chúng tôi nói rằng nền giáo dục nhà Hán, bên trong có tánh cách vụ lợi. Nhưng không thể chối cãi là nhà Hán có đường hướng và biết sử dụng và lợi dụng đường hướng đó.

Vào giữa đời Hán, đáng lý thì dân chúng phải ủng hộ Vương Mãng là kẻ làm cách mạng xã hội cho họ hưởng, giữa lúc họ cơ cực vì chế độ phong kiến của nhà Hán, thế mà dân chúng lại bỏ rơi Vương Mãng, chính vì họ đã tiếm nhiệm cái ý niệm chịu mạng trời. Nhà Hán đã chịu mạng trời, còn Vương Mãng thì không. Một nền giáo dục có đường hướng, đã cho ta kết quả đúng theo ý muốn của kẻ thiết lập nền giáo dục đó.

Nhưng thật ra, không phải là giản dị như vậy. Cốt yếu là phải biết mình muốn cái gì. Cái đó lại còn khó hơn là thực hiện ý muốn nữa. Có đường hướng là một ý niệm mà ai cũng biết cả, nói ra, nghe như là thừa, nhưng sự thật thì là không thấy các đường hướng ấy bao giờ hết, vì những đường hướng được đưa ra từ ngày ta thu hồi độc lập đến nay, chỉ là văn chương. Ta đã đưa ra những đường nét trừu-tượng

mà không ai biết nó là cái gì hết. Chẳng hạn như «Giáo dục phải mang tính cách Đại chúng — Dân tộc — Giải phóng». Đó là một tiêu ngữ rất giắt gân, nhưng vẫn còn kém tít của các báo hàng ngày nhiều. Nhà làm giáo dục không địch nổi với báo hàng ngày về mặt giắt gân đâu, vì họ là chuyên viên làm sôi động được cả những chuyện vặt vãnh thì nên thiết thực là hơn.

Trong cái tiêu-ngữ gồm ba vế trên đây, tôi chỉ hiểu nổi có một vế, nhưng chưa chắc đã hiểu đúng. Đại chúng là gì? Có lẽ ai cũng có quyền được học và Chính phủ phải có bổn xây cất trường sở và đào tạo các nhà giáo dục cho đủ.

Còn Dân tộc là làm sao? Trước khi có tiêu ngữ ấy, quý vị giáo viên cũng đã dạy học-trò làm văn «Con mèo ăn chuột» chứ đâu có vị nào dạy «Con chuột bị ăn bởi con mèo», về sử thì họ cũng dạy yêu nước, cũng ca ngợi anh-hùng Việt-Nam, còn Toán Lý-Hóa là chuyện quốc tế, không làm sao mà dân tộc được hết.

Dân tộc là nên mở nhiều trường nông nghiệp, hơn là trường kỹ-sư điện chẳng, vì xứ ta là xứ nông nghiệp? Nếu thế thì đáng ngờ. Ngày nay, nước nào cũng có tham vọng kỹ-nghệ hóa cả, đề khỏi lâm vào cảnh của ta là đến những cái bất tốt cũng phải mua bát Nhứt bồn, mua bát Hồng công. Cây kim may áo, ta cũng không chế tạo được thì còn tương lai gì?

Còn giải phóng là làm sao? Tôi thấy ai cũng dạy dân chủ hết, chứ không có ai dạy học-trò nên quay về với chế độ phong kiến ngày xưa. Ai

cũng dạy học-trò nên có óc phê phán, nên ham chuộng tự do, nên tự lực tự cường. Vì thế mà tôi tự hỏi, những người đã đặt ra những tiêu chuẩn quá trừu-tượng và mơ hồ như thế có biết rõ là họ muốn cái gì hay không. Và những người có phận sự thảo chương trình và chỉ đạo tu-thơ sẽ biết rằng họ phải làm việc cách nào để thực hiện được những chính sách na ná như trên kia chăng ?

Đành rằng đó chỉ là tiêu-ngữ chớp bu; ở dưới còn hàng trăm trang về chi tiết nữa. Nhưng tiêu-ngữ chớp bu ấy lại là cốt tủy của chính-sách, mà khi cốt tủy là như thế thì cũng khó biết chứa đựng thật của các chánh sách ấy lắm thay! Chỉ làm văn hóa chứ không có làm giáo-dục, ở đây tôi chỉ đứng ở vị-trí phụ-huynh học sinh để mà trình bày ý-nghĩ mà thôi. Tôi thấy những câu văn làm cô đọng cả một chánh sách mà mơ màng như vậy, có thể do hai nguyên nhơn tạo ra: người thảo chánh sách, không biết rõ mình muốn cái gì, hoặc là họ muốn những cái quá cao xa ở trên sự hiểu biết của người thường, ở trên khả năng thực hiện của cấp thừa hành. Tôi kể như đó là những ao ước lớn của họ, chứ không phải là họ không có những ý muốn rõ-rệt

Nhưng tưởng nên thực tế là hơn, thực hiện cho được những cái mà ta đang cần đây, là tốt lắm rồi, mà ta lại còn đang cần quá nhiều thứ, chỉ e không làm nổi chuyện thường mà thôi, chớ không phải mọi việc đã yên xuôi, chỉ cần chuyển hướng một cái là phép lạ hiện ra ngay đâu. Những chuyện lật vật là đây :

Ta thích lạm phát Cừ hơn Luật, lạm phát được sư hay sản xuất chuyên viên cần thiết cho đời sống mới ? Nói những điều ấy ra có vẻ thấp lè tè không ngoạn mục như là nói «Giáo dục phải mang tánh cách giải phóng con người». Những tiêu đề ngoạn mục rất là giật gân, làm khiếp vía người thường, nhưng nó quá trừu tượng, nhất là những người thực hiện lại không được chỉ thị cho biết cách thức phải lập chương trình và tu thư thế nào để mà «giải phóng con người».

Giải phóng con người thì quá hay, ai cũng thích và không cãi vào đâu được, nhưng bằng cách nào kia chớ. Ta đã có tham vọng lớn hơn nhà Hán nhiều quá. Ý muốn của nhà Hán, chúng tôi không xét coi nó xấu hay tốt, chỉ biết rằng họ muốn một điều rất là rõ ràng và cụ thể. Thế thì tưởng lập chánh sách giáo dục, nên tránh tham vọng lớn, và tránh tất cả mọi danh từ, mọi từ ngữ mơ hồ. Mà ta chỉ tránh được khi nào ta biết rõ ta muốn cái gì.

Chúng tôi thấy người Pháp họ làm việc quá giản dị. Dốt về các nước khác, tôi chỉ lấy Pháp làm tiêu chuẩn. Ở bậc Trung học, họ chia làm hai cấp : sơ trung và cao trung. Con nhà nghèo hoặc trẻ con không có khiếu, họ khuyến khích vào sơ trung hết. Những cậu học sinh đó sẽ không thi Tú tài và học hết sơ trung họ lấy bằng *Brevet d'enseignement primaire supérieur* rồi được lái về hướng chuyên nghiệp. Bọn khác đi luôn Đại-học và các trường chuyên môn Cao đẳng. Chánh sách đó không thấy gì hay cả, nhưng ít ra cũng giúp họ không lạm phát trí

thức thất nghiệp, một mối nguy cho quốc gia Họ không hề nói tới những tánh cách dân tộc, những giải phóng vân vân, nhưng họ đặt sử học và công dân giáo dục ở hàng đầu. Hai môn ấy nhồi vào đầu thanh niên được cái tánh cách dân tộc mà ta nói, nhưng không biết thực hiện cách nào. Còn giải phóng thì họ quan niệm giải phóng bằng toàn thể các môn của chương-trình.

Chương-trình của họ cũng quá hay. Tôi nhớ cách đây nhiều năm, con tôi lên 11 và học lớp Đệ Thất. Chương trình Việt-ngữ ghi là *Luận-văn* (Dissertation) chứ không phải là *Tập làm văn* (Rédaction). Nhưng trẻ con 11 tuổi thì luận được cái gì kia chứ ? Ngày nay tôi đã có cháu ngoại rồi mà tôi luận còn chưa ra hồn thì con nít sẽ viết được mấy dòng, và những dòng ấy có nghĩa gì hay không ? Ai đã là học sinh Trung học tiền chiến đều nhớ rõ rằng thuở đó, ta gần thi Tú tài I rồi mà cứ còn bị tập làm văn, bị bắt phốt văn phạm. Mà đừng tưởng rằng là người Việt-nam, ta tự nhiên mà biết tiếng Việt-nam, không cần tập làm văn.

Một hôm, một bài văn của con tôi đã lọt vào tay tôi. Nó viết văn như thế này : «Con đường bằng đá tổ ong». Câu văn đó không bị bắt phốt, giáo sư chỉ chú-trọng đến cách luận, hoặc cho rằng con tôi viết đúng văn phạm thì không rõ. Tôi hỏi chú bé : «Con đường được cán bằng đá tổ ong hay là bằng xe hủ lô ?» Chú bé bật cười, chợt thấy rằng không phải tự nhiên mà người Việt-nam biết viết tiếng Việt-nam. Tôi hỏi chú bé : «Phải sửa cách nào ?».

Chú bé đáp : «Con đường được cán với đá tổ ong.» Tuy đã khá hơn nhưng người Việt-Nam chỉ nói giản dị là : «Con đường trải đá tổ ong» không có bằng, không có với gì cả. Đó là tai hại của chiến dịch luận văn trong nhiều năm, liền ngay sau khi ta thu hồi độc lập. Nhà nước không đào luyện văn-sĩ, đánh thể, nhưng nhà nước cũng phải đào luyện công bộc chứ. Ngộ như một học sinh đỗ đạt, làm Trưởng ty mà thảo phúc trình gây ngộ nhận nơi thượng cấp thì sao ?

Còn nhớ Tổng Thống Ngô-Đình Diệm đọc diễn văn. Ta nên biết rằng các ông lớn không có thì giờ viết bài đâu. Họ đưa ý cho thuộc cấp viết rồi họ đọc. Không rõ ông công bộc nào đã làm cái công việc ấy, mà trong bài diễn văn nào cũng có «*Nhơn danh Tổng Thống*» cả. Buồn cười nữa là ông Ngô Đình Diệm, vốn là người theo đạo Chúa, thì hẳn ông phải biết «*Nhơn danh*» là cái gì. Thế mà ông cứ đọc «*Nhơn danh Tổng Thống*». Chắc ông đã quên câu : «*Nhơn danh Cha và Con và Thánh Thần, Amen.*»

Nhơn danh Tổng Thống : Au nom du président

Với tư cách Tổng Thống : En qualité de président

Hai từ ngữ ấy khác nhau một trời một vực. Ông, đã là Tổng Thống rồi thì ông còn hơn danh Tổng Thống nào nữa kia chứ. Đó cũng là hậu quả của Luận văn. Nếu ông công bộc ấy mà *Tập làm văn* thay vì *Luận văn* thì ông Ngô Đình Diệm đã khỏi phải làm cho toàn quốc nghe những câu tiếng Việt kỳ dị. Hiện nay, nhiều danh từ hành chánh không được dân-chúng

hiều vì nó bị sáng tác sai. Thí dụ :
Linh động.

Ý của hành chánh là muốn nói :
Assouplir les règlements, nhưng vì sáng tác sai, nó hóa thành *Règlements mouvementés*. Khi dân chúng xin cái gì nghe các ty sở hứa sẽ linh động cho họ, tức sẽ mềm dẻo cho họ, họ lại hoảng hốt vì ai cũng hiểu linh động khác với hành chánh, họ hiểu đúng với tiếng Việt-nam, còn hành chánh thì gán cho «*linh động*» một nghĩa khác hẳn.

Nói về chương trình thì nó ra ngoài đề, chúng tôi biết thế, nhưng cứ nói, vì cái chương-trình đó có dân tộc tính đấy bởi trên thế giới không có quốc gia nào bắt trẻ con 11 tuổi luận hết chỉ trừ ta, Đặc-thù ấy của Việt-nam, xem ra thì có hại hơn là có lợi, thì cái gì riêng của dân tộc không phải luôn luôn là cái tốt, cái hay mà ta phải làm. Và xin trở về với ý muốn của ta. Chánh sách, chính là sự biên ra trên giấy cái ý muốn đó. Chương trình chỉ là thực hiện ý muốn tức chuyện nhỏ. Khi một ý muốn vắng bóng, được che đậy bằng sự mơ hồ, hoặc quá lớn lao, được thể hiện bằng những tiêu-ngữ quá tổng quát và trừu-tượng, thì y như là không có ý muốn nào hết.

Cách đây, mấy năm, tạp chí *Sélection*, chi cục Pháp ngữ, có đăng một bản dịch bài của các nhà giáo dục Huế-kỳ. Họ báo động rằng Nga-sô lái giáo dục về hướng kỹ-thuật và khoa học thuần túy và giới hạn các môn trí thức có tánh cách lợi ích xa xôi. Họ cho biết rằng đường hướng giáo dục mới ấy của Nga-sô đã có kết quả phần nào rồi vì số kỹ sư và thợ

chuyên môn của họ đã đông hơn của Huế-kỳ. Họ kết luận rằng nền giáo dục Huế kỳ cũng nên chuyển hướng như vậy.

Thật là rõ ràng và quá dễ hiểu, không có Dân tộc, Giải phóng gì hết trong đó cả. Cả hai siêu cường đều biết họ muốn cái gì, và nói ra cái ấy một cách mà ai cũng hiểu được ý muốn của họ. Nhứt là ý muốn ấy lại có thể thực hiện được, với phương tiện mà họ đang có, chứ không quá lý-tưởng đề rồi không làm được.

Nhà Hán muốn củng cố quân quyền bằng đạo Nho chứ không phải bằng Cảnh sát. Huế kỳ và Nga-sô muốn chạy đua kỹ nghệ hóa. Ta không nói tới nội dung của ba ý muốn đó mà chỉ nhấn mạnh rằng cả ba đều biết rõ họ muốn cái gì. Ta, ta muốn cái gì qua bao nhiêu tiêu ngữ đã được đưa ra từ ngày ta thu hồi độc lập? Chúng tôi không thấy cái ý muốn đó. Và tưởng ý muốn không nên độc đoán mà cần căn cứ vào thống kê. Hiện ta thiếu cái gì? dư cái gì? Ta có dư được-sư hay không? Hình như là có. Các ông bà được sư trẻ, không dám đi các quận huyện, chen chúc nhau ở Saigon, đôi khi một con phố ngắn có đến ba nhà thuốc Tây, và tất cả đều phàn nàn làm ăn không ra làm sao hết. Như vậy cái phân khoa Dược, được tách riêng ra khỏi phân khoa Y, vì một lý do chánh-trị vào một năm nào đó, có nên đề cho nó tồn tại hay không? Cả nước Pháp cũng chẳng dám mở một phân khoa Dược như ta. Đó là «*dân tộc tính*» của ta đấy. Nhưng rõ lại giúp ta lạm phát chuyên môn của một ngành, trong khi đó, có những ngành

thiếu nhà chuyên môn là ngành Nha khoa chẳng hạn.

Nông sản thứ nhì của VNCH là cao-su. Thái bình trở lại thì các sở cao su sẽ hoạt động tốt. Nhưng ta đã có trường cao đẳng về cao-su hay không, mà lại có phân khoa riêng về Dược? Cả hai đều là chuyên viên nhưng mà cũng phải biết rõ con số đề mà có ý muốn thì giữa chuyên viên và khoa học thuần túy, hoặc những khoa không là khoa học, ta càng cần biết rõ hơn không biết bao nhiêu.

Có ý muốn rõ rệt là điều tối cần. Ý muốn đó phải thực tiễn, ăn khớp với hoàn cảnh nước nhà, lại còn cần hơn. Ai có ý muốn là thành công, ai không có ý muốn sẽ thất bại.

Dưới đây là lời phê bình của ông Churchill, đại khái: «Huê-kỳ đã thua trận, chứ không phải thắng đâu. Hồi đệ nhị thế chiến, Nga xô đòi viện trợ nhà máy, tôi yêu cầu chỉ nên viện trợ vũ-khí và nguyên-liệu thôi. Ông Roosevelt cứ thỏa mãn Nga-sô, hóa ra Nga xô trở thành siêu-cường ngay trong thời chiến với một kỹ-nghệ nặng ra hồn, nhờ những nhà máy của Huê kỳ. Tôi yêu cầu đồ bộ ở Ba-nhĩ-Cán đề ngăn Nga xô chiếm Đông Âu, ông Roosevelt thích đồ bộ ở Pháp hơn mà không có lý do thật vững. Đến lúc hội nghị hòa bình thì mới thấy quá rõ là ông Roosevelt chẳng biết mình muốn cái gì cả. Staline thì biết rất rõ rằng ông ta

muốn làm bá chủ Đông Âu, bám víu vào đó và, được».

Cái muốn của ta cần không trừu tượng và có thể thực hiện được với phương tiện đang có. Chánh sách không phải là cái gì trường cửu ta tha hồ sửa đổi, cải thiện, khi nào phương tiện dồi dào. Như vậy không nên quá lý tưởng, và nhứt là đừng bỏ quên chuyện mà ta cứ tưởng là chuyện nhỏ. Chúng tôi đã thấy Huê kỳ mở lớp huấn luyện thợ điện. Cả thợ điện, ta cũng thiếu. Mà đừng có đồ thừa cho việc nhập ngũ. Các nước khác họ cũng có đánh giặc chứ không phải riêng ta, nhưng việc tổng động viên không hề làm cho ta thiếu thợ điện. Ta thiếu, vì ta có quá ít trường luyện thợ. Ngành Tivi, Radio, Máy nò, đều do tư nhơn mở lớp đào luyện thợ chuyên môn. Nhưng sức của tư nhơn chỉ có hạn, và túi tiền của các học viên càng có hạn hơn.

o
o o

Chánh sách mà chúng tôi nói đến, trong tương lai, là chánh sách của nhà nước, chứ không phải của Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, vì nhà nước quen xem Hội đồng này là Hội đồng tư vấn, mặc dầu theo tinh thần của Hiến pháp thì chánh sách phải là chánh sách của cái cơ quan hiến định đó.



THẦY ĐỒ VÀ TRƯỜNG HỌC

NGÀY xưa học trò tiểu-học bắt đầu học chữ Hán không có trường công như bây giờ. Trong làng chỉ những nhà giàu có mới nuôi thầy đồ dạy con, rồi bà con hàng xóm rủ nhau cho con cháu đến học, mỗi làng có độ 5,6 trường. Thầy đồ là những người từng học kinh sử nhưng chưa đỗ, hoặc cũng có người đã đỗ Tú-tài hay Nhất, Nhị trường ngồi dạy học để tư lương ăn học tiếp tục đi thi. Trung bình mỗi năm nhà chủ trả lương cho thầy đồ 30, 40 quan tiền và may tặng thầy vài chiếc áo dài vải thâm, hoặc áo lương áo the. Học trò ở ngoài đến học, mỗi người một năm trả độ 15 quan tiền. Thầy đồ chỉ nhận dạy từ 7, 8 đến 14, 15 học trò là cùng, nhiều hơn sợ rằng dạy bảo không xuê.

Chỗ dạy học thường là ba gian nhà gỗ, kê một cái giường cho thầy nằm ngủ, một cái sập để tiếp khách, một cái phản để thầy ngồi chấm bài vở và giảng nghĩa sách cho học trò. Còn học trò lớn nhỏ khi học cũng như khi viết đều ngồi chiếu giải dưới đất. Lệ đi thi không hạn tuổi, nên học trò dù bao nhiêu tuổi cũng vẫn học được, nhiều người 30, 40 tuổi mới học vỡ lòng.

Ngày khai trường, chủ nhà làm lễ xôi gà hoặc xôi lợn, rượu và hương nến đặt lên yên thờ lễ Thánh, gọi là lễ *khai-tâm*¹. Thầy đồ chít khăn, mặc áo dài vào khăn, kế tiếp là chủ nhà cùng các học trò vào lễ. Bê lễ xuống, học trò được chia nhau ăn mắt gà, mắt lợn, ngụ ý mong cho tâm trí thông minh.

Thầy đồ viết vào sách mỗi trò hai câu cho học vỡ lòng :

Thiên tích thông minh,	天賜聰明
Thánh phù công dụng. ²	聖扶功用

Hôm sau thầy viết cho học tiếp 8 câu :

Thượng đại nhân,	上大 人
Khổng ất kỷ,	孔乙 己
Hóa tam thiên,	化三 千
Thất thập sĩ,	七十 士
Nhĩ tiểu sinh,	尔小 生

1. Lễ học vỡ lòng.

2. Trời cho thông minh, Thánh giúp cho nên công dụng.

Bút cầm tử,
Giới tác nhân,
Khả tri lễ dã.¹

八 九 子
皆 作 仁
可 知 禮 也.

Học trò đã học thuộc lòng những câu trên, thầy đồ mới bắt đầu dạy vào các sách *Tam-tự-kinh*, *Khải-dồng thuyết-ước*, *Thiên-Nam tứ-tự-kinh*, *Trạng-nguyên ngũ-ngôn-thi*, *Minh-dạo*, *Dương-tiết*, *Hiếu-kinh*, v.v...

Dạy viết chữ, thoát tiên thầy cầm tay trò lấy que thấm nước viết những chữ ít nét vào tấm ván gỗ cho quen tay. Dần dần thầy viết bút son cho trò tô mực lên trên, rồi thầy viết phóng luồn vào giữa hai tờ giấy trong tập vở, trò cứ viết theo bóng chữ của thầy ở trong phóng. Sau đến viết buông: trò trông vào chữ trong sách in tự ý viết buông ra. Khi viết buông đã giỏi mới tập viết ám-tả, tức là viết lại những bài học hôm trước, cho khỏi quên mặt chữ. Mỗi lần tập viết xong, trò nộp vở cho thầy chấm. Chữ nào viết đẹp thầy khuyên tròn bằng bút son vào mặt chữ, chữ nào viết xấu thầy sỏ vào giữa chữ.

Sách in chữ Hán không có dấu chấm, dấu phẩy (chấm câu), lại không có chữ hoa, nên học trò tập đọc rất khó khăn. Để giúp cho học trò phân biệt tên người, tên đất, ngắt câu, ngắt đoạn, thầy đồ dùng cách chấm vào sách. Thí dụ: gặp tên người như Phạm-ngũ-Lão, thầy lấy bút son khuyên nhỏ vào phía tay mặt chữ, trò đọc là ông; tên người như Nguyễn-bá-Linh, thầy chấm son nhỏ vào kẽ ba chữ giáp nhau, trò đọc là người; tên đất như Nam-định, Hà-nội, tên triều đại như Lê, Nguyễn, Tây-Sơn, thầy sỏ son nhỏ vào phía tay mặt chữ, trò đọc là tỉnh Nam-định, tỉnh Hà-nội, nhà Lê, nhà Nguyễn, nhà Tây-Sơn; chấm son một nét là hết câu; chấm mất ngỗng là hết đoạn.

Hàng ngày mới 5 giờ sáng nghe tiếng gà gáy, thầy đã chít khăn, mặc áo dài chỉnh tề, đánh thức học trò dậy học bài. Học thuộc bài tối hôm trước xong, thầy giảng nghĩa bài buổi chiều. Đến 10 giờ nghỉ ăn cơm sáng. Buổi trưa viết tập hoặc làm đối, làm luận. Buổi chiều học từ 1 giờ đến 4 giờ, rồi nghỉ ăn cơm chiều. Ăn xong thầy ngồi trên phản, học trò ngồi chung quanh dưới chiếu. Thầy giảng đạo đức, luân lý và kể truyện

1. Kính đáng đại-nhân, một mình Không này, dạy 3 nghìn học trò, trong ấy có 70 người đệ vào hàng kẻ sĩ. Còn những lớp trò nhỏ, mỗi lớp độ 8, 9 đứa, chúng cùng ưa làm điều nhân, khá gọi là biết lễ vậy.

Sách Ôi-dam của Chúc-đoãn-Minh cắt nghĩa như trên và giải thích: Tám câu đó nguyên của đức Không-Tử khi ngồi dạy học gửi cho bậc tôn-trưởng. Người sau thấy trong cả 8 câu đều có những chữ ít nét, bèn lấy dạy học trò mới khai-tâm cho dễ nhận mặt chữ.

Vì thế các bản sách in của ta và Trung-Hoa cùng viết chữ Nhị chữ Lê đơn cho ít nét. Đầu câu thứ hai, chữ Không có bản đôi là Thánh, cũng viết chữ Thánh đơn cho ít nét.

cổ tích những vị anh-hùng, hào-khiet cứu dân giúp nước cho học trò nghe. Buổi tối học từ chập tối đến 10 giờ đêm mới đi ngủ. Cứ 10 ngày là một kỳ, học trò phải học ôn lại các bài cũ.

Việc dạy học trước hết chú trọng tới luân lý, theo nguyên tắc : «*liên học lễ, hậu học văn*», nghĩa là trước học lễ-phép sau mới đến văn-tự. Đối với thầy, trò phải vâng lời, nói năng thưa gửi, gọi dạ bảo vâng, chăm học không được lười biếng. Đối với cha mẹ phải quý mến, lúc nào cũng vui vẻ, không bao giờ tỏ ra trái ý. Đối với bậc tôn-trưởng phải kính trọng, ra đường gặp chấp tay chào hỏi, nhường người đi trước. Đối với kẻ tàn tật, hoạn nạn, phải hết lòng giúp đỡ. Cần phải trọng tín nghĩa, có khí tiết, biết coi thường tiền của và sự công-danh đặc thất. Những người đã cho con đi học là giao hết trách nhiệm cho thầy : con có lỗi thưa với thầy trừng phạt ; cha mẹ tự tiện đánh mắng là vô lễ với thầy.

Trò nào tính hư nết xấu, hoặc lười biếng không học thuộc bài, bị thầy giam cơm không cho ăn, hay nọc ra đánh bằng roi mây. Viết xấu thầy lấy roi ghè vào tay ; viết trái cựa¹ lấy son khuyên vào miệng, gọi là vòng-mép, suốt ngày không cho rửa đi.

Học trò quanh năm lúc nào cũng chăm chỉ học hành. Mỗi năm được nghỉ học vào dịp Tết, vào những ngày thầy đồ có giỗ và hai vụ gặt lúa, nhà chủ bận việc gặt hái vào khoảng 10 ngày.

Khi học trò đã viết buông thạo và học qua những sách kê trên, bấy giờ mới học đến *Tứ-thư*, *Ngũ-kinh*, *Tam-truyện*, *Bắc-sử* và *Nam-sử*. Muốn mở rộng kiến thức, còn phải học thêm những sách nói về đạo Phật, đạo Lão, triết-lý, thiên-văn, mưu-lược chiến-trận ; phải xem những tiểu-thuyết có giá trị của Trung-Hoa như *Đông-Chu liệt-quốc*, *Tây-Hán-chí*, *Tam-quốc-chí*, *Tùy-Đường*, *Tây-du*, *Thủy-hử* v... v...

Các sách *Tứ-thư*, *Ngũ-kinh*, *Tam-truyện*, *Bắc-sử* gọi chung là *Nội-thư*. Các sách nói về đạo Phật, đạo Lão, triết-lý, thiên-văn mưu-lược, chiến-trận, *Chư-tử*, *Liệt-truyện* và tiểu thuyết, gọi chung là *Ngoại-thư*, có nhiều khoa thi Hội đầu bài hỏi ở *Ngoại thư*, nếu không học thì không trả lời được.

Về cách làm bài, trước hết học trò tập làm những câu đối ngắn, 5 hoặc 7 chữ, rồi làm câu đối dài 12, 18 chữ hoặc hơn 20 chữ. Sau tới làm luận, làm thơ, làm phú, kinh-nghĩa, văn-sách, tứ-lục là các lối đề đi thi.

Thí dụ : chữ Minh 明, ghép bởi chữ Nhật 日 ở bên trái và chữ Nguyệt ở bên phải, nếu viết Nguyệt ở bên trái, Nhật ở bên phải là trái cựa.

Đã qua lớp kể trên, học trò mới từ già thầy đồ đến tập văn bài và nghe giảng sách ở các trường của các ông Nghè, ông Bảng là những bậc cao. Khoa hưu-chỉ về mở trường chuyên dạy lên đại-học. Hoặc lên huyện, lên tỉnh vào tập trường các quan Huấn-đạo, Giáo-thụ, Đốc-học là những Học-quan trông coi việc học tại các huyện, phủ, tỉnh.

Trường các ông Nghè, ông Bảng, Huấn-đạo, Giáo-thụ, Đốc-học, mỗi tháng một kỳ nhận cho học trò tập làm văn bài một lần. Học trò đến trường chép đầu bài đem về nhà mà làm, rồi đưa lên cho những viên ấy chấm, quyền nào bị phê "*Liệt*" thì trả lại, quyền nào văn hay được phê "*Uu*" hay "*Bình*", thì đem ra bình cho mọi người nghe. Những học trò quyền được phê *Uu*, *Bình* là có hi vọng thi đỗ trong kỳ thi sắp tới.

HỌC TRÒ ĐỐI VỚI THẦY.

Ngày xưa học trò đối với thầy đồ, hoặc ông Nghè, ông Bảng, Huấn-đạo, Giáo-thụ, Đốc-học mà đã dạy qua mình học đều phải giữ lễ sư đệ. Bất kỳ học nhiều hay học ít, học khai-tâm hay học lớp đại-học cũng coi như nhau cùng thờ làm thầy, kính trọng như cha mẹ. Thầy có việc vui hay việc buồn, học trò bảo nhau đến phục dịch; ngày Tết đến bái-niên (mừng tuổi); ngày giỗ đến lễ từ-đường; đi thi đỗ đến bái-môn.

Lễ bái-môn rất long trọng và vinh dự cho thầy đồ. Học trò thi đỗ về vinh quy xong, đến nhà thầy làm lễ bái-môn, lễ có 4 bình trà, 2 chai rượu, 1 buồng cau, 2 bánh pháo. Nếu thầy là người làng khác, thì hương lý làng ấy phải đem cơ trống nhả nhạc ra đầu làng đón ông tân-khoa về bái-môn thầy.

Đến nhà thầy ông tân-khoa cho đặt lễ vào mâm sơn đen lên lễ từ-đường. Rồi thầy ngồi trên giường giải chiếu cạp điều, dưới đất giải chiếu cạp xanh, cô kê ghế ngồi xa ra ở bên tay phải, anh em họ hàng nhà thầy cùng học trò đứng hai bên. Ông tân-khoa kính cẩn bước vào chiếu lạy 4 lạy tạ ơn thầy dạy bảo, (khi làm lễ cô đứng dậy lui vào trong nhà). Thầy chỉ là ông đồ, mà học trò đỗ đến Hoàng-giáp Tiến-sĩ vẫn theo lệ ấy.

Học trò đi thi Hội thi Hương đỗ, cho người nhà đến trình trước đề thầy biết, dự bị lên tỉnh cùng về vinh-quy. Hôm rước vinh-quy thầy đi trước rồi mới đến cha mẹ.

Học trò cùng một lớp học với nhau gọi là Đồng-môn. Trong đồng-môn họp lại bầu một người làm Trưởng-tràng để báo cho nhau biết những việc thầy cần thiết và thu tiền các học trò đóng góp. Mọi người tiếp được giấy đặt của viên Trưởng-tràng đều tuân theo răm rắp. Ví dụ thầy tuổi già, đồng-môn phải lo sắm sẵn một cỗ thọ-đường (áo quan) thầy nghèo phải đóng góp tiền làm nhà từ-đường để sau thờ cúng, thầy chết phải chung

nhau lo việc ma chay và khăn trắng áo trắng đi đưa đám. Những món tiền này tuy không vào luật phép bó buộc, nhưng lại nặng hơn sưu thuế của chính-phủ, kẻ nào chây lười khiếm khuyết sẽ bị người đời chê là bất nghĩa không ai đếm xỉa đến nữa.

Con trai thầy, học trò gọi là thế-huỳnh, nghĩa là coi như anh mình. Vì thế lúc ấy mới có những câu phương-gôn :

Không thầy đố mày làm nên. Kính thầy mới được làm thầy v...v...

Muốn biết học trò ngày xưa kính trọng thầy thế nào, xem những truyện sau đây sẽ rõ :

— CHU-VĂN-AN quê làng Quang-liệt, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-dồng, tính điềm đạm không ham danh lợi, chỉ cốt làm sao tỏ được đạo học của thánh hiền. Năm Hưng-Long thứ 12 (1304) đời Trần Anh-Tông, ông đi thi đỗ Thái-học-sinh, làm quan Quốc-tử-giám Tư-nghiệp trông coi việc học trong nước.

Ông dạy học thường khuyên học trò muốn thành người ích lợi cho nước nhà phải giữ lấy : trung, tín, dốc, kính, lễ, nghĩa, liêm, sĩ làm đầu. Trong đám môn-sinh có nhiều người hiền đạt, như *Phạm-sur-Mạnh*, *Nguyễn-trung-Ngạn*, *Lê-Quải* đã làm đến Tề-tướng hoặc Hành-khiển mà khi đến hầu thầy vẫn giữ lễ phép, chấp tay đứng ở dưới thềm như lúc còn là học trò. Ai có điều gì lầm lỗi, bị ông quở mắng đuổi ra thì lấy làm xấu hổ.

Làm quan được mấy năm, ông xin cáo về làng Ái-kiệt, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-duong mở trường dạy học. Sĩ tử các nơi nghe tiếng đến học rất đông.

Năm Đại-Trị (1358 - 1369) đời Dụ-Tông, vua muốn dùng ông làm Tề-tướng, sai sứ-giả về triệu. Ông nhất định từ chối không đi.

Bà Hữu-Từ Thái-hậu nói với vua :

“Người ấy là bậc đại-hiền, thiên-tử không có quyền bắt làm bầy tôi, giao thế nào được chính sự cho người ấy.”

Vua sai mang lễ vật đến ban cho. Ông nhận lấy nhưng lại đem cho người khác, thiên hạ ai biết truyện cũng khen là cao-khiết.

Đời vua Nghệ-Tông (1370 - 1372) ông bị bệnh mắt. Học trò bảo nhau lập đền thờ ở làng Ái-Kiệt, nơi sinh-thời ông mở trường dạy học.

Vua Nghệ-Tông sai quan đến dụ-tế, ban tên thụy là Văn-Trinh cho tòng tự vào nhà Văn-miếu (miếu thờ đức Khổng-Tử) ngang hàng với các bậc Tiên-nho.

— PHẠM-TỬ-HƯ quê làng Nghĩa-lư, huyện Cầm-giảng, tỉnh Hải-dương là học trò Dương-Trạm. Khi Dương-Trạm mất Phạm-tử-Hư làm nhà bên mộ, ở trông coi phần mộ suốt ba năm, mãi tang thầy mới trở về nhà.

Đến khoa tân-dậu (1381) năm Xương-Phù thứ 5 đời Trần-đế-Nghiễn Phạm-tử-Hư đi thi đỗ Thái-học-sinh.

— NGUYỄN-BẢO quê làng Cồ-lai, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình. Năm Hồng-Đức thứ 3 (1472) đời Lê-thành-Tổng đi thi Hội đỗ Tiến-sĩ làm quan Thuyết-thư viện Kinh-diên, dạy Thái-tử học. Ông học văn yuyên bác, điển cố tinh vi, tính tình hòa nhã nên Thái-tử rất kính trọng.

Năm Hồng-Đức thứ 28 (1497) Thành-Tông mất, thái-tử lên nối ngôi, tức là vua Hiến-Tông. Ông được thăng Lễ-bộ Thượng-thư, kiêm trông coi văn-thư ở Đông-các và giảng-nghĩa Ngũ-kinh, Tứ-thư, Sử-ký ở nhà Quốc-tử-giám.

Mỗi khi Hiến-Tông ngự ra nghe giảng nghĩa kinh sử, vẫn giữ lễ học trò đối với thầy. Vua cùng các quan và sinh-viên ngồi nghe giảng chăm chú, tỏ vẻ kính cần.

Vua kêu ông bằng tiên-sinh, không bao giờ gọi tên tục. Những khi giao thiệp với nhà Minh, đối phó với Chiêm-Thành, Ngưu-Hống (Ai-Lao) gặp việc khó khăn, vua triệu ông vào bàn. Ông giải quyết mau lẹ êm đẹp, không động đến binh đao, mà nước lớn phải kính nể, nước nhỏ phải kiêng sợ. Vua khen ông thật xứng đáng vị Quốc-sư, lương-thần đời thịnh trị và tặng ông bài thơ, trong có câu :

Mưu quốc mỗi như Đường Lý-Bật,¹

謀國每如唐李泌

Giảng kinh hoàn tự Hán Hoàn-Vinh.²

講經還似漢桓榮

1. Lý-quang-Bật quê ở Liễu-thành, tính nghiêm nghị, quả quyết, có mưu lược. Đời Đường Huyền-Tông, làm chức Tả-vệ Trung-lang-tướng. Vua Túc-Tông lên ngôi, thăng lên Tiết-độ-sứ Lương-tây, Quang-Bật dụng binh, trước định mưu kế, sau mới đánh nhau, thường lấy ít quân mà thắng nhiều quân. Có công dẹp giặc An-lặc-Son và Sử-tư-Minh, cùng với Quách-tử-Nghĩ chiến-công đứng vào hàng thứ nhất, đương thời tôn là Lý Quách. Đời vua Đại-Tông ra trấn phương Bắc, chống nhau với Hung-Nô, dinh trại nghiêm chỉnh, khí giới tinh vi, khiến cho Hung-Nô sợ uy thế Trung-quốc. Sau về triều giữ chức Thiên-hạ Đồ-nguyên-sứ, tiến phong Hoài-lâm-vương. Khi mất vua ban Thụy là Vũ-Mục.

2. Hoàn-Vinh quê ở Long-cương, đời vua Hán Quang-Vũ làm chức Nghị-lang, rồi thăng Bác-sĩ dạy Thái-tử học. Vua cùng các quan đến nhà Bích-ung và nhà Minh-dưỡng nghe Hoàn-Vinh giảng nghĩa kinh sử, ý sâu rộng, nghĩa cao xa đều phục là bác học. Vua thăng lên Thái-phó, ban cho mũ áo, xe ngựa, vàng bạc. Hoàn-Vinh hội họp sinh-viên lại, chỉ vào những thứ vua ban mà nói : ‘Vua ban ân hậu thế này, là thưởng cho ta cái công khảo cứu sách vở cũ kim’. Nói xong đem vàng bạc chia đều cho các sinh-viên. Khi Quang-Vũ mất, Thái-tử lên nối ngôi tức là vua Minh-Đế, đối với Hoàn-Vinh vẫn giữ lễ thầy trò, phong làm Quan-nội-hầu.

(Mưu tính việc nước như Lý-Bật đời Đường,

Giảng nghĩa kinh sách như Hoàn-Vĩnh đời Hán.)

— LÊ THỜI-HIỂN quê làng Phú-hào, huyện Lôi-dương, tỉnh Thanh-hóa là học trò của Hương-cống Lê-văn-Hiến.

Năm Thịnh-Đức thứ 3 (1655) đời Lê-thần-Tông, Lê-văn-Hiến làm Tham-tướng đem quân vào Nam đánh châu Bố-chính, bị tướng chúa Nguyễn là Nguyễn-hữu-Dật dùng phục binh đánh thua, thất-thủ dinh Hà-trung. Lê-văn-Hiến chạy về Thanh-hóa. Triều-dinh luận tội, bắt Lê-văn-Hiến giam vào ngục.

Khi ấy Lê-thời-Hiến làm Đốc trấn Nghệ-an, được lệnh đem quân đi đánh báo thù. Thời Hiến dâng thư về Thăng-long xin đem hết tài sản và quan chức của mình để chuộc tội cho thầy, chỉ xin làm một tên lính cầm cờ đầu đi tiền quân hiệu-lực.

Chúa Trịnh-Tráng xem thư, thấy lời lẽ khản thiết, khen là nghĩa khí, liền tha tội cho Lê-văn-Hiến và dục Thời Hiến phát-binh.

Thời-Hiến kéo quân đến Linh-giang đóng lại, sai người cầm hịch vào Hà-trung, lấy uy đức của vua Lê phủ dụ tướng sĩ trong Nam.

Bấy giờ Đào-duy-Từ làm tướng giữ Hà-trung, trước là bạn thân của Lê-thời-Hiến, từng nhờ Thời-Hiến giúp đỡ. Nay tiếp được tờ hịch, Đào-duy-Từ nói với tướng sĩ :

«Lê-công và ân-nhân của ta, nay làm Tướng phương Bắc, vậy ta hãy tạm lui binh, nhường Lê-công một chuyển công đầu, để cho ân tình trước sau trọn vẹn.»

Nói xong, truyền lệnh thu quân rút hết về Nam và đưa thư xin trả lại những đất đã chiếm được của nhà Lê.

Lê-thời-Hiến xem thư xiết bao mừng rỡ, biết ý bạn muốn nhường công cho mình. Bèn sai người vào thu những đất đai Tướng Nam trả lại, rồi dâng thư về Thăng-long xin cho Nam Bắc giải binh.

Vua chúa bằng lòng ban chiếu khen lao, phong Lê-thời-Hiến làm Thái-úy, Hào-quan-công và phục chức cho Lê-văn-Hiến, từ đấy hai bên thông hiếu, trăm họ yên nghiệp làm ăn. Đường thời khen Lê-thời-Hiến vì có nghĩa với thầy, nên trời đền cho thành công dễ dãi, không mất một mũi tên mà thu phục được đất Hà-trung, uy danh lừng lẫy.



GIÁO-DỤC Ở TRUNG-CỘNG

VẤN-đề giáo-dục là vấn-đề quan-trọng hàng đầu của Trung-Cộng hiện nay. Trên bình-diện chính-trị, cuộc cách-mạng văn-hóa mà Trung-Cộng đang thực-hiện đã làm cho cả thế-giới phải chú-ý. Dưới đây cuộc cách-mạng văn-hóa ấy, là công-cuộc giáo-dục, đặc-biệt là việc giáo-dục thanh, thiếu-niên tại học-đường, vẫn được âm-thầm, nỗ-lực thực-hiện không ngừng, với một hệ-thống duy-nhất và những phương-pháp quy-cú.

Dân-số Trung-Cộng quá đông, tài-nguyên thiên-nhiên chưa được khai-thác triệt-đề. Chúng ta biết hiện nay Trung-Cộng có ít ra là hai trăm triệu thanh, thiếu-niên theo học ở tiểu-học và trung-học. Việc đầu-tư vào một tài-nguyên nhân-sự trọng-hệ như thế cho ta thấy rõ tầm quan-trọng của vấn-đề giáo-dục như thế nào, đối với một tương-lai không xa của Trung-Cộng.

Trước hết, hãy tìm hiểu cứu-cánh giáo-dục của Trung-Cộng.

Cứu-cánh giáo-dục: Tại những nước tự-do, giáo-dục là giúp-đỡ cá-nhân phát-triển những khả-năng, ngõ hầu cá-nhân có thể góp phần hữu-hiệu của mình trong vai-trò xây-dựng về mọi phương-diện kinh-tế, xã-hội,

chính-trị v.v... đối với cộng-đồng. Như vậy, trước hết giáo-dục nhằm vào cá-nhân, xây-dựng, rèn-luyện, đào-tạo cá-nhân. Nói khác đi: một nền giáo-dục tự-do là một nền giáo-dục thiên về cá-nhân chủ-nghĩa.

Ở Trung-Cộng cũng như ở những nước cộng-sản khác, giáo-dục không được quan-niệm như vậy. Giáo-dục cá-nhân, vì cá-nhân, theo Cộng-sản, chỉ là một quan-niệm tư-sản lệch-lạc, thiếu lãnh-đạo, thiếu kỷ-luật.

Người cộng-sản chỉ công-nhận hai cứu-cánh mà họ coi là «cứu-cánh đáng kể» của giáo-dục. Đó là giáo-dục để tham-dự cuộc đấu-tranh giai-cấp và giáo-dục để tham-gia sản-xuất.

I. Giáo-dục để đấu-tranh giai-cấp: Theo sử-quan cộng-sản, thực-chất của đời sống chính-trị là đấu-tranh giai-cấp. Giáo-dục không thể tách khỏi đời sống chính-trị, do đó giáo-dục là để đấu-tranh giai-cấp. Trong Hội-Nghị Giáo-dục thứ nhất của Liên-Bang Sô-Viêt, Lê-Nin đã nói: «Trong việc giáo-dục, mục-đích chúng ta là chiến-đấu chống giai-cấp tư-bản, lật đổ nó. Chúng tôi tuyên-bố rằng giáo-dục tách rời đời-sống và chính-trị là sai lầm và đạo-đức giả.»

(Lenin, *Selected Works*, tập 20, in lần 3, 1935, tr. 305)

Tại Trung-Cộng, ý-thức đấu-tranh giai-cấp được cổ-xúy, nuôi-dưỡng và thường-xuyên phát-động trong mọi học-cấp. Nhà trường có nhiệm-vụ gột rửa cho học-sinh, sinh-viên sạch hết những tư-tưởng «tư-sản» và «tư-bản»; đồng-thời gây cho họ ý-thức đấu-tranh giai-cấp, căm-thù tư-bản. Sau đây là một tỷ-dụ mà *William Bonto* đã kể lại trong tạp-chí *Saturday Review*, về một đề toán-đố ở Trung-cộng :

«Tại Mỹ, số nhân-dân chết-đói-dở nhiều gấp hai số người thất-nghiệp, và kém số nhân-dân sống chen-chúc trong khu «nhà ổ-chuột» là 5 triệu người. Nếu số nhân-dân sống trong khu ổ chuột là 23 triệu, thì số người thất-nghiệp tại Mỹ là bao nhiêu?».

2. **Giáo-dục để tham-gia sản-xuất** : Giáo-dục nhằm đào-tạo những tài-năng chuyên-môn nhất-định cần-thiết cho công-tác sản-xuất, đi vào chiều sâu, không cần chiều rộng.

Hai cứu-cánh trên của giáo-dục được thể-hiện trong một khẩu-hiệu rất phổ-thông tại Trung-cộng như sau : «Vừa Đỏ vừa chuyên-viên». Đỏ nghĩa là phải cộng-sản, phải có lập-trường đấu-tranh giai-cấp. Chuyên-viên nghĩa là phải có tài, có khả-năng chuyên-môn. Đỏ đi trước chuyên-viên. Năm 1959, Bộ-trưởng Giáo-dục Trung-cộng đã tuyên-bố rõ-rệt rằng : « Nhiệm - vụ chính - trị của Đảng và việc giáo-huấn theo chủ-nghĩa Mác-Lê là linh-hồn của giáo - dục.» Tùy theo những áp-lực chính-trị và những điều-kiện hoàn cảnh thay-đổi, giáo-

dục cũng có những chiều - hướng thích-hợp.

Ti-dụ, vào năm 1958 khi có phong-trào của giới trí-thức và sinh-viên nổi lên đòi hỏi dân-chủ và chỉ-trích chính-sách chỉ-đạo độc-tài của chế-độ thì Đảng phản-ứng lại bằng cách khẳng-định và nhấn mạnh rằng nếu không có nhân-sinh-quan «Đỏ» thì không thể nào góp phần xây-dựng xã-hội được. Kiến-thức chuyên-môn nếu không đi kèm với lập-trường chính-trị trung-thành với Đảng thì chưa đủ. Chuyên-môn phải có chính-trị đi kèm và lãnh-đạo.

Nhưng tới giữa năm 1961, dưới sự chỉ-đạo của chính-trị, trình-độ chuyên môn cũng như trình-độ học-vấn tại học đường sút-giảm trầm-trọng. Vì vậy, nguyên-tắc chính-trị chỉ-đạo chuyên-môn phải thay-đổi. Chuyên-môn trở thành quan-trọng hơn, giữ địa-vị ưu-thế hơn trong giáo-dục.

Sự thay đổi trên không được lâu, đến mùa xuân năm 1963, đôn cân chính-trị/chuyên-môn lại nghiêng về phía chính-trị, và chính-trị lại lấn-át chuyên-môn.

Qua những năm 1964, 1965 đến nay, Đảng nhấn mạnh đến việc huấn-luyện thanh, thiếu-niên trở thành lực-lượng tiên-phong, trung-thành, hăng-say ủng-hộ đường-lối cách-mạng của nhà nước Bắc-Kinh. Trong tờ *Nhân-Dân Nhật-Báo* số ra ngày 13 tháng 6, năm 1966, có bài nói đến cuộc cách-mạng giáo-dục như là một phần của cuộc cách-mạng văn-hóa vĩ-đại đang diễn ra hiện nay tại Trung-

Cộng, và đặc-biệt nhấn mạnh đến mục-tiêu chính-trị của giáo-dục.

Sự tương-tranh giữa chính-trị và chuyên-môn đã diễn ra không ngừng, hoặc âm-thầm hoặc sôi-nổi. Nói chung thì chính-trị bao-giờ cũng đóng vai trò chủ-yếu.

Trên đây là hai cứu-cánh căn-bản của giáo-dục theo quan-điểm cộng-sản. Từ những cứu-cánh ấy, Trung-Cộng đã đề ra ba nguyên-tắc giáo-dục chính-yếu sau đây :

Nguyên-tắc thứ nhất : GIÁO-DỤC PHẢI PHỤC-VỤ QUYỀN-LỢI CHÍNH-TRỊ CỦA GIAI-CẤP VÔ-SẢN.

Quyền-lợi chính-trị của giai-cấp vô-sản do ai quy-định ? Quyền-lợi ấy là gì ? thế nào ? thật cũng khó xác-định. Chỉ có Đảng là đầy-đủ thẩm-quyền quy-định những quyền-lợi ấy. Đảng kiểm-soát bộ máy nhà nước. Vậy phục-vụ quyền-lợi chính trị của giai-cấp vô-sản có nghĩa là phục-vụ quyền-lợi quốc-gia theo quan-niệm, lẽ-lối, cách-thức của Đảng Cộng-Sản.

Tuần báo *Time* số ra ngày 1 tháng 11, 1968 trong mục Âm-nhạc, đã nói tới cuộc cách-mạng sân-khấu do *Giang-Thanh*, vợ *Mao-trạch-Đông*, khởi-xướng. Theo tuần báo trên, từ năm 1966 trở về trước, đàn dương-cầm (piano) bị kết tội là nhạc-khí của "tội quý-phái tư-sản duy-tâm" và trên sân-khấu Trung-Cộng, dàn nhạc Hồng-quân Trung-Quốc chỉ xử-dụng những loại đàn gió và đàn giây khác thôi (ngoại-trừ đàn dương-cầm). Nhưng Bà *Mao-trạch-Đông* đã làm một

cuộc cách-mạng văn-hóa trên sân-khấu. Bà không đưa dàn nhạc Hồng-quân lên sân-khấu nữa. Trong vở «*Cây Đèn Đỏ*», các ca-sĩ đã diễn xuất vở hát với sự phụ-họa của chiếc đàn dương-cầm độc-nhất được đưa lên sân-khấu trước hàng ngàn cặp mắt khán-giả. Và dương-cầm không còn bị coi là sản-phẩm của tội quý-phái tư-sản duy-tâm nữa; trái lại đã được xưng-tụng là một sáng-tác của «nhân-dân lao-động».

Nguyên-tắc thứ hai : GIÁO-DỤC PHẢI CHỊU SỰ LÃNH-ĐẠO CỦA ĐẢNG.

Theo nguyên-tắc này, các đảng-viên cộng-sản trực-tiếp kiểm-soát và điều-khiển công-việc giáo-dục, các nhà giáo chuyên-nghiệp chỉ thừa-hành.

Nguyên-tắc thứ ba : GIÁO-DỤC PHẢI PHỐI-HỢP VỚI LAO-ĐỘNG SẢN-SUẤT.

Trước năm 1958, nguyên-tắc này vẫn được nói tới trong chính-sách giáo-dục, nhưng từ năm 1958, nguyên-tắc ấy đã trở thành đường-lối căn-bản chỉ-đạo và chuyển hướng cả hệ-thống giáo-dục Trung-cộng.

Lý-do sự chuyển-hướng này cũng dễ hiểu. Nhà nước cần đến sự tham-gia toàn-diện và tích-cực của mọi giới vào công-cuộc sản-xuất để thực hiện chính-sách nhảy vọt. Hơn nữa, vào năm 1958, nhà nước không có đủ ngân-sách để tài-trợ dự-án phát-triển giáo-dục, do đó phải trông đợi ở sức sản-xuất của thanh-niên học-đường để đỡ phần nào gánh nặng tài-chính.

Ngoài ra, lý-do ý-thức-hệ cũng quan-trọng không kém. Trước hết cần phải đá-phá truyền-thống của trí-thức Trung-quốc không chịu lao-động tay-chân. Thái-độ này là một đặc-điểm chung của giới trí-thức tại Á-Đông, đặc-biệt là tại Trung-cộng, quê-hương của Khổng-giáo, thái-độ ấy rất mạnh. Để tiến lên thực-hiện xã-hội chủ-nghĩa, cần phải xóa bỏ sự phân chia, kỳ-thị giữa lao-động chân-tay và lao-động trí-óc.

Hơn nữa, bất trí-thức tham gia lao-động còn là nối liền thực-hành và lý-thuyết. Người Trung-Hoa vẫn tin rằng những lý-thuyết có giá-trị đều xuất-phát từ thực-hành. Họ cho rằng lẽ lối giáo-dục của Tây-phương đã cô-lập lý-thuyết, tách lý-thuyết khỏi thực-hành.

Trên đây là lược-thuật những nguyên-tắc chính của nền giáo-dục Trung-cộng. Ngoài những nguyên-tắc ấy, còn có những ý-hướng giáo-dục khác mà cộng-sản chăm lo theo-đuổi thực-hiện, xin đề cập dưới đây :

I. Việc đào-tạo một lớp trí-thức thuộc giai-cấp công-nhân. Đồng-thời với việc này, chính-sách của Đảng nhằm «vô-sản-hóa trí-thức», giác-ngộ cho giới trí-thức để giới này ý-thức được vai trò quan-trọng của lao-động.

Vì đa-số trí-thức thuộc thành phần tư-sản, bị coi là hay lừng-chừng, nên Đảng cố-gắng nâng-đỡ những học-sinh thuộc thành phần công-nông, đưa họ lên học bậc trung-học, đại-học và luôn luôn dành mọi dễ-dàng, ưu-tiên cho họ trong việc nhập học.

2. Chính-sách «đi bộ trên hai chân». Đó là một chính-sách được áp dụng tất cả những phương-pháp giáo-dục và những cơ-sở giáo-dục cho một công-tác đặc-biệt. Tỉ-như xử-dụng các trường ốc cho những nhu-cầu khác ngoài việc giáo-dục; tổ-chức việc quản-trị các trường học, hoặc do công-xã, hoặc do xí-điền, hoặc do nhà nước quản-trị; thay thế những học-viện nông cốt có trình-độ và phẩm-chất cao bằng những học viện trình-độ và phẩm-chất thấp hơn.

CHƯƠNG-TRÌNH VÀ TỔ-CHỨC GIÁO-DỤC :

Tại Trung-Quốc, từ năm 1920, các cố-vấn Tây - phương đã giúp người Trung-Hoa thiết lập một hệ-thống giáo-dục tiểu-học và trung-học giống như hệ-thống giáo-dục Tây-phương. Từ khi Đảng Cộng-sản nắm chính - quyền, cơ-cấu tiểu-học và trung-học nói chung vẫn như cũ. Chỉ ở bậc Đại học là có những sự thay đổi mạnh-mẽ. Còn về nội dung các bài giảng dạy cũng như về chương-trình, dĩ nhiên thay đổi rất nhiều ở mọi học cấp, từ tiểu-học tới đại-học.

Giáo-dục mẫu-giáo : Khoảng năm hay sáu tuổi, các trẻ em bắt đầu theo học mẫu-giáo. Khi các công-xã được tổ-chức từ năm 1958, các trường mẫu-giáo được trang bị rất nhiều tiện nghi, nhất là khi phong-trào «nhảy vọt» bắt đầu. Mỗi công-xã đều đặc biệt chú trọng tới những trường mẫu-giáo của họ. Năm 1957 có 16.000. công-xã, tới năm 1958, số công-xã lên tới gần 700.000, và có gần 30 triệu trẻ em theo học tại những trường mẫu-giáo.

Việc thiết-lập công-xã và mở rộng mẫu-giáo nằm trong chính-sách giải-phóng phụ-nữ khỏi công-việc nội-trợ, gia-chánh. Thay-vì bận-bịu việc bếp-núc, coi-sóc con, các bà mẹ có thể gửi con vào trường-mẫu-giáo để rảnh tay tham-gia sản-xuất. Chính-sách trên được thực-hiện hồi phong-trào "nhảy vọt" mới được phát-động. Trong những năm gần đây, các trường mẫu-giáo không được nhắc đến nhiều; có lẽ việc đề cao vai-trò kinh-tế và xã-hội của chúng đã không còn tích-cực như hồi thiết-lập công-xã.

Giáo-dục tiểu-học : Trẻ em thường bắt-đầu theo học tiểu-học vào bảy tuổi. Học-trình gồm sáu năm, chia ra hai cấp. Bốn năm đầu là sơ-cấp, hai năm sau là hậu-cấp. Một niên-học gồm từ 39 đến 40 tuần, và ít nhất là hai tháng nghỉ. Mỗi tuần, các trẻ em học từ 24 đến 28 giờ.

Năm 1960 có vào khoảng 90 triệu học-sinh tiểu-học, tức là gần 90 % tổng-số trẻ em cùng lứa tuổi trong toàn-quốc. Các trẻ em tiểu-học không được miễn-phí; tuy-nhiên học-phí phải đóng tương-đối nhẹ.

Từ 1/3 đến 1/2 số giờ học trong ngày dành cho quốc-ngữ; nghĩa là học chữ để biết đọc biết viết. Khoảng 1/4 số giờ còn lại (nghĩa là khoảng 1/10 tổng-số giờ học) dành cho Toán. Số giờ còn lại được dành cho những môn học phụ như tập hát, tập vẽ.

Chương-trình hai năm hậu-cấp tiểu-học có thêm hai môn sử và địa. Ngoài ra mỗi tuần có một giờ chánh-trị. Những em từ 9 tuổi trở lên mỗi tuần phải làm lao-động một số giờ. Trong bốn năm sơ-cấp, công-tác lao-

động chỉ là trông-nom gia-chánh ở xung-quanh trường học thôi. Trong 2 năm hậu-cấp, các em phải đi lao-động trong những xưởng máy xí-nghiệp, nghĩa là phải làm những công-việc lao-động thực-sự.

Giáo-dục trung-học : Từ tiểu-học lên trung-học, có sự đào-thải gay-go. Chỉ một phần trẻ em tiểu-học được lên trung-học. Học-trình gồm sáu năm, cũng chia làm hai cấp như ở tiểu-học : ba năm đầu là cấp một (tương-đương như trung-học đệ-nhất-cấp hay trung-học phổ-thông tại Việt-Nam), ba năm sau là cấp hai (tương-đương như trung-học đệ-nhi-cấp hay trung-học chuyên-khoa của Việt-Nam).

Có hai loại trường trung-học cấp một : loại toàn-thời-gian và loại bán-thời-gian. Loại toàn-thời-gian nằm trong hệ-thống giáo-dục chính thống, chuẩn-bị học-sinh lên cấp hai, rồi sau đó lên đại-học. Còn loại bán-thời-gian thì học thêm về canh-nông và gọi là trường bán-thời-gian canh - nông hay trung-học canh-nông. Tại những trường toàn-thời-gian, niên-học gồm từ 37 đến 40 tuần, hằng năm được nghỉ vào khoảng một tháng rưỡi. Mỗi tuần phải học 31 hoặc 32 giờ.

Chương-trình trung-học cấp một gồm văn-chương và sinh-ngữ (khoảng 1/4 tổng số giờ), ngoài ra có toán, sử (Trung-quốc và thế-giới), địa và khoa-học (vật-lý, hóa-học, thực-vật-học, động-vật-học). Mỗi tuần có một hoặc hai giờ chánh-trị.

Tất-cả các học-sinh phải đi lao-động từ 6 tới 8 giờ mỗi tuần trong các nông trại hoặc xưởng máy nhỏ.

(Nhiều trường có nông trại và xưởng máy riêng). Ngoài ra, mỗi năm phải đi làm công-tác công-lịch trong 2 tuần, tỉ-dụ làm nhà, chữa đường, đắp đập v.v...

Trong niên-học 1958 - 1959, chỉ có 7 triệu trong số 37 triệu thiếu-niên trong tuổi từ 13 đến 16 được theo học tại những trường trung-học cấp một. Tỉ-lệ là 1/5. Trong niên-học 1959 - 1960, sĩ số trung-học cấp một tăng lên thành 8 triệu. Từ năm 1960 đến nay, không có một thống-kê nào được nhà nước Trung-cộng công bố.

Những trường trung-học canh-nông thường ở trong những công-xã ở nhà quê. Được thành-lập từ năm 1958, những trường này có học-trình 3 năm, tổ-chức trên căn-bản bán-thời-gian, nghĩa là học nửa ngày, làm việc nửa ngày (trong nông-trại hay xưởng máy của trường). Mỗi tuần học từ 18 đến 24 giờ. Chương-trình học cũng giống như ở những trường trung-học cấp một nhưng giản-lược hơn. Văn-chương Trung-quốc, toán, và kỹ-thuật canh-nông, mỗi môn chiếm khoảng 1/4 tổng-số giờ học. Chính-trị cũng là môn quan-trọng, mỗi tuần học 2 giờ. Đặc-biệt là sử, địa không có trong chương-trình học. Các môn khoa-học cũng ít khi được giảng dạy.

Trong thời-gian từ năm 1958 đến năm 1960, những trường này được cõ-vô thiết-lập rất nhiều. Số trường và số học-sinh tăng rất nhanh, cho tới niên-học 1959-1960 đã có gần 3 triệu học-sinh theo học những trường trung-học canh-nông. Nhưng hồi đầu năm 1960, cuộc

khủng-hoảng canh-nông xảy ra và những trường này gặp nhiều khó-khăn.

Cuối năm 1961 và từ năm 1962 trở đi, những trường này vẫn tổ-chức trên căn-bản bán-thời-gian, nhưng bắt đầu áp-dụng một chế-độ mới : trong những tháng mùa đông, học-sinh phải học nhiều hơn đề rồi trong vụ cấy lúa tiếp đó, học-sinh được trở về nhà làm việc ngoài đồng.

Dù gặp khó-khăn như vậy, trường trung-học canh-nông là một thí nghiệm quan-trọng, nó đặt nền móng cho việc học bán-thời-gian, vừa làm vừa học ; đặc-biệt là những chương-trình học bán-thời-gian (vừa làm vừa học) từ năm 1964 và 1965 trở đi.

Sau khi học hết trường trung-học cấp một, học-sinh có thể dự kỳ thi tuyển hoặc vào trường trung-học cấp hai, hoặc vào trường kỹ-thuật. Kỳ thi vào trường trung-học cấp hai rất khó. Sĩ-số trung-học cấp hai chỉ bằng 15% sĩ-số trung-học cấp một. Như vậy, 85% học-sinh trung-học cấp một (# 5/6) không được lên học cấp hai.

Tại trường trung-học cấp hai, mỗi năm học-sinh cũng học từ 37 đến 40 tuần, và được nghỉ khoảng một tháng rưỡi như ở trường trung-học cấp một. Số giờ học hàng tuần cũng như ở trường cấp một. Nhưng chương-trình học nặng hơn nhiều.

Mỗi tuần, học-sinh phải làm lao-động từ 8 đến 10 giờ và hàng năm phải tham-gia những công-tác công-lịch trong hai tuần.

Trong niên-học 1958-1959, sĩ-số trung - học cấp hai vào khoảng 1.200.000. (Những niên-học về sau, không có thống-kê nào được công-bố). Hàng năm (từ năm 1960 trở về trước) số học-sinh tốt-nghiep trung-học cấp hai vào khoảng 300.000 người. Trong năm 1960 sĩ-số những trường trung-học cấp hai không có thống-kê rõ rệt ; nhưng ta biết chắc chắn rằng năm đó Trung-Cộng gặp những khó-khăn kinh-tế và sĩ-số trung-học cấp hai nhất-định kém đi không tới 1.200.000 người.

Một loại trường nữa tương đương với trung - học cấp hai là trường chuyên-nghiep và trường kỹ-thuật, tỉ-dụ trường sư-phạm đào-tạo giáo-sư và rất nhiều trường chuyên-nghiep về các ngành kỹ-nghệ, canh-nông, thủy-lâm, y-tế, tài-chính, kinh-tế, và mỹ-thuật.

Trong số những trường chuyên-nghiep nói trên, thì những trường sư-phạm có số học-sinh đông nhất ; rồi đến những trường hướng-nghiep kỹ-nghệ, đứng thứ nhì về sĩ-số học-sinh. Riêng niên-học 1958-1959, số học-sinh theo học những trường sư-phạm lên tới 600.000 người.

Tại trường sư - phạm, ngoài chương-trình thông thường của trung-học, các giáo-sinh phải học thêm phương-pháp sư-phạm và thực-tập dạy học. Tại những trường chuyên-nghiep khác, chương-trình học rất giới-hạn và rất chuyên-môn. Trường nào cũng học hai giờ chính-trị mỗi tuần. Số giờ cao-động sản-xuất tại những trường chuyên-nghiep so sánh với những trường trung-học thông-thường thì nhiều hơn gấp bội.

Giáo-dục đại-học : Cho đến ngày 13 tháng 6 năm 1966 kể từ khi Đảng Cộng-sản nắm chính-quyền trên toàn-thể lục-địa Trung-quốc, học-sinh muốn trở thành sinh-viên đại-học phải qua một kỳ thi tuyển, ngoài điều-kiện phải tốt-nghiep trung-học. Năm 1966, kỳ thi tuyển được bãi bỏ và học-sinh, dù không có bằng tốt-nghiep trung-học, nếu chứng-tỏ được «những tư-tưởng chính-trị tiến-bộ» cũng có thể được thu-nhận vô đại-học.

Năm 1958, có cả thầy vào khoảng 200 trường đại-học chính-thức (toàn thời-gian), nghĩa là số trường đại-học không tăng, không giảm so với năm đầu khi cộng-sản mới nắm chính-quyền. Tuy-nhiên, nhiều trường đại-học đã được thay đổi và tổ-chức lại để thích-hợp với kiểu-mẫu Sô-Viết, nhấn mạnh về đại-học chuyên-nghiep. Trong phong-trào «nhảy vọt» năm 1958, gần 700 đại-học mới đã được thiết-lập. Đến năm 1960 thì tổng-số đại-học được báo-cáo là 841 trường, con số này được nhắc đi nhắc lại như là một thành-tích tiến-bộ về giáo-dục trong năm 1960. Nhưng từ đó về sau, báo-chí Trung-Cộng không thấy nhắc đến một con số nào, và có nhiều dấu-hiệu chứng-tỏ rằng nhiều trường đại-học thiết-lập hồi phong-trào «nhảy vọt» đã đóng cửa, hoặc hạ-cấp, hoặc sáp-nhập vào trường khác để thành những đại-học vững-chắc hơn. Cho đến năm 1963 thì một bài báo đăng trong một tạp-chí ở Trung-Cộng đã báo-cáo có 400 trường đại-học thôi.

Số sinh-viên đại-học đã tăng rất nhanh. Niên-học 1957-1958 số

sinh-viên toàn-quốc là 441.000., đến niên-học 1958-1959, tăng lên 660.000., và vào niên-học 1959-1960 thì tăng lên tới 810.000. Từ 1960 trở đi không rõ số sinh-viên tăng giảm thế nào. Chỉ biết rằng theo báo-cáo, năm 1965 số sinh-viên tốt-nghiệp đại-học là 170.000. người, năm 1959 số sinh-viên tốt-nghiệp là 200.000. người. Như thế là kém đi 30.000. Điều đó khiến cho ta càng chắc-chắn rằng số sinh-viên theo học đại-học vào năm 1960 đã giảm đi nhiều so với những năm trước.

Cũng như tại Liên-Bang Sô-Viết, chương-trình đại-học rất chuyên-môn. Riêng về ngành kỹ-thuật, có tới trên 180 môn chuyên-biệt. Sinh-viên học nhiều về môn chuyên-biệt đã lựa-chọn. Chủ-nghĩa Mác Lê là môn học bắt buộc, cũng như lịch-sử phong-trào cộng-sản và tư tưởng Mao-Trạch-Đông.

Sinh-viên đại-học mỗi tuần được phép 18 giờ để hoạt-động ngoài việc học. Một nửa số giờ đó là để đi họp Đoàn Thanh-Niên Cộng-Sản, hoặc để học thể-dục hay quân sự. Thời-gian tham-gia lao-động bắt buộc mỗi năm là hai ba tháng.

Giáo-dục bán-thời-gian: Giáo-dục bán-thời-gian giữ vai trò đặc-biệt quan-trọng ở lục địa Trung-Hoa và ngày càng phát triển. Những xưởng máy, hầm mỏ, và các cơ-xưởng khác đều có tổ-chức những lớp học bán-thời-gian với mọi tiện-nghi cần thiết. Theo dự trù, mỗi nhà máy quan-trọng phải tiến tới chỗ có riêng một hệ-thống trường học để công-nhân từ mù chữ có thể học

lên tới trình-độ đại-học bằng cách theo học những lớp tối hay những lớp bán-thời-gian khác. Ở miền quê, những lớp bán-thời-gian do các công-xã tổ-chức và thường học nhiều về mùa đông tương-đối có nhiều thi-giờ nhàn-rỗi.

Những học-viên các lớp bán-thời-gian đa-số vốn là thất-học, họ gắng học để khỏi mù chữ. Năm 1960 có vào khoảng 100 triệu người theo học những lớp bán-thời-gian; trong số đó, 52 triệu người theo học những lớp chống mù chữ, còn 30 triệu theo học những lớp tiểu-học. Số học-viên theo học những lớp đại-học rất hiếm, không tới một phần trăm tổng-số nói trên, nhưng số này tăng rất nhanh.

Các trường đại-học tích-cực ủng hộ những lớp bán-thời-gian, đặc-biệt là bằng phương-pháp hàm-thụ.

Hiệu-năng và thành-quả của giáo-dục: Muốn kết-luận về hiệu-năng và thành-quả của nền giáo-dục Trung-Cộng, cần phải cân-trọng và phải đứng trong khung-cảnh những cứu-cánh và mục-dịch mà người cộng-sản Trung-quốc theo-đuổi. Vấn-đề là hệ-thống giáo-dục ấy đã thu được những kết-quả gì trong việc đào-tạo một quần-chúng «vừa Đỏ vừa chuyên-viên»?

Học-sinh, sinh-viên có được trang-bị những kiến-thức chuyên-môn cần-thiết và tài-năng thực-tế, thực-dụng để tham-gia hữu-hiệu vào sản-xuất không? Đó là một câu hỏi khó trả lời. Nói chung về chiến-dịch chống mù chữ và về giáo-dục tiểu-học, người cộng-sản đã đạt những thành tích to lớn, dạy cho học-viên có một

trình-độ chữ-nghĩa và toán-học căn bản hơn là những kiến-thức về tài-năng sản-xuất.

Tại trung-học, tất-cả các học-sinh phải tham-gia lao-động sản-xuất. Những học-sinh theo học các trường kỹ-thuật và hướng-nghiep được học nghề tới nửa số giờ. Nhiều người đã học được những tài-năng ích-dụng. Số người thụ-đắc giáo-dục trung-học mỗi ngày mỗi nhiều. Tuy-nhiên, việc lao-động sản-xuất do học-sinh các trường toàn-thời-gian thực-hiện không đạt được kết-quả mong-muốn, không phát-triển được tài-năng thực-dụng của họ; trường trung-học canh-nông cũng không được kết-quả lắm. Những tài-năng thực-dụng cần-thiết có lẽ chỉ có thể lãnh-hội được tốt nhất là ngay tại xưởng máy, công-xã, các trung-tâm sản-xuất khác, và học trong những thi-giờ nhàn-rỗi. Ở trình-độ đại-học, chế-độ giáo-dục Trung-Cộng chỉ đào-tạo được những cán-sự cao-cấp có khả-năng trong những lãnh-vực chuyên-môn nhất-định, chứ chưa đào-tạo được những kỹ-sư có căn-bản kiến-thức rộng và những nhà khoa-học cần-thiết cho những công-cuộc khảo-cứu, tìm-tòi căn-bản.

Trình-độ văn-hóa và giáo-dục kỹ-thnật thường là thấp. Sau hơn mười năm nắm chính-quyền, chế-độ đã tự nhận là trình-độ toán và ngoại-ngữ đã kém đi, và những môn Lý-Hóa dạy ở trung-học đã rất lạc-hậu. Theo các báo-cáo thi sinh-viên đại-học yếu về những môn học căn-bản và yếu ngay cả về ngành học chuyên-biệt họ lựa chọn. Tất cả những vấn-đề trên rõ-rệt là do sự

thiếu giáo-sư có huấn-luyện. Sự thiếu giáo-sư này đã trở thành kinh-niên. Hơn nữa, sự thay đổi nhiều lần đang từ toàn-thời-gian sang bán-thời-gian hay ngược lại đã khiến cho trình-độ và phẩm-chất giáo-dục tại trung-học và đại-học xuống thấp thêm.

Sau cùng là vấn-đề giáo-dục có trực-tiếp đào-tạo được những chuyên-viên cần-thiết không? Tỉ-dụ trong những năm 1961, 1962, nền kinh-tế nông nghiệp bị sao-lãng, nhường chỗ cho kỹ-nghệ. Sự nghiêng-lệch này được phản-ảnh trong giáo-dục kỹ-thuật. Về sau, vì thiếu chuyên-viên canh-nông, nhà nước mới thay đổi chương-trình huấn-luyện, và bắt đầu chú-trọng về canh-nông hơn trước.

Tóm lại, dù đạt được nhiều tiến-bộ đáng kể, và có nhiều thành-tích trong việc đào-tạo chuyên-viên, Trung-Cộng vẫn còn có rất nhiều vấn-đề quan-trọng phải giải-quyết trong phạm-vi giáo dục.

Về cứu-cánh nhuộm đỏ sinh-viên, học-sinh, chế-độ giáo-dục Trung-Cộng có thành-công không? Và thành-công đến mức nào? Vì Đảng nắm trọn quyền quyết-định về chính-sách giáo-dục, hàng ngày điều-khiển các cơ-sở giáo-dục, cán-bộ Đảng chú-ý đặc-biệt tới việc giáo-dục chính-trị trong chương-trình học, học-sinh, sinh-viên được giảng-huấn cận-kê về ý-thức-hệ cộng-sản, tất nhiên họ sẽ trở thành trung-thành với Đảng. Thực vậy, những ai đã chịu sự giáo-dục nhồi sọ của cộng-sản cũng có những dấu vết ảnh-hưởng rõ-rệt. Tuy nhiên, có những chứng-cớ tỏ ra rằng trong giáo-dục rất khó đạt được

những mẫu tinh-thần đúng như ý muốn. Việc duy-trì những trạng-thái tinh-thần như thế lại càng khó hơn, đối với các sinh-viên đại-học cũng như đối với giới trí-thức. Cộng-sản đã phải thi-hành những chiến-dịch liên-tiếp để nắm chặt «ý-thức chính-trị» của giới trí-thức. Điều đó chứng-tỏ rằng mục-dịch nhuộm đỏ của Đảng không được thành-công trọn vẹn.

Một sự kiện đáng chú-ý là năm 1966, chiến-dịch chính-trị tại những trường đại-học của nhà nước được thực-hiện với thể-hệ thanh-niên đầu

tiên hoàn-toàn sống trong chế-độ cộng-sản và chịu sự giáo-dục của cộng-sản từ mẫu-giáo, qua tiểu-học, trung-học lên tới đại-học. Như vậy nhà nước cộng-sản không tin ở giới thanh-niên trí-thức, dù đã trọn một thể-hệ giáo-dục họ với con mắt dò xét, soi mói. Đảng cộng-sản vẫn nghi ngờ, không biết thanh-niên trí-thức có sẵn lòng chấp nhận chủ nghĩa đỏ và sự lãnh-đạo của Đảng cộng-sản không ? Đó cũng là mối nan-giải cho bất cứ ai chủ-trương dùng giáo-dục để nhồi sọ, để bắt người ta phải nhắm mắt tin theo những giáo-điều có sẵn.

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

□ *Thơm ngon, ngọt*

□ *Bổ huyết, bổ gan*

□ *Da dẻ hồng hào*

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sĩ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty 601 — L.V. Duyệt, Saigon

ÂM-NHẠC VỚI GIÁO-DỤC

A. ÂM-NHẠC KIẾN-TẠO CON NGƯỜI

A I cũng biết rằng mục-đích của giáo-dục không phải là chỉ lo mở mang trí-tuệ của học-sinh mà thôi đâu. Công-cuộc ấy còn phải động-thời rèn luyện tinh-tinh con trẻ, nẩy nở cơ-thể của chúng để sau này, khi lớn lên chúng chẳng những đủ năng-lực tạo hạnh-phúc cho bản-thân mình, mà còn giúp ích cho đất nước, và cho nhân-loại.

Muốn đạt mục-đích đó, phải phát-triển hết mọi khả-năng của đứa trẻ, khả-năng cơ-thể cũng như khả-năng tinh-thần. Người ta cứ tưởng rằng chỉ có toán-học, văn-chương, triết-lý mới tập cho đứa trẻ biết suy-luận, biết sử-dụng và phát-huy trí-tuệ của mình. Người ta cứ tưởng rằng chỉ có thể-dục và những công việc chân tay mới giúp đứa trẻ trở nên mạnh sức, giẻo dai, khéo léo, nhanh nhẹn. Người ta đã quên rằng Âm-nhạc là một động-lực hiệu-nghiệm không kém gì những bộ-môn đó và có thể đóng góp rất nhiều vào việc kiến-tạo con người về đủ mọi mặt.

Đó không phải là một lời khẳng-định hàm-hồ độc-đoán vô-căn-cứ. Ta hãy lần lượt kiểm-chứng ở từng địa-hạt một.

I. Âm-nhạc mở mang trí-tuệ

Về phương-diện trí-dục, âm-nhạc là một thứ thuốc bổ vừa công-hiệu vừa dễ uống. Óc quan-sát sẽ nẩy nở

mạnh mẽ nhờ ở sự chú-ý lắng nghe và phân-tích cao-độ cũng như trường-độ của âm-thanh. Không nhìn vào vấp-đề một cách nghiêm-chỉnh thì thôi, chứ nếu đã lưu-tâm định-giá mức nổ-lực của thích-giác trong việc nghe một chuỗi âm-thanh kế-tiếp nhau trong một điệu hát, dù ngắn ngủi dễ dàng nhất như điệu HÁT ĐÚM Hải-dương (chỉ gồm có 2 cung-bậc cách nhau một Quãng — 5 : FA-DO) thì cũng thấy ngay óc quan-sát phải làm việc tinh-vi như thế nào. Phân-biệt được tiếng cao tiếng thấp chưa đủ, còn phải bắt được mức dài của mỗi tiếng. Thính-giác càng tinh thì càng phân-biệt được mức sai-biệt giữa những cao-độ, mức ấy là 1/9 của một cung (ton) đối với người bình thường, nhưng đối với người lão-luyện thì sức ấy nhỏ tới 1/100 của một cung, tương-đương với một vật nặng 0g200 đè lên một sợi giây căng thẳng. Còn sự khác-biệt về trường-độ thì thường là 1/10 giây đồng-hồ cũng đủ cho người bình thường nhận thấy dễ dàng, đối với người có luyện-tập thì mức khác-biệt chỉ nhỏ bằng 1/100 giây đồng-hồ cũng đủ làm cho họ nhận ra được ngay. Không phải lúc nào người ta cũng ghi nhận những sự thay đổi đó với sự lượng-giá bằng toán-học như một nhà khoa-học trong phòng thí-nghiệm. Nhưng người ta biểu-lộ sự lượng-giá đó bằng niềm thích-thú hoặc khó chịu khi nghe hoặc chính mình đồn lên, hát lên một âm-thanh chính-xác hay không. Xét cho cùng thì thích-thú hay khó chịu chính là tán-

đồng hay phủ-nhận cao-độ và trường-độ của âm-thanh mà ta quan-sát vậy.

Đây là chưa kể tới những sự khác-biệt mà ta ghi nhận được khi âm-thanh tạo ra mạnh hay yếu; mang màu sắc gì, do một hay nhiều nhạc-khí trình-tấu lên, do một hay nhiều người hát, hát đồng-ca hay hợp-ca, có đờn phụ-họa hay không, tiếng hát tiếng đờn đó có diễn-tả tâm-tinh ý-từ của soạn-giả, của mạch văn hay không... Đó là trăm ngàn sự tế-nhĩ mà âm-nhạc đem đến cho con người, cho trí-tuệ, cho người học âm-nhạc, cho con người biết thưởng-thức âm-nhạc. Và kẻ không học âm-nhạc sẽ không bao giờ được hưởng. Thiết thời nổi sao cùng. Nhất là nếu ta lại biết rằng óc quan-sát mở đường cho sự phán-đoán suy-luận, và óc quan-sát mà không được tập-luyện, không được phát-triển thì sẽ làm cùn nhụt tài phán-đoán suy-luận. Hoàng-đế Nã-phá-luân mỗi khi sắp quyết-định một điều gì quan-trọng, thường đòi được nghe một bản nhạc.

Do đó ngay từ thời văn-minh Hy-Lạp, La-mã bên Âu-Châu, và mãi cho tới hết thời Trung-cổ, Âm-nhạc vốn là một trong những môn-học đào-tạo con người, ngang hàng với triết-học, thiên-văn, đạo-đức-học... Ở Á-đông ta, Âm-nhạc đứng đầu trong 4 loại hoạt-động chính-yếu của giới tri-thức: cầm kỳ thi họa. Trong tôn-giáo nào cũng vậy, âm-nhạc khai-sáng cho con người thấu-hiểu những lẽ huyền-diệu của tin-lý. Hỏi rằng có nghi-lễ nào mà không diễn ra trong tiếng đờn tiếng hát?

2. Âm-nhạc rèn luyện đức-tính.

Kinh Dịch có câu: Tiên vương dĩ tác Nhạc sùng đức. Một triết-gia Hi-Lạp đã nói: Thêm một giây đờn hay

bớt đi một giây đờn cũng đủ làm cho lòng người trở nên thuần-lương hay sa-đọa. Aristote quả-quyết hơn: Không thể phủ-nhận sức mạnh tinh-thần của Âm-nhạc; mà nếu đã công-nhận cái sức mạnh ấy thì cần phải đem âm-nhạc vào việc giáo-dục con trẻ. Kể thì còn hàng vạn lời xác-nhận giá-trị của âm-nhạc trong việc rèn luyện đức-tính con người. Nhưng ta cũng nên tự tay đo lường mức độ khả-năng của âm-nhạc trong việc luyện đức trước đã để xem thực-hư ra sao, rồi hãy đồng-ý.

Âm-nhạc quả là một thuật khắc-kỷ cao độ. Hát hay đờn một câu nhạc, dù ngắn ngủi thế nào chăng nữa, cũng phải tôn-trọng cao-độ và trường-độ cũng như cường-độ của âm-thanh.

Cao quá hay thấp quá không được, mau quá hay chậm quá không được, mạnh quá hay yếu quá cũng không xong. Cầm lạc điệu đậm hơi, cầm trật nhịp lỗi phách, cầm gào lên hay thì thào không phải lúc. Kỷ-luật và kỹ-luật. Hãy tham-dự vào một ban hợp-ca, một giàn đờn thì sẽ thấy kỷ-luật và trật-tự còn tinh-vi và chính-xác đến đâu. Dù hôm nay anh vừa trúng số thì cũng xin anh đừng cao-hưng mà nâng cao cung-bậc lên, dù chỉ một chút nhỏ bằng 1/9 của một cung thôi, kéo chói tai lắm. Dù chị có vội về đi chợ thì cũng xin chị cứ giữ đúng nhịp chung của toàn-ban cái đã, đừng hấp-tấp, bắt vào sớm hơn bà con chỉ một 1/10 giây đồng-hồ thôi cũng can-tội phá-đám rồi đó. Thật không có gì luyện-tập cho con người biết tôn-trọng Kỷ-luật cộng-đồng và trật-tự xã-hội bằng âm-nhạc. Bởi vậy người ta thường khen một ông tướng cầm quân giỏi như một người nhạc-trưởng điều-khiển một ban nhạc.

Ngay trong cuộc sống cá-nhân, âm-nhạc cũng tập cho con người sống mực thước điều-độ. Nếu lời ru êm ái của

người mẹ làm cho đứa trẻ hết la hét gất gỏng mà ngủ đi thế nào thì những điệu nhạc êm ái cũng làm cho tinh-tinh người ta dịu lại như vậy. Ở những nước tiền-tiến, tại những cơ-xưởng mà người thợ chỉ làm một số động-tác nhất-định nào đó để ráp một bộ phận nào đó, người ta thường cho họ vừa làm việc vừa nghe âm-nhạc, để họ khỏi nhàm chán với phần-vụ của mình. khỏi lãng trí mà sai lầm trong động-tác, hoặc cầu-thả trong công việc.

Sở Chiêu-vương, sau một thời-gian điều đúng vì chiến-bại, lúc về được nước nhà thì lại vui chơi chè chén như đề bù lại. Quan nhạc-sử tên là *Hồ-Tử* sợ *Sở Chiêu-vương* mải vui mà sao lãng quốc-sự như vua cha là *Sở-Bình vương* ngày trước chẳng. Giữa bữa tiệc, *Hồ-Tử* xin gảy một khúc đàn cầm nhan đề là *Cung Nột*. Tiếng đàn sầu thảm khiến *Sở Chiêu-vương* hiểu ý, nước mắt chảy dòng dòng. *Hồ-Tử* dứt tiếng đàn thì *Sở Chiêu-vương* cũng truyền bãi tiệc, rồi từ bấy giờ chăm lo việc nước.

Câu chuyện *Trương-Lương* làm tan rã hàng ngũ của *Hạng-Vũ* bằng những bản ca buồn nhớ quê-hương chắc ngày nay không ai không biết. Tất cả các Đài Phát-thanh Truyền-hình ngày nay đều phải lợi-dụng âm nhạc để hấp-dẫn khán-thính-giả, nhất là trong những chương-trình có tính-chất giáo-dục đại-chúng: thông-tin, tuyên-truyền, cổ-động, vệ-sinh, công-ích... Nhưng trong những màn quảng-cáo thì quả thật âm-nhạc đã bị lạm-dụng vào những ý-đồ trục-lợi.

Những bản hùng-ca, lịch-sử, ái-quốc-tác-dụng thế nào đến lòng hăng-hái, quả-cảm, hi-sinh, thiết-tưởng một phần tư thế-kỷ chiến-chinh của nước ta đã rất nhiều lần chứng-minh rồi, khỏi cần nhắc lại ở

đây. Đáng nói chăng thì có những bản nhạc giật gân mà khán-giả coi trình-diễn không khỏi tưởng lầm-rằng mình đang chứng-kiến một lũ khỉ lên cơn động-kinh, hoặc những bài ca rên rỉ than mây khóc gió bạc-nhược hưởng-thụ một cách ích-kỷ hèn hạ, mà những kẻ vô-ý-thức vô-trách-nhiệm vẫn thường đem ra làm bản tại bản mất người liêm-sĩ và đầu-độc lớp trẻ em vô-tội.

Những ai đã có kinh-nghiệm dạy học tất đã hơn một lần chứng-kiến nỗi sáng-khoái của học-sinh, nhất là học-sinh tiểu-học, sau một giờ học-tập mệt mỏi, học toán chẳng hạn, được thầy cô cho giải-lao bằng một bài hát đồng-ca cả lớp cùng hát. Kể viết bài này đã bắt gặp nhiều du-học-sinh khóc nức nở khi nghe dân-ca, hoặc hò lý, vọng lên từ một chiếc máy thu-thanh. Có ra nước ngoài mới cảm thấy tình quê-hương do ca-nhạc gợi lên nó sâu xa mãnh-liệt là chừng nào. Nhưng ở tại nước nhà, dưới mái học-đường, lòng yêu nước cũng có thể hun đúc bằng những bài hát ca-tụng vẻ đẹp quê-hương.

Tóm lại, âm-nhạc đúng là một động-lực quan-trọng trong việc trau dồi đức-tính. Và theo đa-số những nhà giáo-dục thì âm-nhạc sở-trường nhất về khả-năng rèn luyện đức-tính.

3. Âm-nhạc rèn luyện thân-thể.

Đối với người Âu-Mỹ, âm-nhạc làm cho gà mẩn dễ, bỏ nhiều sữa, heo mau mập là những chuyện quá thường... Nhưng ảnh-hưởng của âm-nhạc về phương-diện sinh-lý nơi con người mới là điều đáng ta chú-y.

Chẳng cần phải là một khoa-học-gia, ta cũng có thể nhận thấy dễ-dàng sự hô-hấp, sự tuần-hoàn của ta tăng

nhANH lÊN kHI nghe nhỮNG bài nhẠC hùng-tráng đồn dập và chậm dần lại kHI nghe nhỮNG bài nhẠC trầm buồn chậm chạp. Và không ai còn lạ gì kHI bản nhẠC giạt gân nổi lÊN có nhiều người cảm thấy đôi chân ngửa ngáy muốn nhảy.

Tại Hội-nghị Y-tế ở Nice năm 1932, người ta đã ghi nhận câu chuyện bà *Blensdorf* chỉ đón một bản dương-cầm mà đã chinh-phục được một bọn trẻ mắc bệnh thần-kinh trở nên hung-dữ đến nỗi phải giam vào một nhà trừng trị và trước kia người ta đã dùng đủ mọi cách mà không sao dạy được chúng. Bác-sĩ *Beschinsky* đã chứng-minh rằng âm-nhạc có thể làm thay đổi vị-giác. Năm 1957, một ông chủ tiệm ở Paris đã tiết-lộ trên một số báo Radar rằng âm-nhạc đi đôi rất sát với thức ăn. Theo ông ta kHI khai-vị nên cho nghe nhỮNG bản nhẠC đồn dập, như nhỮNG bản *Polonaises* chẳng hạn, kHI ăn nhỮNG món nặng như thịt hầm, thì nên cho nghe nhỮNG bản nhẠC trầm-tĩnh, còn lúc tàn-tiệc thì nhỮNG bản nhẠC êm dịu du-dương là thượng-sách. Ông chủ tiệm đó đã là một nhà tâm-lý rất thực-tế và... rất thành-công về tài chánh nhờ ở tài biết dùng nhẠC đúng lúc. Chẳng cần phải tinh-tế như ông ta, tiệm ăn nào, bữa tiệc nào mà chẳng có âm-nhạc (phụ-họa). Để làm gì, nếu không phải là để thực-khách thêm ngon miệng, thêm dễ tiêu? Điều đó đã được bác-sĩ *Flesch* xác-nhận kHI chứng-minh rằng âm-nhạc làm tăng sức đại-tạ (métabolisme), tức là đẩy mạnh sự tiêu-hóa và bồi-bổ cơ-thể.

Đối với nhỮNG người thường như chúng ta, không có máy móc để thí-nghiệm, nhưng ta cũng nhận thấy ảnh-hưởng của âm-nhạc một cách dễ

dàng. NhỮNG bản nhẠC hay đã làm cho ta khoan-khoái dễ chịu bao nhiêu thì nhỮNG bản nhẠC dở, nhỮNG tiếng đàn sai cung lỗi nhịp, nhỮNG tiếng hát ngang điệu dậm hơi cũng làm cho ta bứt rứt khó chịu bấy nhiêu.

NhỮNG công việc nặng nhọc cần tới nỗ-lực tập-thể thì thường được đôn-đốc bằng ca-nhạc. Đó là nhỮNG bản *Chèo dờ*, *Kéo Gõ*, *Giã Gạo*, *Đập Đát*... Và nhịp chân đi của một đoàn quân đã chẳng luôn luôn được âm-nhạc hỗ-trợ là gì? Vua Quang-Trung đã phổ-biến mạnh mẽ điệu Trống Quân để khích-lệ quân-sĩ trong 2 chuyến ra Bắc diệt Trịnh phá Thanh phù Lê. Sĩ Trung-hoa cũng ghi chép *Quản-di-ngôn* đem quân đi đánh nước Cô-Trúc, phải trèo một dãy núi hiểm-trở gọi là Ty-nhĩ. *Quản-di-ngô* bèn soạn ra bài «Thượng-sơn hạ-sơn» để quân-sĩ vừa hát vừa đẩy xe chiến cho vui. Nhờ có bài hát đó, xe chạy như bay lên sườn núi...

Còn nhiều, nhiều khôn kể xiết nhỮNG trường-hợp âm-nhạc tăng-bội sức mạnh của con người. Đôi kHI ảnh-hưởng đó mang một tính-chất thần-thoại. Kinh-thánh kể truyện ông Josué lãnh-đạo dân Do-thái vây đánh thành Jericho đã 6 lần mà không hạ được. Đến lần thứ 7, ông cho quan-quân thổi kèn đánh trống ca reo đi chung quanh thành vài vòng. Thế là tự-nhiên tường thành cứ thế mà sụp đổ. Ông Josué lấy được thành dễ như trở bàn tay. Kinh-thánh còn kể truyện vua Saül bị điên loạn, danh-y trong nước không sao chữa lành được. Sau phải với David, lúc ấy chỉ là một tên chăn chiên vô-danh, vào cung gảy đàn cho Saül nghe. Nhờ đó, Saül mới khỏi bệnh. Ở nước ta, nhỮNG điệu Hầu-

văn (còn gọi là Châu-văn) chính là thứ ca-nhạc giúp người trần liên-lạc với thần-linh.

Bởi vậy, một giáo-sư âm-nhạc nọ đã nghiêm-trang khuyên-nhủ học-sinh rằng : Muốn mạnh khỏe, các em hãy học âm-nhạc cho chăm. Nếu là một nhà thông-thiên-học, chắc ông sẽ không ngần ngại mà nói : Muốn giao-tiếp với thần-linh, chúng ta cần phải dùng tới âm-nhạc. Với con mắt một triết-gia ta không còn hồ-nghi rằng âm-nhạc là một động-lực chẳng những chi-phối cuộc sống sinh-lý của con người mà còn giúp con người thoát-lý những kích-thước của vật-chất; của kiếp thu-tạo để vươn tới thế-giới siêu-nhiên.

Đến đây, có thể nói ta đã kiểm-điểm một số thực-tại tiêu-biểu chứng-minh cho sức mạnh của âm-nhạc đối với toàn-diện cuộc sống của con người. *Ronsard* quả-quyết rằng : Ai không có âm-nhạc trong người, không biết cảm-súc sự hòa-hợp của những âm-thanh êm-dịu thì thật là đã sinh ra để phản-bội, mưu-mô và trộm cắp. Hãy coi chừng họ. *Goethe* quyết-liệt hơn : Ai không yêu chuộng âm-nhạc, không đáng cái danh-ngĩa làm người. Ai yêu âm-nhạc mới chỉ là người có một nửa. Ai thực-hành âm-nhạc mới thật là người hoàn-toàn.

Chắc các nhà giáo-dục tại nước ta cũng đã đồng ý như vậy từ lâu rồi. Nhưng tại sao cho tới hôm nay, năm 1972, âm-nhạc vẫn còn là một môn-học quá ư phụ-thuộc, một bà con nghèo trong chương trình học-vấn từ tiểu-học tới đại-học ? Nhân dịp chính-quyền cương-quyết khôi-phục truyền-thống học-đường, lại thêm Bộ Giáo-mục đang sức-tiến mạnh mẽ chương trình «Nghiên-cứu giáo-dục và khuếch-

trương học-liệu» cho phù-hợp với nhu-cầu hiện-tại, ta thử tìm hiểu những nguyên-do nào đưa đến sự-kiện này.

B. NHỮNG NGUYÊN - NHÂN CẢN-TRỞ CHƯƠNG-TRÌNH ÂM-NHẠC TRONG HỌC-ĐƯỜNG V.N.

I. Thiếu cán-bộ chuyên-môn.

Đại-học Sư-phạm không có môn-học âm-nhạc trong chương-trình học-vấn. Trường Quốc-gia Sư-phạm coi âm-nhạc là một môn nhiệm-ý. Bậc Trung-học Đệ-nhi-cấp không có môn âm-nhạc. Bậc Trung-học Đệ-nhất-cấp có giờ âm-nhạc, nhưng không bắt buộc; dạy môn đó hay không là tùy quyền hiệu-trưởng. Bậc Tiểu-học không có giờ học âm-nhạc chính-thức, và âm-nhạc được gói ghém trong giờ hoạt-động thanh-niên học-đường. Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Saigon thành-lập từ 1957 và trường Quốc-gia Âm-nhạc Huế thành-lập từ 1961 mới đào-tạo được vào khoảng 60 giáo-sư âm-nhạc, nhưng vì chưa liên-lạc chặt chẽ với Nha Trung-Tiểu-học, cho nên chưa có những giờ thực-tập tại các trường Trung-Tiểu-học. Sự bở ngỡ của những giáo-sư này khi hành-nghe là một sự-kiện thông-thường và hiển-nhiên. Thành ra cán-bộ âm-nhạc là những chuyên-viên vô-cùng hiếm hoi (hiện nay có vào khoảng 5.000 trường Trung-học và 12.000 trường Tiểu-học) lại còn phải phục-vụ dưới cờ. Do đó đã đưa đến tình-trạng những cán-bộ âm-nhạc bất-đắc-dĩ, hoặc hiệu-trưởng không quan-tâm tới môn âm-nhạc, coi như không có.

2. Thiếu sự-phạm âm-nhạc.

Ở những nơi đào-tạo giáo-chức mà còn lơ là với môn âm-nhạc thì giáo-sinh làm sao học được phương-pháp để dạy âm-nhạc? Công-bình mà nói, ta phải công-nhận rằng trình-độ âm-nhạc nói chung ở nước ta, từ năm 1938 đến nay 1972, đã tiến-bộ nhiều. Nhìn bằng con mắt chuyên-môn thì thấy sự tiến-bộ đó chỉ như một giọt dầu loang bề mặt thì có, bề sâu thì không. Những nhạc-sinh tốt-nghiệp tại 2 trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon và Huế chưa đủ số-lượng để đáp-ứng nhu-cầu và chưa đủ hiểu biết thực-sự về phương-pháp truyền-bá âm-nhạc. Hầu hết chỉ dạy theo lối truyền-khẩu: thầy hát làm mẫu rồi trò nhắc lại. Đã đành lối dạy đó là một hình-thức giảng dạy, nhưng bên cạnh nó, còn có nhiều lối khác nữa như: đọc nốt (lecture des notes), đọc nhịp (lecture rythmique), xướng âm (solfiation), nhạc-chính-tả (dictée musicale) một bè (à 1 partie), nhiều bè (à 2,3,4 parties), nhạc-chính-tả quãng-âm (dictée d'intervalles). Cho dễ hiểu ta có thể so sánh lối học âm-nhạc hiện nay như lối học ngoại-ngữ chỉ chuyên tập nhắc lại lời thầy dạy mà chẳng học gì về nhạc-lý, ý-nghĩa, văn-phạm tạo câu (phraseologie), cú-pháp (syntaxe). Thiếu sót và phiến-diện là cái chắc rồi. Thân-hoặc có người dạy thêm về nhạc-lý (théorie de la musique) thì lại rơi vào vết xe của lối dạy cổ-lỗi là đưa ra những khái-niệm tiên-nhiên như những giáo điều rồi quảng-diễn (déduire) ra những trường-hợp cụ-thể, chứ không dạy theo lối qui-nạp (induction) đi từ những thực-tại để rút tĩa lấy khái-niệm. Học sinh bị nhồi sọ bằng những lý-thuyết khô-khan buồn-nản xa rời những thực thể âm-nhạc tức là những bài ca điệu nhạc hực-sự. Giờ học âm-nhạc trở thành

giờ vô-duyên, giờ cực-hình, giờ đánh cở ngăm với nhau sau lưng người ngồi bàn trên. Khá làm sao được?

3. Chương-trình âm-nhạc hiện nay chỉ là một thứ bánh vẽ

Tại 2 trường Quốc-gia Âm-nhạc, chương-trình vạch ra thì rất đầy đủ, nhưng môn nhạc-pháp (nhạc-lý lý-thuyết và thực-hành) chưa được đầy lên cho đúng mức. Nhiều giáo-sư dạy đôn đả ta thán không ít. Vì đáng lý môn nhạc-pháp phải hỗ-trợ cho việc học đôn thì lại chẳng giúp được gì cả. Dù sao đây là lãnh-vực chuyên-môn, ảnh-hưởng không là bao đối với nền giáo-dục nói chung.

Vả lại, trường Q.G.Â.N là trường chuyên-nghiệp đặt ở thủ-đô, nhạc-sinh học ở đó đã có trình-độ khá cao, có cần bổ-túc thì cũng dễ tìm được người hướng-dẫn. Đối với những trường Trung-Tiêu-học phổ-thông, học sinh đông gấp ngàn, lại nhiều khi ở xa thủ-đô thì sự-kiện khác nhau một trời một vực.

Chương-trình Âm-nhạc chỉ có ở bậc Trung-học Đệ-nhất-cấp, và chương-trình hiện-hữu đã ra đời từ năm 1957. Tất cả những ai đã có kinh-nghiệm dạy âm-nhạc ở trường Trung-học cũng đều nhận thấy chương-trình đó quá nặng nề, không phù-hợp một chút nào với hoàn-cảnh nước ta. Mỗi tuần-lễ chỉ có 1 giờ âm-nhạc, trên thực-tế chỉ còn 50 phút (học-sinh đổi lớp hoặc ngồi chờ giáo-sư đổi lớp). Vậy mà nào là nhạc-lý, xướng-âm, chính-tả, nào là nhạc-sử Tây-phương, nhạc-sử Việt-Nam, hát dân-ca Việt-Nam và quốc-tế, nào là nghe nhạc cổ-diễn và giải-thích. Năm 1960, trên báo *Bách-khoa*, kẻ viết bài này đã vạch rõ sự ồm-đồm không-tương của chương-trình ấy và có thỉnh-cầu vị nào

thực-hiện nài thì xin cho biết đề đến học lại. Tới nay, 1972, lại kiểm-điểm lại một lần nữa thì thấy rằng nội những trường Trung-học công-lập lớn vào bậc nhất nhì Việt-Nam tại khu-vực Saigon Chợ-lớn thôi, mới chỉ có 1 trường nữ trung-học Gia-Long là có dương-cầm để dùng vào việc học nhạc. Tuyệt-nhiên chưa trường nào sắm nổi một máy hát. Còn đĩa hát mà chương-trình kê ra hàng tràng thì ngay trường Q.G. Á.N. Saigon cũng không có. Có lẽ bộ Giáo-dục cũng đã nhận-chân sự phi-lý của chương-trình đó, cho nên trong cuốn Chương-trình Trung-học xuất bản năm 1971, không in lại chương-trình đó và Nha Trung-Tiểu-học đang chuẩn-bị việc sửa đổi. Giá người làm ra chương-trình đó chịu khó tìm hiểu tình-trạng các trường Việt-Nam và những khó khăn về nhân-sự, phương tiện thời-gian, tâm-lý thì trong 15 năm qua, học-sinh Trung-học đã không bị ăn một thứ bánh vẽ kỳ-cục hoang-đường.

4. Âm-nhạc chưa được coi trọng đúng mức.

Tuy-thị môn âm-nhạc được ghi vào chương-trình bậc Trung-học đệ-nhất-cấp, nhưng vẫn bị liệt vào hàng nhiệm-ý. Hiệu-trưởng toàn-quyền định-đoạt mở lớp nhạc hay bỏ qua. Trong những kỳ thi Trung-học phổ-thông cuối cùng trước đây, âm-nhạc được xếp ngang với thể-dục, gia-chánh và thi hay không cũng được. Dù sao thế cũng đã là khá.

Oái-oăm là lúc bình-thường thì âm-nhạc bị coi như một thứ dư-thừa, vô-ích, không ai thèm đề ý. Nhưng mà mỗi khi nhà trường phải tiếp đón một vị quan-khách nào, hoặc tổ-chức một buổi liên-hoan nào thì lúc bấy giờ âm-nhạc được đưa lên hàng đầu. Những «tài năng» bấy lâu mai-danh ần-tích bèn được hân-hạnh với ra. Một chương-

trình văn-nghệ miễn-cưỡng được dựng lên trong không-khi hấp-tấp, và vlu, sáu bỏ làm mười, cốt cho xong thì thôi. Sau đó, âm-nhạc lại bị xếp xó để chờ một dịp triệu-dụng khác.

Đem âm-nhạc vào học-đường là nhằm ứng-dụng những khả-năng đặc-biệt của âm-nhạc vào công-cuộc kiến-tạo tri-đức-dục cũng như hỗ-trợ các môn-học khác. Vậy không nên đòi hỏi con trẻ phải có năng-khiếu thiên-bẩm mới cho học. Theo kết-quả của Hội Tâm-lý-học Binet thì bất-cứ một đứa trẻ bình-thường nào cũng có thể học âm-nhạc. Sở-dĩ những loại nhạc lai-căng rẻ tiền mà sống được và hái ra tiền được là vì thịnh-giả đã quá dễ dãi. Sự dễ dãi đó, truy-nguyên ra thì thấy nó bắt nguồn từ sự thiếu hướng dẫn học-tập ngay từ ngày còn cắp sách đến trường. Nhiều giai-thoại cười ra nước mắt đáng ghi vào lịch-sử. Có những ca-sĩ kiểm non nửa triệu bạc mỗi tháng mà không hề biết một chút gì về ký-âm-pháp : toàn là hát thuộc lòng, và cố-nhiên rất nhiều fantaisies làm thót ruột thót gan ông nhạc-trưởng. Trong một buổi thu-thanh, một ca-sĩ hát sai, ông nhạc-trưởng cho biết thể nào là đúng; nhưng ca-sĩ đó đã trắng trợn tuyên-bố : Tôi hát thế đấy, anh làm sao mặc anh. Kẻ vô-học thống-trị người có học : sự-kiện đó không biết có xảy ra nơi nào khác trên trái đất này không nhỉ ?

Thời-buổi loạn-lạc kiếm-uớc này, học cho đủ các môn chính thôi cũng đủ kiệt-sức rồi, hơi sức đâu, thì-giờ đâu mà học âm-nhạc nữa ? Đó là «điệp khúc» thông-thường nhất được «vận» lên để biện-minh cho sự thờ ơ đối với âm-nhạc. Nhưng nếu được hướng-dẫn thỏa đáng từ lớp 1, mỗi năm một ít, thì âm-nhạc chẳng có gì là nặng nhọc ghê gớm, mà lại còn hấp-dẫn thoải-mái để dàng thú-vị nữa là đằng khác, ít

nhất cũng không đòi hỏi nỗ lực nhiều như môn toán. Không được học tập đúng đắn thì học-sinh tự-nhiên sẽ quay sang những loại nhạc hạ-đẳng. Các bậc phụ-huynh hãy thử bữa nào đó lắng tai nghe con em hay hát những gì thi biết. Âm-nhạc là một nhu-cầu, không thể thiếu đối với đời sống con người thời nay. Không được cung cấp loại nhạc đúng đắn thì con em chúng ta sẽ tự-ý đi tìm thứ nhạc nào mà chúng bắt gặp, bất-luận tốt hay xấu. Nếu chịu cất công ngồi cân-nhắc lợi-hại của âm-nhạc thì sẽ thấy thêm một giờ mỗi tuần-lễ, chương-trình học vấn sẽ được lợi-ích khôn kể xiết, và bớt đi một giờ âm-nhạc thì con em chúng ta bị thiệt-thời không để đâu cho hết. Vấn-đề là những bậc có trách-nhiệm đến tiền-đồ của những lớp thế hệ dang-lên kia có thiện-chí hay không. Thế thôi. Hy-vọng rằng chương-trình «Nghiên cứu giáo dục và khuếch-trương học-liệu» do Bộ Giáo-dục mới đề ra vào cuối 3-1972 sau khi chủ-trương «khôi-phục truyền-thống học đường» ra đời sẽ đặt âm-nhạc vào đúng vị-tri và trả lại cho nó tầm quan-trọng đương-nhiên.

Một khi âm-nhạc được coi trọng đúng mức vì vấn-đề đào-tạo cán-bộ, soạn sách giáo-khoa, tìm sắm phương-tiện, giảng dạy tập-tành sẽ được giải-quyết thỏa-đáng theo đó. Khảo-cứu, hòa-tấu, trình-diễn chỉ có thể thực-hiện và phát-triển khi trình-độ nhạc-thức của đại chúng đã lên cao, và lúc ấy những công-việc này trở thành tất-nhiên.

Như vậy, những trở-lực ngăn cản việc học-tập âm-nhạc dưới mái học-đường không phải là không thể vượt qua. Rất mừng là bộ Giáo-dục đã quan-tâm đến môn học này một cách cụ-thể hơn trước. Và sự «khôi-phục công-

quyền» của môn này sẽ được thể-hiện một ngày không xa trong năm 1972 này.

C. NHỮNG ĐỀ-NGHỊ.

Được biết Nha Trung-Tiêu-học đang súc-tiến việc sửa đổi chương-trình âm-nhạc, chúng tôi mạo-muội góp một vài ý-kiến.

1. Thực-tế-hóa chương-trình Âm-nhạc.

Hoạch-định chương-trình Âm-nhạc phải là việc do những người có thâm-quyền, có kinh-nghiệm đảm-đương, chứ không phải do những người tuy học rộng nhưng chỉ sống trong tháp-ngà, chưa biết đến những thực-tế điều-kiện-hóa sự thực-thi. Xin nhớ rằng mỗi tuần-lễ chỉ có 1 lần học âm-nhạc, hầu hết là thiếu-dụng-cụ (bảng có kẻ khuôn nhạc, đờn phụ-họa, sách vở, máy hát, máy ghi-âm, điện-lực v.v.).

Cho hợp-lý và hiệu-nghiệm, âm-nhạc cần được giảng dạy ngay từ lớp 1, khi con trẻ mới bước chân tới học-đường. Đợi cho tới khi lên lớp 6 mới cho học thì tài-thành cũng không thể nhồi nhét vào đầu óc chúng những điều căn-bản phổ-thông mà bất-cứ một công-dân nào cũng phải biết.

Cổ-nhiên ở mỗi bậc (Tiêu-học, Trung-học, hay Đại-học) phải có lối dạy thích-hợp. Phần lý-thuyết phải được coi nhẹ ở những lớp 1 đến 9, và cô-đặc lại trong những khái-niệm cần-thiết cho việc thực-hành mà thôi. Ở những lớp này nghe và tạo âm-thanh, tức là rèn luyện thính-giác là chính. Hát, đánh nhịp, đoán cao-độ và trường-độ của âm-thanh cho nhiều. Từ lớp 10 trở lên mới mở rộng phần

lý-thuyết, đề học-sinh biết suy-luận, phê-phán, thưởng-thức.

Lối dạy cũng cần được hiện-đại-hóa chứ đừng theo kiểu cô-lỗ hàng trăm năm trước. Đại-đề thi cho học-sinh tiếp-sức thắng với thực-tế đã, tức là cho chúng thực-hành bằng bất-chước đã, rồi từ đó mới rút tĩa ra những nguyên-tắc. Như vậy con trẻ mới được rèn-luyện về óc quan-sát suy-luận và mới đúng đường lối mà các chuyên-gia đã dùng để hệ-thống-hóa những sự-kiện âm-nhạc.

Đó cũng là lối mà người ta áp-dụng vào việc học văn-phạm và học sinh-ngữ hiện nay.

2. Biên-soạn và phổ-biến sách giáo-khoa, bài hát giáo-dục

Thiếu sách học là tình-trạng chung của nền giáo-dục Việt-Nam lúc này. Sách giáo-khoa âm-nhạc lại càng hiếm hơn nữa, vì in sách nhạc vốn tốn kém khó khăn hơn in sách khác nhiều lắm. Nguyên một việc tìm được thợ vẽ biết trình-bày cho đúng ký-âm-pháp thôi cũng đã khổ-công rồi. Kẹt hơn nữa là tác-giả cuốn sách phải xuất tiền ra mà thuê người vẽ bản nhạc và không được tính trừ vào phí-lớn ấn-loát chung của cuốn sách, nghĩa là chẳng ai bồi-thường cho cả. Nghị-định số 357.GD/PC/NĐ ngày 23.02.1970 và Điều-lệ soạn sách số 1652-GD/HL/1 ngày 31-7.1970 đã qui-định như vậy. Xin nêu lên ở đây để những vị có trách-nhiệm thấu hiểu «nỗi oan» này và những tác-giả biết trước mà đề-phòng những thất-vọng.

Tuy-nhiên hi-vọng rằng Nha Nghiên-cứu giáo-dục và khuếch-trương học-liệu sẽ giải-quyết thỏa-đáng vấn-đề này, trước là làm một việc công-bằng, khuyến-khích những soạn-giả cam chịu

rất nhiều thiệt-thòi rồi đề bỏ thi-giờ sức-lực vào việc giáo-dục, sau là cống-hiến học-sinh những sách giáo-khoa, những bài hát giáo-dục thực-thụ.

Về bài hát giáo-dục, cũng xin nêu thêm rằng: Có 2 loại bài hát giáo-dục. Một là trực-tiếp, hai là gián-tiếp. Gọi là bài hát giáo-dục trực-tiếp những bài lịch-sử, răn dạy lý-luận, hun đúc tình yêu quê-hương, yêu gia-đình, yêu lý-tưởng. Ví-dụ những bài: *Trên sông Bạch-Đằng, Làng tôi, Nha-Trang v.v..* và những bài hiệu-ca, đoàn-ca.... Gọi là bài hát giáo-dục gián-tiếp những bài lành mạnh, hát lên cho vui tâm-thần, đi-dưỡng sau những giờ học-tập mệt mỏi. Ví-dụ những bài *Lên đường*, những bài *Ca-vũ Cây lúa, Hái chè, gặt gao...* những bài vui chơi như *Ông Ninh Ông Ninh, Thằng Bờm, Thằng Cuội ..* những bài hoàn-toàn giải-trí, gây cười một cách hồn-nhiên, cười để mà cười như *Cái Bống Đi Chợ Cầu Canh, Hát Ngược, Cái Kiến Mày Đùa Cánh Rào...* Những bài hát giáo-dục gián-tiếp, nhờ tính-chất văn-ngệ bên trong, lại thường được hoan-ngheh hơn là loại bài giáo-dục trực-tiếp. Giá-trị của chúng nằm trong việc gây mỹ-cảm và ngăn ngừa trẻ em hát những bài tinh-tứ lãng-mạng nhảm-nhĩ.

Dù thuộc về loại nào thì bài hát dành cho tuổi nhỏ cũng phải dễ hát, thanh-cử vừa phải (từ 8 đến 12 cung-hát là cung), không dồn dập quá, không lê-thê quá (mỗi giây đồng-hồ 2 tiếng hát, hoặc 2 giây một tiếng hát là vừa, vì hơi của trẻ em không dài), chiều dài của bài cũng vào khoảng 8 đến 32 ô nhịp (mesures) là cùng, đối với lớp 1, 2, 3 thì bài càng cần đơn-sơ, dễ hát, ngắn và vui.

3. Phổ-biến mạnh mẽ bằng Truyền-thanh Truyền-hình

Không mấy người tự mình cầm bản nhạc mà hát lên đúng điệu đúng nhịp, • diễn-tả được như soạn-giả. Cần phải cho họ nghe trình-bày thì họ mới cảm

thấy cái hay của bài. Đối với các em từ lớp 6 trở xuống thì bài hát càng cần phải đi qua thính-giác mà thấm dần vào tâm-hồn.

Bộ Giáo-dục có 2 cơ-quan đặt tại Trung-Tâm Học-Liệu rất có thể đáp-ứng việc phổ-biến đó: Phát-thanh Học-đường và Truyền-hình Học-đường. Truyền-Hình Học-đường, nhờ hình-ảnh có vẽ hấp-dẫn hơn, nhưng rất là tốn kém mà phạm-vi ảnh-hưởng cũng thu hẹp vào những thành-phố lớn mà thôi. Truyền-thanh Học-đường ít tốn kém hơn, lại có trương-độ lớn hơn nhiều, những thôn ấp thật nghèo nàn hẻo lánh cũng có thể hưởng-thụ. Nếu có sách giáo-khoa, có thầy dạy nhạc rồi mà lại được chương-trình PTHĐ hỗ-trợ thì thật không gì hơn. Những bài do PTHĐ tung ra còn được coi như kiểu-mẫu để các nơi nương-theo: như vậy còn được lợi về phương-diện thống-nhất cách trình-bày cũng như phương-pháp giảng dạy. Khỏi phải nói, ai cũng biết rằng bài hát, bài dạy mà phổ-biến bằng PTHĐ thì sức lan tràn sẽ

mau lẹ mạnh mẽ vô-cùng.

Để giúp cho những trường ở xa thành-thị và ít phương-tiện, mỗi bài học có thể phát-thanh nhiều lần mà không tốn kém chi thêm. Thu-thanh bài học vào băng cũng là một cách phổ-biến bài hát giáo-dục rất hiệu-nghiệm. Hiềm vì ở nước ta hiện nay, nạn sang băng lậu đang hoành-trương và tàn-phá những nhà sản-xuất, cho nên cũng cần đề dặt, vì số vốn bỏ ra không phải nhỏ.

Đó là một vài biện-pháp mà chúng tôi mạo-muội đề-nghị để lợi-dụng ảnh-hưởng của âm-nhạc vào việc giáo-dục lớp thanh-niên, thiếu-nhi. Chắc chắn còn nhiều biện-pháp rất hiệu-nghiệm khác mà quý độc-giả đã biết rõ hơn. Mong được lãnh-giáo trong những số báo tới.

Ước sao Nha tân-lập « Nghiên-cứu giáo-dục và khuếch-trương học-liệu » sẽ tích-cực giúp đỡ nhà giáo chúng tôi thực-hiện được phần nào công-cuộc giáo-dục bằng âm-nhạc mà chúng tôi đã theo đuổi trên 30 năm nay.

MỜI PHÁT HÀNH :

Vấn đề ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO

của Hoàng Sơn Hoàng Sỹ Quý

Đức T.G.M. Nguyễn văn Bình đề tựa — Ra Khơi xuất bản

Đây là cuốn đầu trong TỦ SÁCH NHẬP THỀ H.G.V.Đ.

Công trình nghiên cứu công phu, những tư tưởng
cởi mở, táo bạo và mới mẻ.

NGÀY XƯA ĐI HỌC

NÓI ngày xưa, nhưng thật ra mới cách đây chừng bốn chục năm trở về trước, người mình đi học khác hẳn ngày nay về mọi phương diện, có thể nói rằng thanh thiếu niên bây giờ nghe biết phải lấy làm lạ.

Nói học ngày xưa là chỉ có học Nho, không như bây giờ học cả Toán, Sử, Địa, Lí, Hóa... ở bậc đại học Cao học phân tách chuyên-khoa như Văn-khoa, Y-khoa, Luật-khoa.

Vậy học Nho thế nào ?

Nho 儒 là do chữ Nhân 人 ghép với chữ Nhu 需 mà thành ; Nhân là người, Nhu là cần dùng, tức là hạng người cần dùng để giúp cho nhân-quần xã-hội biết đường hành động cư xử phải đạo làm người, hợp lẽ trời. Chữ Nhu lại có nghĩa là chờ đợi, cho nên Nho còn có nghĩa là người học giỏi, đợi người ta cần đến, sẽ đem cái tài trí của mình ra mà cang đáng việc đời, làm ích quốc lợi dân. Học Nho là cái học thực-tế, không phải một môn học chỉ chuyên về văn-chương đạo lí như nhiều người lầm tưởng, cái học thực dụng cho nên có câu Sĩ kiêm bách nghệ. Học Nho đỗ đạt thì ra làm quan gánh vác việc dân việc nước, hoặc thiết trường dạy học làm sáng tỏ đạo thánh hiền ; nếu không

đỗ đạt, học chưa đủ, thì cũng có thể làm những việc cần phải biết chữ, như xưa thường nói Nho, rồi mới đến Y, Lí, Số.

Đây là nói đại thể cái tinh cách Nho học còn như có ứng dụng được với đời, có lợi ích hay không dĩ nhiên là tùy ở trình-độ học vấn, ở tinh thần đạo đức.

Nay ta hãy tìm hiểu cách học ngày xưa như thế nào.

CÁC BẬC HỌC VÀ CÁC TRƯỜNG HỌC

Ở bậc Ấu-học tiểu-học không có trường công lập. Không có lệ bắt buộc thiếu-niên tráng-niên đến tuổi nào phải đi học, nhưng người xưa rất chuộng việc học, chỉ khi bần cùng mới chịu bỏ tay, còn nếu chạy vạy được là lo cho con đi học, ít ra cũng đọc được cái phái-lai, bức văn tự, thông thuộc văn khấn gia-tiên ngày giỗ ngày Tết...cùng dĩ cũng phải biết cầm bút kí mấy chữ họ tên của mình; nếu có giấy tờ không kí tên được mà phải «cấp chỉ» là điều khổ cực.

Thường thường trong mỗi làng, có khi trong một xóm, có một trường học nhỏ thiết lập ở một tư-gia. Gia-chủ là người giàu có hoặc chỉ đủ ăn nhưng ham chuộng việc học, tự nguyện đài thọ việc nuôi thầy cho hai,

ba, có khi chỉ một con học. Những người làng xóm có con đến học, chung góp tiền m y mặc cho thầy, cùng với những món tiêu pha cần thiết như giỗ chạp tết nhất ở nhà thầy. Có khi một hai trò nghèo không đài thọ được khoản sở phí nào, cũng vẫn được đến học vì tình lân li, vì học vấn, các phụ-huynh học sinh không hề bỏ bán, trách cứ, và «đạo thánh là đạo rộng» ông thầy chỉ coi đứa nhỏ là một trò phải được giáo-hóa, không bao giờ đòi hỏi việc gì. Trong một bài phú «thầy đồ» có câu :

Mồ đầu bổ lấy tiền,

Mồ bụng con nhét chữ.

Chỉ là văn khôi hài ; về thực tế ý nghĩa tiếng bổ (lấy tiền) cũng chẳng khác gì tiếng mồ (nhét chữ), chỉ là trừu-tượng.

Thầy là một người trong làng trong xóm hay trong tổng, đôi khi là người ở xa vì quen biết hoặc nhờ cậy đón rước đến «ngôi»; ngày xưa nói đi «ngôi» là đi dạy học ở luôn nhà người ta thù phụng cơm bụng nước rót. Bài phú «Ông đồ ngông» của Nguyễn Khuyến toàn giọng hài hước, có đoạn :

Rằng : *Tôi nhà chủ xin rước thầy ngồi,
Trầu nước đoan, rượu chè rồi ;
Bàn tiền đồn, tinh cơm nuôi,
Chủ rằng Đạo thánh là Đạo
rộng ;
Thầy rằng lạy ông còn tùy tôi...*

là lời riếu cợt, thực ra không bao giờ có chuyện «kèo cò bót một thêm hai»; thầy cũng như nhà chủ đã phải tự lượng theo khả-năng theo hoàn-cảnh mà xếp đặt quyết định trước.

Có khi thầy là một người trong làng vào bậc khá giả, không phải lo ăn lo mặc, ngồi dạy bảo lũ trẻ nhỏ nhà

minh rồi nhân tiện dạy cả lũ trẻ nhà người như nho-sĩ nói 幼幼及人幼; hoặc thầy ở cảnh sung túc nhàn hạ, mở trường dạy đón nhận nhiều trẻ, không nỡ bỏ mặc chúng thiếu chỗ học, được làng xóm vì nể quý trọng, nhất tự vi sư, bán tự vi sư mấy ai sẽ được như thầy khi lũ học trò đến tuổi trưởng thành làm chức phận trong làng ngoài tỉnh.

Những ông thầy này dạy lớp ấu-học tiểu-học, là những ông Khóa, những ông nhất nhị trường, dạy khai tâm với những quyển sách cổ-hữu, như Nhất thiên tự, Tam thiên tự, Ngũ thiên tự, Sơ học vấn tân là sách của người Việt-Nam ta soạn, và những quyển Tam tự kinh, Minh-đạo gia-Huấn, Minh tâm bảo giám, Thiên tự văn-Hiếu-kinh, Ấu-học ngũ ngôn thi, Dương, Tiết, là sách của người Trung-Hoa soạn.

Ta hãy xét xem những sách ấy thế nào.

NHỮNG SÁCH HỌC LỚP ĐỒNG-ẤU.

Nhất thiên tự là sách «một ngàn chữ», thề ca lục bát, cứ một chữ nho thì tiếp liền nghĩa của chữ ấy bằng Việt, thuận theo văn sắp đặt chữ và nghĩa, không có thứ tự gì; mấy câu đầu sách là :

*Thiên 夫 trời, địa 地 đất, vân 雲 mây,
Vũ mưa, phong gió, trú ngày, da だ đêm.*

*Tinh sao, lộ móc, tường diềm.
Hưu lành, khánh phúc, tăng thêm,
da nhiều.*

Như vậy học nghĩa từng chữ mà có khi trẻ nhỏ vẫn không hiểu nghĩa ấy, như móc, diềm, thì ông thầy lại phải giảng thêm; có khi ông thầy cũng đặng tri không giảng, cho rằng nó đã biết.

Tam thiên tự là sách «ba ngàn chữ», chỉ viết chữ nho, không viết nghĩa ra chữ nôm ở dưới mỗi chữ nho, cũng như quyển *Nhất thiên tự*. Khi dạy ông thầy đọc chữ nào nghĩa ấy, truyền khẩu cho học trò đọc theo, có khi một trò khác đã học thuộc, đọc dạy thay ông thầy. Tiếng nghĩa chữ trên ăn vắn với tiếng nghĩa chữ dưới cho dễ đọc dễ nhớ, không sắp đặt thứ tự loại mục. Sách bắt đầu bằng những chữ :

*Thiên trời, địa đất, cử cử, tôn tôn,
Tử con, tôn cháu, lục sáu, tam ba.
Gia nhà, quốc nước, tiền trước, hậu
sau...*

Thỉnh thoảng cũng gặp nghĩa chữ nho vắn bằng tiếng Việt mà trẻ nhỏ vẫn không hiểu, thì ông thầy lại giảng thêm, tỉ dụ : *dị dễ, nan khôn, trụ cột, lương rường*, thầy thấy cần thì giảng *khôn* là thế nào, *rường* là gì...

Ngũ thiên tự là sách «năm ngàn chữ». Mỗi chữ một nghĩa ghép với nhau đặt thành ca lục bát, sắp thành từng mục công phu, như thiên-văn, địa-lý, cương-thường, nghề nghiệp... nhưng vì đặt câu cho có vần, lắm lúc phải đem vào những chữ ép gượng để chuyển tiếp xuống mục khác, thành ra có nhiều chỗ không hẳn khúc chiết, trích lục mấy câu đầu :

*Thừa nhân, nhân vãng, hạ rồi ;
Cần trời, khôn đất, tài bồi trồng vun,
Tích xưa, tự chữ, do còn,
Quan xem, soạn soạn, viên tròn,
thiên thiên.*

Vẫn như hai quyển trên, có những nghĩa chữ mà người chưa học biết không thể hiểu, nói chi trẻ nhỏ, như thừa (nhân), hạ (rời), cần (trời), khôn (đất), soạn (soạn), thiên (thiên)...

Cả ba quyển sách kể trên thường

là những bản chép tay, chép những chữ nho, còn phần nghĩa bằng chữ nôm thì không chép, có lẽ vì ngại mất nhiều công vô ích, thêm rối mắt rối trí trẻ mới bắt đầu học, nhận mặt chữ nho chưa xuê, biết gì được chữ nôm. Điều cần thiết là khi học đến chữ nào (chữ nho) thì phải theo miệng người dạy, phát âm cho đúng, và cũng đọc theo luôn nghĩa ; nhờ có vắn, đọc đi lập lại quen miệng thuận tai rồi nhớ. Có những bản in (mộc bản) có chưa nghĩa bằng chữ nôm ở phía dưới mỗi chữ nho, in chệch về bên phải, có chữ nhỏ hơn, nhưng ít thấy dùng, vì chữ viết tay nét mềm dẻo dễ nhìn nhận hơn chữ in đối với kẻ nhỏ.

Không biết ở những bản in có ghi tên tác-giả sách và tháng năm soạn sách hay không, ở những bản chép tay thì đều không thấy có ; mọi cách đây độ bốn chục năm mà không thể nào tra cứu được về điểm này.

Sơ học vấn tán.— Nhan sách nghĩa là «Bắt đầu học, hỏi bấn» tức là hỏi đường lối về việc học. Sách viết khá dài đối với tuổi thơ ấu : 270 câu, mỗi câu bốn chữ, không có vần, chia làm ba phần : Phần thứ nhất là lịch-sử Trung-Hoa tóm tắt, phần thứ hai là lịch-sử Việt-Nam cũng rất giản-lược, phần thứ ba là lời khuyên học và cách cư-xử. Trích lục mấy câu ở phần thứ hai :

*Ki tại quốc bản, cử hiệu Việt-Thường ;
Đường cải An-Nam, Hán xưng Nam-Việt.
Thần-nông lữ thế, thứ-lữ phân phong ;
Viết Kinh Dương vương,
hiệu Hồng-Bàng thị.*

Nghĩa : Từ đầu gốc nước ta xưa gọi là Việt-Thường; nhà Đường đổi

làm An-Nam, nhà Hán gọi là Nam-Việt. Cháu bốn đời vua Thần-nông, là con thứ, được chia phong (làm vua nước ta), gọi là vua Kinh-Dương, họ Hồng-Bàng.

Điều đáng chú ý là gần cả nửa trên quyển sách dạy lịch-sử Trung-Hoa, trong khi lịch-sử nước nhà chép sau ở chương dưới, và chỉ bằng phân nửa chương sử trên.

Tam tự kinh là sách «ba chữ» (mỗi câu), ta dùng nhiều nhất. Những chữ cuối câu chẵn đều có vần, cứ hai vần trắc lại đối sang hai vần bằng. Ở bài tựa một bản in sách này có nói: Tương truyền là do Vương-ưng-Lân đời Khánh-nguyên (1105-1201) nhà Tống soạn; lại có thuyết: do Khu-thích-Tử cuối đời Tống soạn (Nhà Tống mất ngôi năm 1279). Tất cả có 386 câu. Bản in thông dụng từ trước đến nay có phụ chú dưới câu thứ 256: «Bản cũ đến đây hết», và «Thêm vào» 130 câu nữa. Sách chia ra nhiều đoạn khá rõ rệt: trước hết nói về tính người và sự dạy dỗ; thứ đến bốn phận của trẻ nhỏ; rồi đến đoạn nói về thường thức: số mục, trời, đất, người, mặt trời, mặt trăng, sao, tứ thời, ngũ hành, ngũ thường, các giống lúa, súc vật, bát âm, chận họ... kế tiếp là đoạn nói về các sách học như Hiếu-Kinh, tứ thư, ngũ kinh, các sách sử...; sang đoạn lịch-sử Trung-Hoa kể các triều vua đến khoảng giữa trung-cổ thời đại; kế đến đoạn nói về những người chăm học đời xưa thành tài nêu gương sáng mãi về sau; đoạn chót 28 câu là lời khuyên phải chăm học thì được vinh hiển như người xưa, đem những con vật có công ra so sánh, nói người mà không học thì không bằng con vật. Trích lục mấy câu đầu *Tam tự Kinh*:

*Nhân chi sơ tính bản thiện,
Tính lương cận tập lương viễn.
Cầu bất giáo tính nãi thiên;
Giáo chi đạo quý dĩ chuyên.*

Nghĩa: Người mới sinh ra tính vốn lành, tính thường gần như nhau, tập nhiễm rồi thành xa khác. Không dạy dỗ hẳn học tính sẽ biến đổi. Đạo dạy dỗ cốt ở chuyên cần.

Ta thấy mở đầu sách đã nói điều triết-lý, thật là quá khó đối với trẻ nhỏ.

Minh-dạo gia huấn là «sách dạy trong nhà của Minh-Đạo». Minh-Đạo tức là Trình-Hiệu, một danh-nho làm quan đời Tống Thần-Tôn (1060—1086). Sách gồm 500 câu thơ bốn chữ, mỗi câu đều gieo vần hoặc cách một câu mới gieo vần. Toàn là lời khuyên răn về cách tu-thân, về cách cư xử theo luân thường đạo lý. Nhiều câu lời gọn ý hay đã thành cách-ngôn được truyền tụng. Dưới đây trích một vài câu không theo thứ tự:

*Tịch cốc phòng cơ, tịch y phòng hàn.
Bần nhi vô xiêm, phú nhi vô kiêu.
Cơ hàn thiết thân, bất cố liêm sỉ.
Đần hoạn vô tài, bất hoạn vô dụng.*

Nghĩa: Trữ thóc phòng đói, trữ áo phòng rét.

Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu.

Đói rét thiết thân, bất cố liêm sỉ.

Chỉ lo không có tài, chẳng lo không được dùng.

Minh lâm bảo giám là «gương báu soi sáng cõi lòng». Nhiều câu châm-ngôn cách-ngôn của thánh hiền xưa trong các sách được sưu tập chép ra để dạy sửa mình luyện tính. Sách

gồm 20 thiên. Sau đây trích vài câu ở thiên thứ nhất là thiên «Kế thiện» :

Tử viết : Vi thiện giả, thiên báo chi dĩ phúc;

Vi bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa.

Nghĩa : Đức Không-tử nói : Người làm điều lành thì trời lấy phúc mà báo cho; người làm điều chẳng lành thì trời lấy vạ mà báo cho.

Trang-Tử viết : Nhất nhất bất niệm thiện, chư ác giải tự khởi.

Nghĩa, Ông Trang-Tử nói rằng : Một ngày không nghĩ đến điều thiện, thì mọi điều ác đều nổi dậy.

Thiên tự văn là sách «một ngàn chữ», gồm những câu bốn chữ có vần, cốt dạy cho biết chữ biết nghĩa, không sắp xếp ra ngữ-vựng, ra mục. Sách do Chu-Hung-Tử làm quan đời nhà Lương (907-923) soạn.

Hiếu kinh của Tăng-Tử là học trò đức Không-Tử chép lời thầy dạy về đạo hiếu.

Ấu học thi thường gọi là Ấu học ngũ ngôn thi, gồm 34 bài thơ ngũ ngôn (136 câu), không rõ tác giả là ai, viết sách hồi nào, trong một bản in (mới đây còn có bản) lời thay bài tựa ở đầu sách cũng nói rõ như vậy. Có 10 bài thơ khuyên học, 4 bài nói về cái vinh hạnh thi đỗ ; ngoài ra là những bài vịnh 4 mùa xuân, hạ, thu, đông, những bài đề giấy, bút, mực, nghiên... Sách này còn có những bản chép tay gồm nhiều câu hơn, cũng vẫn ngũ ngôn, chừng gấp đôi ; dường như là do tiền nhân ta đã tăng

*bổ thêm vào, nói cái kết quả của sự học và cái lạc-thú thi đậu trạng nguyên, vì vậy sách này còn có tên *Trạng nguyên thi*. Trích bài thơ *Khuyên học* thứ hai :*

*Ấu liễu tu cần học,
Văn chương khả lập thân;
Mãn triều chu tử quý,
Tận thị độc thư nhân.*

Nghĩa : Còn nhỏ nên chăm học. Văn chương có thể làm nên. Khấp trong triều những người áo đỏ áo tía (hiền quý) hết thấy đều là người (đã có công) đọc sách.

Tất cả mười một cuốn sách kể trên, không phải hề bắt đầu đi học là lần lượt học hết cả. Phần nhiều trẻ từ lúc khai tâm được cho học dần từ một đến ba bốn cuốn, tùy ý thầy lựa chọn. Ba cuốn thông dụng nhất là *Tam tự kinh*, *Tam thiên tự* và *Nhất thiên tự*. Cũng nhiều ông thầy cho học bốn năm quyền, mỗi quyền chừng một nửa trên hoặc mười lăm trang, không cho học hết cả quyền, ý rằng có cho học «nhiều» sách, chẳng phải chỉ một hai quyền. Thường thường những nhà thi-thư khoa giáp văn cho con cháu học sớm hơn các kẻ khác một hai năm lại sẵn «cây nhà lá vườn», ham cho chúng học nhiều quyền, nếu không phải cả 11.

Ngay từ lúc còn nhỏ đại đã cho học những sách dạy luân thường đạo lý, người xưa quan niệm rằng học là để hiểu biết lời thánh hiền với nghĩa lý cao siêu, để mở mang trí tuệ, để biết cách tu thân, xử thế, và để sau, nếu có thể được, ra giúp việc đời. Lúc người Pháp lo đặt nền móng cho việc đô-hộ nước ta, bắt người mình đi học chữ pháp. Buổi đầu chỉ những người ngoài 20, 30 tuổi thấy sức mình học nho khó lòng thành đạt, mới chịu «phá ngang»

đi học « chữ tây », phải học « tiếng một » (mot à mot) như *Café* là cà phê, *le café* là nước cà phê, *fromage* là bánh *nữa*, *olive* là quả ô-li-vơ, tuy chẳng biết những thứ ấy là gì mà cũng chưa hề không thấy bao giờ, nhưng cứ phải âm thầm nhấm trong miệng nghĩ trong óc cho kì thuộc lòng, không dám học lên tiếng, sợ người ta nghe thấy chê cười học hành gì như vậy. Một nhà nho có con học « chữ tây » thấy chán nản bực tức, một đêm rình thấy con vừa cầm bút viết vừa nhấm : *Le boeuf* là con bò đực, *la vache* là con bò cái; đêm khuya thanh vắng một mình, tưởng là nhấm khế đủ để tai nghe cho dễ nhớ chóng thuộc, không ngờ ông thân nghe được, liền gọi đem sách ra xé nát và bảo :

« Học bò đực, bò cái, thì học làm gì ? »

Và từ đấy người con không được đi học « chữ Tây » nữa.

KHAI-TÂM

Tùy gia-cảnh, trẻ 6, 7 tuổi bắt đầu đi học là sớm, thường thì chậm hơn vài ba năm; nhà quê làm ruộng phần đông nghèo túng, cần phải để con ở nhà giữ em, giúp việc vặt, có trâu bò thì chăn dắt và cắt cỏ...

Ngày bắt đầu đi học thì làm lễ « Khai tâm ». Cha mẹ hay chú bác đưa trẻ phải có lời nói trước với ông Thầy; khi đã chọn được ngày tốt và được sự ưng thuận của chủ nhà có trường học (thực ra không bao giờ bị khước từ) người ta sửa lễ hương khoa trầu rượu xôi gà đem ra văn-chỉ của làng, mời thầy đến làm lễ « trình diện » với Thánh, xin khai-tâm cho đứa trẻ, Tiều-sinh phải y-phục tề chỉnh (quần chùng áo dài) vào lễ bốn lay ba vãi.

Sau đấy, cái lễ được chia làm đôi, biểu ông thầy một nửa, đủ cả trầu rượu xôi gà. Nhiều nhà khá giả cũng làm cỗ cúng, cáo yết gia-tiên, mời thầy học và bà con anh em uống rượu vui vẻ, khuyên răn cầu chúc đứa trẻ học hành tấn tới. Những nhà nghèo túng « không chạy được » thường cũng sửa lễ coi trầu be rượu, không mấy ai bỏ qua.

TRƯỜNG HỌC

Trường nhỏ thường chỉ có mươi trẻ học, nhiều lắm đến vài chục. Thầy ngồi trên bộ ghế ngựa hay là một giường giát tre, bao giờ cũng có cái tráp bên cạnh; phía trước là một cái ki trên đề ống bút, đĩa son, nghiêng mực, với một cái điều thuốc lảo, bên cạnh là cái đèn Hoa-kì nhật dạ ngọn lửa bằng hạt đậu xanh, lại thêm nắm đóm tre ngâm chẻ mỏng, để thầy châm lửa hút thuốc. Điều đáng chú ý là trên mặt ki bao giờ cũng có một cái roi mây nằm vắt ngang, tượng trưng quyền uy và kỉ luật.

Học-sinh từ 7, 8 tuổi đến 14, 15 tuổi, ngồi trên phản gỗ thấp hẳn hơn mặt giường của thầy, mỗi phản chỉ có thể ngồi 4,5 trò, mà ít nhà xấp được đủ phản cho tất cả, thành ra nhiều khi phải ngồi chiếu trải trên mặt đất nền nhà, lúc tan học lại cuộn chiếu cất đi; khi nhà nuôi thầy không đủ vật lực, phụ-huynh học-sinh tự động mua chiếu đem đến.

Lúc học, thi sách mở ra để trên phản hay trên chiếu, trước mặt học trò ngồi xếp chân bằng tròn; Khi học thì đọc đi đọc lại một câu, giọng ờ a đủ nghe, đọc luôn cả nghĩa, đọc 7,8 lần hay hơn nữa, đến thuộc thì thôi, rồi học sang câu khác; học hết một đoạn sách lại học trở lại vài ba lượt

xem đã thật nhớ kỹ chưa. Trong khi học như vậy, trò nào cũng đảo người về phía trước như muốn rap người xuống để được trông thấy gần hơn những chữ trong sách, rồi lại cất mình lên, cứ thế đều đều suốt cả buổi. Đứng bên ngoài trông vào thì như một màn «vũ ngũ» mỗi «vũ công» diễn-nhiên thần-nhiên trình diễn theo ý mình, không theo nhịp điệu nào và không quan tâm đến các diễn-viên đồng đội; đi ngoài đường ngang qua trường học thì nghe như một bản hòa tấu, mọi bản đồng-ca thì đúng hơn, vì không có nhạc, đồng-ca nhưng mạnh ai nấy ca bài của mình, thành ra không hòa điệu, trở nên trờ trêu «đồng nhi bất hòa».

Ông thầy ngồi ra cạnh giường, lúc ở phía trước lúc ở phía bên, mỗi khi phải xích lại gần một trò muốn hỏi một chữ vừa quên, hoặc muốn học xuống câu dưới cần được thầy đọc cho nghe và giảng nghĩa, để học theo, trò nào đang học mà ngủ gật hoặc đùa nghịch với bạn bên cạnh, liền được thầy thưởng cho một hai lần roi trên vai, trên lưng.

Thường thường từ 4 giờ chiều tất cả lớn nhỏ phải sắp xếp bút nghiên vở đề gọn một nơi, rồi đem sách ra cùng học. Rất có thể cả 11, 12 trò học 11, 12 bài khác nhau: Bốn năm bé cùng học *Tam tự kinh*, nhưng bé này mới học đến trang 8 thì bé khác đã học đến trang 15, trong khi mỗi bé khác đã học được nhiều trang hơn. Bốn năm trò nữa cũng vậy, cùng học một sách khác, nhưng mỗi trò học một trang, trên dưới xa cách. Có khi ba bốn trẻ cùng tuổi cùng bắt đầu học một ngày, thầy cho học *Tam thiên tự*, nhưng cậu nào sáng dạ học nhanh, cứ việc tiến, thầy cứ lần lần chỉ bảo cho học, không phải đợi một bạn nào để

cùng học một trang sách. Học đến gần xá-xâm tối, có khi thắp đèn lên học chừng một hai giờ nữa, trừ những trò nhỏ dại được cho nghỉ sớm. Phần nhiều những trò đã học khá khá mà ham «đùi mài» thì thầy cho học đến hết canh một sang canh hai mới được về nhà nghỉ hoặc ngủ lại ở trường. Mấy trò lớn này thường chung nhau mua dầu thắp đèn đem đến, không để nhà chủ phải cung ứng.

Buổi sáng học trò đến thật sớm, trong khi thầy rửa mặt, uống trà, ăn cơm, các trò đem sách ra học, trò nhỏ có thể hỏi đàn anh bảo cho những chữ quên. Theo nếp sống nhà nông, trẻ nhỏ cũng dậy sớm ăn cơm với mọi người trong gia-đình phải đi làm đồng từ mờ sáng, cho nên giờ học ở trường nào cũng sớm sủa như vậy.

Buổi sáng khoảng từ 8 giờ đến 12 giờ, buổi chiều khoảng từ 2 giờ đến 4 giờ, học trò tập viết hoặc chép bài để học, và làm bài thầy ra cho từng người.

Những bé 6, 7 tuổi mới bắt đầu học, chưa thể viết bằng bút lông, thì tập viết bằng một que tre như cái đũa, dài chừng hai tấc, một đầu vót nhọn; tập cầm y như cầm bút lông, viết trên mảnh gỗ có khắc chữ nét sâu xuống, đầu «bút» nhọn đưa theo những đường khắc rãnh, không thể chệch ra ngoài được, tập như vậy tay sẽ mềm dẻo dần dần thuần thục, đề rồi có thể viết bằng bút lông. Ông thầy, hoặc một trò đàn anh, chỉ bảo cho phải viết nét nào trước nét nào sau. Những miếng ván này dài rộng chừng 25 phân x 5 phân, dày 1 phân, có bán sẵn ở những thị-từ lớn; trên mặt mỗi ván khắc 5 hoặc 6 chữ. Bắt đầu là mấy ván khắc:

những chữ ít nét, như 一 二 三 十 下 上 土 士, những ván dùng kẻ tiếp khác chữ có nét cong, nét gãy góc, nét hất, nét phẩy, nét móc, như 乙 云 口 丁 小 才 人 大 天 天 太.

Có lắm đứa trẻ tập nhiều mà tay vẫn không thuần, vẫn cứng, trái lại cũng nhiều đứa chỉ tập vài ngày là cầm bút lòng viết được ngay.

Vở tập viết đóng bằng giấy bồi rẻ tiền. Giấy bồi để đóng vở, cũng như giấy bản để viết sách tốt hơn trắng hơn mịn mặt hơn, đều cùng một cỡ chừng 38 phân x 25 phân, mua về gấp đôi lại, xe lè đóng, trừ mép giấy độ 2 phân rưỡi làm gáy vở. Thầy viết chữ son trên giấy bồi, cho trò viết đậm bằng mực lên trên; phải tập viết kéo bút một lượt tô kín nét son, không được tô đi đậm lại ba bốn lần trên một nét son. Bắt đầu là những chữ ít nét như đã tập kẻ nét trên những miếng ván, cứ thế dần dần viết đậm những chữ nhiều nét mãi lên, thầy cũng lựa cho viết những chữ đã học, để vừa đậm vừa nhớ lại âm và mặt chữ. Phải hết sức để ý : trong một chữ nét nào phải viết trước mấy nét khác mà bỏ lại viết sau là viết «trái cựa» có thể bị phạt «vòng mép».

Viết đậm dẻo tay rồi, thì tập viết phóng : Thầy viết bằng mực đen, trên một tờ giấy, những chữ dễ ít nét, mỗi trang 3 dòng từ trên xuống dưới (khác bây giờ viết dòng từ trái sang phải) mỗi dòng 6 chữ. Nòng phóng vào trong mỗi tờ quyền vở, nét mực chữ phóng nổi bóng hằn rõ dưới giấy trắng, trò nhỏ cứ theo vết bóng mà viết, sao cho đúng đúng chệch ra ngoài nét chữ phóng. Dần dà rồi viết theo phóng chữ nhỏ hơn.

GIẤY LỘN.

Khi đã viết hết quyền vở, thì tháo lè ra, gấp đảo mặt tờ giấy đã viết vào trong, để hai mặt trái lộn ra ngoài, lại đóng thành vở như trước. Lần viết đậm cũng như viết phóng, chỉ viết ở khoảng giấy còn trống ở giữa hai dòng đã viết ở mặt giấy bên trong. Đây là một cách cần kiệm mà tất cả mọi trò đều làm theo, bất kể giàu nghèo. Có khi cũng là những quyển sách chữ viết xấu đã dùng rồi, được tháo ra lộn lại để thầy viết son cho đậm. Ngày xưa, nói «giấy lộn» là ở những quyển vở kia những quyển sách này, đã lộn trái lại, viết kín cả hai mặt. Giấy lộn không còn giá trị nhưng cũng được chặt chiu giữ để dành dùng được việc, như đánh bìa, phát quạt tay, quạt lúa, phát điều, phát mũ (lều học trò đi thi), không bao giờ được đem dùng vào việc lau chùi dù lau chùi những đồ quý ngọc ngà, đồ thờ vàng son, nhất là không được xé, bổ vút bậy bạ, vì giấy có viết chữ thánh hiền.

Khoảng mấy năm cuối thế kỉ XIX, một số người được Pháp tin dùng, nức lòng hồi dạ học «chữ Tây», nhiệt tâm vọng ngoại, muốn tỏ ra cho mọi người thấy tận mắt là nho học chẳng còn đáng quý đáng trọng, họ lại được các giáo-sĩ tuyên truyền những gì vẫn coi là thiêng liêng từ xưa ở đây, cũng không có nghĩa lí gì, họ xé bỏ giấy lộn có viết chữ nho, khắp nơi trong thành phố Hà-nội. Hội Văn-học của nhà nho hồi ấy phải thuê người ngày ngày gánh đôi bồ đi lang thang từ đầu đường cuối phố lượm nhặt hết mọi mẫu giấy nho đem về đốt đi.

(Còn tiếp)

THUỐC THOA

BIOCORTIN

Trị các chứng bệnh ngoài da có viêm nhiễm

- Mụn, nhọt, chốc, lở
- Trứng cá, mụn ở mặt
- Phong ngứa

(Có bán tại khắp các nhà thuốc tây)

UỐNG KHỎI CHÍCH

là là, Kiệt ly - có đăm, máu

VEREX

NGƯỜI LỚN - CON NÍT

56' HN 508 . BYT/QCOP.29-10-63

thuốc bổ

fortan

B12



✦ **BỔ GAN**
✦ **THÊM MÁU**
✦ **TĂNG CƯỜNG**
✦ **SỨC KHỎE**

TÂN-TR

HY/221M BYT/11-4-58

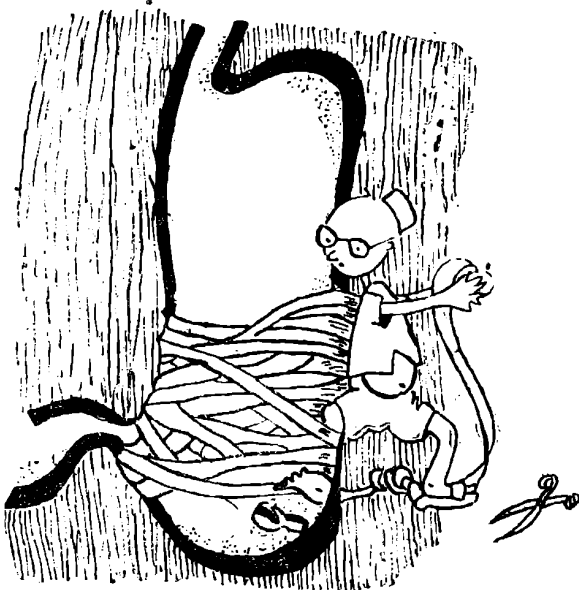
THUỐC TRỊ BỆNH BAO TỬ

VIÊM Ỏ CỎI

GASTROPAN

C'est le pansement du tractus gastro-intestinal

- **Lở loét Bao Tử**
- **No hơi ỏ chua**
- **Viêm bao tử Viêm Ruột**
- **Đau quặn** (có ghẻ lở sưng đỏ ở ruột)



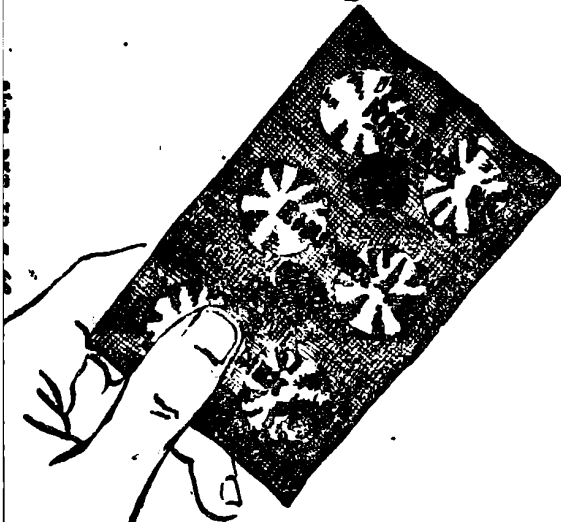
**CÓ bán tại các
NHÀ THUỐC TÂY**



đã kiểm nghiệm 031 BYT/DPQC

CẢM MẠO CÚM

SỐ MŨI . NHỨC ĐẦU . NHỨC RĂNG
ĐAU NHỨC BẮP THỊT . PHONG THẤP



đã có

RHUMEX

VỚI SINH-TỔ Đİ + SINH-TỔ C
CHỐNG LẠI SỰ MỆT MỎI

HIỆU CON VỢI ĐỎ



Tên bán-chế BIOPARMO

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



NGŨ THANH : tùng, trúc, đào, thủy, nguyệt
do Văn thụ Bình, đời Thanh

Giá bán : 90 đ.

<https://tieulun.hopto.org>